



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHI LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Thư đầu năm

## Phát triển và mở rộng diễn đàn dân chủ

Trước thềm năm dương lịch mới chúng tôi xin gửi tới quý độc giả và thân hữu lời chúc một năm 1995 an khang và thịnh vượng.

Thông Luận bước vào năm thứ 8 trên con đường tranh đấu chính trị lâu dài cho dân chủ và nhân quyền của đất nước Việt Nam. Một năm vừa lại trôi qua. Một năm làm việc với tính cách nghiệp dư của ban biên tập, thân hữu và các thành viên để xuất bản đều đặn nguyệt san Thông Luận ở Pháp, Hòa Lan, Hoa Kỳ và gần đây tại Anh Quốc. Như thế thật có thấm thía gì so với nhu cầu của đất nước? Nhưng đó là cái giá phải trả để Thông Luận hoàn toàn độc lập, tự do, không hệ lụy vào các thế lực nội, ngoại đã đưa đất

nước đến tình trạng nghèo nàn, lạc hậu hiện nay. Thông Luận sẽ tiến chậm hơn so với mong ước. Nhưng thà chậm và chắc vì dựa trên sức mình còn hơn nhanh chóng bề ngoài để dễ bị tan rã khi gặp khó khăn thực sự. Từ nhận định đó, chúng tôi nghĩ có thể đánh giá nội dung và hình thức tờ báo một cách thực tế hơn, nhận rõ các ưu điểm cũng như các yếu kém để sửa chữa hầu kiện toàn và phát triển tờ báo hơn nữa.

Về nội dung, một năm Thông Luận như năm 1994 đối với chúng tôi có nghĩa là 150 bài xã luận, tham luận, nghiên cứu, góp ý kiến, quan điểm, số tay..., không kể các tin tức thời sự, về các đề tài chính trị liên quan đến Việt Nam hay khía cạnh chính trị của các vấn đề chuyên môn như giáo dục, tài chính, tôn giáo... Trong số đó 20% bài được viết từ quốc nội bởi những con người dùng cảm, bất chấp tù đày, áp bức của chế độ bạo ngược; 20% là do các thân hữu, độc giả viết; phần còn lại do các anh chị em thành viên của tập hợp Thông Luận ở nhiều nơi phụ trách. Về phẩm chất các bài viết thì khó có thể đánh giá tổng quát vì giá trị một bài tùy thuộc nhiều yếu tố trong đó có chủ quan cũng như sở thích riêng của người đọc. Tuy vậy, chúng tôi xin phản ánh ở đây một số ý kiến của đa số những độc giả do ban biên tập có dịp hỏi mà biết được. Theo những ý kiến này, Thông Luận có nhiều bài chính trị dài và khó đọc, có nhiều bài rất hay và công phu nhưng thỉnh thoảng vẫn có những bài dở hay rất dở. Đa số ưa đọc những bài ngắn, độ một hai trang, như các bài của Phù Du trong mục Số Tay. Thật khó có thể rút ra kết luận cụ thể cho ban biên tập về ý kiến này. Chẳng hạn nhu cầu đào sâu về mặt tư tưởng dẫn đến các bài có tính chất nghiên cứu về các vấn đề phức tạp thì làm sao yêu cầu các tác giả rút ngắn quá được? Có điều chúng tôi chắc chắn là tất cả các bài viết đều đòi hỏi nhiều công lao, suy tư đúng đắn và nghiêm túc của các tác giả. Chúng tôi xin chân thành cảm tạ tất cả những đóng góp quý báu đó.

Tờ báo Thông Luận chỉ làm tròn nhiệm vụ nếu nó thực sự là một diễn đàn dân chủ có phẩm chất, có nhiều độc giả trong và ngoài nước để góp phần hữu hiệu vào tiến trình dân

### Trong số này

- |                                       |                           |
|---------------------------------------|---------------------------|
| 1. Thư đầu năm                        | Vũ Thiện Hân              |
| 3. Vấn đề của năm 1995                | Thông Luận                |
| 5. Vai trò của Phật giáo...           | Huyền Hùng                |
| 8. Thư gửi ông Đỗ Mười                | Hoà Thượng Thích Quảng Độ |
| 9. Bảy tháng dân chủ ở Nam Phi        | Diệp Tường Bảo            |
| 11. Quyền đối lập và đối lập ở VN     | Trần Thanh Hiệp           |
| 15. Phạm Duy nói chuyện...            | Vũ Quốc Dũng              |
| 16. "Vạn lý trường thành" về thủy lợi | Nguyễn Phi Phụng          |
| 17. Độc giả viết                      |                           |
| 19. Chỉ là một sự lừa bịp             | Nam Long                  |
| 20. Thư gửi Trần Văn Anh              | Chiến Bình                |
| 21. Cuộc sống của Mao                 | Bùi Tín                   |
| 25. Chuyện cũ viết lại                | Đặng Tiến                 |
| 27. Thời sự - Tin tức                 |                           |
| 31. Tạp ghi                           | Nguyễn Gia Kiểng          |
| 32. Số tay: Bài học                   | Phù Du                    |

chủ hóa của đất nước.

Về hình thức, trong năm qua chúng tôi đã giữ nguyên cách trình bày. Trước hết để các anh chị em mới cộng tác làm các việc cụ thể có những chuẩn cũ, dễ làm và mất ít thì giờ hơn. Sau đó, khi biết rõ việc mới có thể thay đổi một cách hợp lý. Mặc dầu thận trọng như vậy chúng tôi vẫn vấp phải những lỗi về chính tả, về đánh máy vì không biết, vì không chuyên nghiệp và nhất là vì thiếu thì giờ. Một tháng ra báo một lần nhưng sự thực thì phải giải quyết tất cả mọi vấn đề trong hai lần nghỉ cuối tuần mỗi tháng, vì ngoài nguyệt san Thông Luận tất cả anh chị em trong ban biên tập đều có nhiều sinh hoạt khác. Trình bày rõ như vậy chúng tôi chỉ mong muốn độc giả và thân hữu lượng tình thứ lỗi cho những sơ xuất về hình thức của tờ báo và tiếp tục chỉ dẫn những lỗi lầm, để ban biên tập học hỏi và lành nghề hơn.

Mục tiêu trong năm tới của Thông Luận vẫn là góp phần tích cực để đẩy mạnh phong trào đòi dân chủ ở trong và ngoài nước hầu tiến tới một tập hợp đối lập có tầm vóc, có tổ chức để buộc những người cầm quyền hiện nay phải chấp nhận đổi mới chính trị. Điều này có nghĩa là thả tất cả những tù nhân chính trị, tù nhân lương tâm, công nhận thật sự các quyền tự do căn bản, chấp nhận có đối lập để bình thường hóa đời sống chính trị. Đó là bước đầu của tiến trình dân chủ hóa trong hòa bình. Điều đáng phấn khởi là mặc dù có những đàn áp, đe dọa và xuyên tạc của chính quyền về tiến trình trên mà họ gọi là "diễn biến hòa bình", càng ngày càng có nhiều người Việt Nam ở trong và ngoài nước, ngay cả ở trong Đảng, đồng tình vì ý thức được rằng đó là con đường có lợi chung cho dân tộc hơn cả. Vì nó cho phép giải quyết các mâu thuẫn cơ bản đang ngăn chặn phát triển cân bằng của xã hội Việt Nam, động viên mọi cộng đồng, lực lượng dân tộc vào công cuộc xây dựng một xã hội tự do và tiến bộ.

Biến đổi ở Việt Nam trong những năm gần đây cho phép chúng tôi tin chắc rằng dù các nhà lãnh đạo độc tài, lỗi thời hiện tại có muốn hay không, diễn tiến hòa bình sẽ đến với Việt Nam như là đã xảy ra ở các nước Đông Âu và Liên Xô trước đây. Lý do là sau vài năm đổi mới kinh tế, mở cửa thị trường, những quy luật của kinh tế tự do tư bản đã xóa bỏ hạ tầng cơ sở của chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng đã áp đặt trong mấy chục năm trên đất nước. "Định hướng xã hội chủ nghĩa" chỉ là câu nói của miệng, không những luôn luôn bị thực tế phủ nhận, mà ngay cả những đảng viên trung kiên nhất cũng không ai tin và hiểu nó có ý nghĩa gì, thì nói chi những người khác? Ý thức hệ Mác-Lênin cũng như tư tưởng Hồ Chí Minh cũng đã đi vào lãng quên như là một ác mộng trong trí óc của đại đa số người Việt. Như nhiều nhà bình luận đã nhận định, chủ nghĩa cộng sản đã chết ở Việt Nam nên phe độc tài, bảo thủ trong Đảng dù muốn cũng không thể nào lại dựng nó dậy được nữa. Đảng Cộng Sản Việt Nam không còn con ngáo ộp "đế quốc tư bản" để hù

dọa nhân dân, không còn lý có để tự cho mình tính chất chính thống hầu độc quyền lãnh đạo nữa. Đảng đang cầm quyền như một tập đoàn vừa dính líu vừa tranh giành với nhau chỉ vì quyền và lợi, phần lớn bất chính. Quốc nạn tham nhũng, buôn lậu, bán rẻ của cải tài nguyên đất nước, đe dọa đưa đất nước vào cảnh lệ thuộc kinh tế là những hậu quả của tình trạng này. Mâu thuẫn giữa chính quyền và tuyệt đại đa số nhân dân sẽ mỗi ngày một sâu sắc. Tồn tại của Đảng dựa trên bộ máy công an, cảnh sát đã có từ trước để tiếp tục đàn áp phong trào đòi dân chủ, đòi luật pháp và nhân quyền ở trong nước. Nhưng hiệu quả của chính sách này sẽ một ngày một giảm vì tranh đấu của người Việt càng ngày càng đa dạng, trên mọi lãnh vực của cuộc sống mà Đảng không còn khả năng kiểm soát chặt chẽ được nữa. Mặt khác, vì phản ánh của đối kháng tư bản/cộng sản trên bình diện quốc tế, dư âm của đối kháng quốc gia/cộng sản trong lòng dân tộc sẽ không còn nữa. Cuộc tranh đấu chính trị để thoát khỏi tình trạng lạc hậu, nghèo kém sẽ không còn có những vướng víu tiêu cực của quá khứ. Đối lập chính trị ở trong và ngoài nước sẽ trưởng thành và xuất hiện như là một lực lượng có nhân sự, có khả năng với những chương trình thực tế, khả thi trên mọi lãnh vực.

Để đóng góp phần của mình trong cuộc tranh đấu chung, ban biên tập Thông Luận sẽ cố gắng giữ phẩm chất, cải tiến hình thức, phát triển và mở rộng diễn đàn dân chủ của tờ báo hơn nữa trong năm tới. Ba điểm trong mục tiêu này gắn liền với nhau. Phẩm chất là điều kiện để có thêm độc giả và thân hữu. Độc giả và thân hữu mới với những ý kiến và sáng kiến sẽ làm cho nội dung tờ báo phong phú và đa dạng hơn. Có nhiều độc giả mua báo dài hạn mới có thêm phương tiện để cải tiến hình thức và phát triển tờ báo ở những nơi Thông Luận chưa có mặt và nhất là gửi thêm được nhiều báo về Việt Nam hơn, hỗ trợ phong trào dân chủ ở quê nhà được nhiều hơn... Nội dung tranh đấu chính trị của tờ báo Thông Luận không đổi nhưng danh từ chính trị sẽ được hiểu với nghĩa rộng hơn nữa, bao gồm tất cả các khía cạnh chính trị liên quan đến đời sống của người Việt Nam ở trong nước cũng như ở hải ngoại. Để đạt được mục tiêu trên chúng tôi sẽ làm hết sức mình cùng như tin tưởng ở sự giúp đỡ của quý độc giả và thân hữu.

Nhìn lại những việc đã làm năm qua và trong không khí tung bừng, nhộn nhịp sửa soạn cho những ngày nghỉ lễ cuối năm, chúng tôi không khỏi xót xa khi nghĩ tới những người con ưu tú của đất nước vì tự do, dân chủ và nhân quyền mà vẫn còn phải ở trong cảnh lao tù nghiệt ngã. Gương quả cảm và những hy sinh ấy chắc chắn đã và vẫn là tiếng gọi của lương tâm, là động lực thúc đẩy phong trào tranh đấu cho công cuộc dân chủ hóa đất nước lan rộng, trưởng thành. Thông Luận nhất định sẽ làm tròn nhiệm vụ của mình trong công cuộc tranh đấu chung này.

Vũ Thiện Hân

## Khởi hành từ một giấc mơ Việt Nam

Năm 1995 đến giữa lúc Việt Nam đang sống một mâu thuẫn lớn: đất nước đang đứng trước một khúc quanh đầy thử thách và cũng đầy triển vọng trong khi các hoạt động chính trị lại xuống thấp thay vì lên cao. Nhiều người không nhìn thấy hướng đi nguy hiểm hiện nay của đất nước. Nhiều người khác cho rằng đảng cộng sản đang thành công và đã trụ được. Sự yên tâm và tâm lý thất bại đã liên minh với nhau để làm yếu đi cuộc vận động dân chủ. Sự thật như thế nào?

Về kinh tế, quả nhiên là đã có những chỉ số tốt. Tăng trưởng đang ở mức 5% năm 1993, có thể đạt 8% trong năm 1994. Lạm phát đã kiềm chế được ở mức 10% trong một thời gian khá dài, đồng bạc Việt Nam khá ổn vững. Ngoại thương và đầu tư nước ngoài gia tăng đáng kể trong vài năm qua. Nhưng đó chỉ là những chỉ số tài chính, không đủ để đánh giá sức khỏe của kinh tế, và càng không đủ để đánh giá sự phát triển của quốc gia nói chung.

Những con số không quan trọng bằng thực tại mà chúng muốn diễn tả, chúng ta cần có một cái nhìn chính xác hơn. Tăng trưởng đã có không phải vì nhà nước đã làm đúng mà vì nhà nước đã làm ít đi, đã lỏng tay hơn đối với xã hội dân sự. Mức độ tự do lớn hơn đó đã có tác dụng giải tỏa một phần sinh lực quốc gia từ trước vẫn bị khống chế bởi chính sách kinh tế hoạch định dưới quyền quyết định độc đoán của một bộ máy nhà nước nặng nề, quan liêu và tham nhũng. Ngoại thương và đầu tư nước ngoài tăng lên không phải vì sự thành công của một chính sách đúng đắn, mà chỉ vì nhà nước, bị xô đẩy bởi những đòi hỏi thúc bách, đã phải giảm bớt những cường chế vô lý trong quan hệ kinh tế với thế giới bên ngoài. Sự gia tăng trao đổi với bên ngoài đó đã giúp điều chỉnh lại hối suất quá bất công từ trước đến nay giữa đồng bạc Việt Nam và các đồng bạc nước ngoài.

Nhưng một vài chỉ số khả quan không che giấu được một thực tế phũ phàng: sức khỏe kinh tế của Việt Nam trong thời gian qua, về nhiều mặt, không tốt hơn mà còn kém đi. Những năm vừa qua không phải là những năm tiến bộ mà còn là những năm phá sản. Chủ quyền kinh tế đang mất một cách nhanh chóng vào tay người ngoại quốc, hứa hẹn tương lai bi đát của một nước Việt Nam với các xí nghiệp, khách sạn, vũ trường trong đó chủ nhân là người ngoại quốc còn công nhân, bồi bàn, vũ nữ, gái mãi dâm là người Việt. Tình trạng ứ đọng ở hai thành phố Sài Gòn và Hà Nội, hậu quả của sự thiếu vắng hoàn toàn một chính sách phối trí lãnh thổ và thiết kế đô thị, đã gây ô nhiễm nghiêm trọng và tắc nghẽn giao thông đến độ làm đình trệ nhiều công trình đầu tư. Công nghiệp trong nước hoàn toàn bị dè bẹp vì hàng nhập lậu. Trong khi tham nhũng và buôn lậu tiếp tục tàn phá, chúng ta vừa thêm một bệnh ung thư thứ ba: mafia. Chúng ta còn có thể liệt kê nhiều sự kiện đáng buồn khác, nhưng một con số do chính quyền đưa ra đủ

để nói lên tình trạng nguy kịch của kinh tế Việt Nam: bỏ tiền vào quỹ tiết kiệm lời gấp năm lần đầu tư, nếu may mắn có lời. Trong tình trạng này, bộ máy kinh tế sẽ mau chóng khựng lại. Các dấu hiệu khủng hoảng đã bắt đầu: lạm phát đã đạt tới mức 15%, thâm thủng ngân sách quá 50% thay vì 10% dự trù. Nhà nước không những hết tiền để cho vay mà còn phải dùng cả ngân khoản đầu tư để trả nợ. Các công ty ngoại quốc đã bắt đầu đình hoãn nhiều dự án đầu tư, đầu tư nước ngoài năm 1994 đã giảm đi so với năm 1993. Nhân danh yêu cầu phát triển kinh tế, nhà cầm quyền cộng sản đã ngăn chặn mọi đòi hỏi dân chủ hóa, bắt đất nước Việt Nam chịu đựng những thiệt hại to lớn về văn hóa, đạo đức, môi sinh và chủ quyền. Nhưng ngày nay chính kinh tế cũng đang sụp đổ.

Có cần nói tới các mặt khác không? Các giá trị đạo đức băng hoại như chưa bao giờ thấy. Chênh lệch giàu nghèo lộ liễu và thách đố. Môi trường sinh sống bị hủy hoại mau chóng, trong vòng vài năm nữa, với đà này, Việt Nam sẽ không còn rừng. Hệ thống y tế sụp đổ hoàn toàn, bệnh SIDA bộc phát nhanh chóng. Và trước ngưỡng cửa của kỷ nguyên tranh đua trí tuệ, Việt Nam đang trở thành một dân tộc thất học. Hiện tại của chúng ta bi đát, nhưng tương lai của chúng ta sẽ còn đen tối hơn vì một lý do đáng sợ: người Việt Nam đã mất lòng tin ở đất nước. Thật là vô ý thức khi nói rằng người dân không còn quan tâm tới chính trị nữa mà chỉ lo sinh sống; sự thực là người dân đã quá chán chường dưới một chế độ hà khắc và bất lực kéo dài quá lâu và không còn quan tâm tới đất nước nữa. Trong tất cả mọi mối nguy, đây là mối nguy lớn nhất. Nước Việt Nam ngày hôm nay có tất cả mọi đặc tính của một nước chậm tiến đã đi vào bế tắc. Đảng cộng sản đã là tai họa lớn nhất của đất nước ta về nhân mạng, về văn hóa, đạo đức, về kinh tế, về môi trường trong suốt dòng lịch sử; nhưng viễn ảnh mà nó hứa hẹn cho đất nước còn kinh khủng gấp nhiều lần: đó có thể là sự giải thể của chính quốc gia.

Đã đến lúc phải lớn tiếng báo động về tình hình cực kỳ nguy ngập của đất nước.

Chính quyền cộng sản chắc chắn không thể trụ được. Trong năm năm qua, trong khi nhiều người nghĩ là đảng cộng sản đã củng cố được sau cơn chấn động do sự sụp đổ của các chế độ cộng sản tại Liên Xô và Đông Âu thì thực ra chế độ cộng sản Việt Nam đã tích lũy những mâu thuẫn, và giờ đây các mâu thuẫn đó đã đạt tới một mức độ đặc biệt nghiêm trọng.

Trước hết là mâu thuẫn với chính yêu cầu phát triển kinh tế mà đảng cộng sản lấy làm chiêu bài. Thế giới đang khám phá ra rằng động cơ chính của phát triển kinh tế không phải là đầu tư, hay mức tiêu thụ, hay chính sách chi tiêu công cộng, mà là ý kiến và sáng kiến, những yếu tố chỉ có được dưới một chế độ tự do thực sự mà thôi. Thế chế chính trị quyết định một giới hạn cho phát triển kinh tế, và cho phát triển nói chung.

Với chế độ này tất cả những gì có thể làm được đã làm rồi, Việt Nam sẽ không thể tiến xa hơn, trừ ra là đảng cộng sản chấp nhận những nhượng bộ mới. Và lần này những nhượng bộ mới chỉ có thể là chính trị. **Áp lực của thực tại đang lên cao.** Năm 1995 hoặc sẽ là năm khởi đầu cho một thay đổi chính trị, hoặc sẽ là năm chuẩn bị cho hỗn loạn. Đảng nào thì cũng sẽ là một năm mà một điểm không thể trở lại sẽ được vượt qua.

Nhận định nổi bật nhất trong những năm gọi là đổi mới về kinh tế thị trường vừa qua là chỗ nào đảng cộng sản rút lui, chỗ đó có tiến bộ. Nhận định đó nói lên một sự kiện cơ bản là có sự đối kháng rõ rệt giữa tiến bộ và vai trò của đảng cộng sản. Đảng cộng sản do đó bị tù hãm trong một biện chứng tự hủy: họ phải mưu tìm tiến bộ để có lý do tồn tại, nhưng tiến bộ lại chỉ có thể có nếu họ rút lui. Một nhứt nhối khác là một mặt họ phải bám lấy chủ nghĩa Mác Lênin để làm chỗ dựa ý thức hệ, một mặt họ lại phải chấp nhận một sự kiện không thể chối cãi được là chủ nghĩa đó đã hết thời.

Không một chế độ nào, không một lực lượng chính trị nào có thể tồn tại được với những mâu thuẫn căn bản trầm trọng như thế, và đảng cộng sản Việt Nam cũng không phải là một ngoại lệ.

Sự tan rã của đảng cộng sản thực ra đã gần như hoàn tất. Sự gắn bó của các đảng viên không còn nữa bởi vì đảng không còn mục đích chung, kéo dài thời gian tồn tại không phải là lý tưởng có thể động viên được lòng người. Hiện tượng mất đạo đức, tham ô, móc ngoặc, giành giật và xâu xé lẫn nhau không thể khắc phục được và sẽ càng ngày càng trầm trọng hơn bởi vì đó chủ yếu là những hậu quả tất nhiên của một sự giải thể tinh thần đã chín muồi và không thể đảo ngược. Chế độ cộng sản chỉ có xác mà không còn hồn và đã chỉ tiếp tục bởi vì nó không gặp một đối lập đủ mạnh. Những lời tuyên bố gần đây của các cấp lãnh đạo cộng sản cho thấy họ đã nhận ra được sự bế tắc của mình và đang rất bối rối. Nhưng không nên chờ đợi một sự sáng suốt nào nơi họ.

Để làm lại đất nước, các lực lượng dân chủ thực ra không thiếu ý kiến. Nhiều đề nghị đã được đưa ra. Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên, trong đó Thông Luận có phần đóng góp tích cực, được phổ biến khá rộng rãi từ hơn hai năm qua đã không gặp một phản ứng bất lợi nào. Dự án đó, hay một dự án khác, có thể là nền tảng của một đồng thuận dân tộc mới. Chúng ta không thiếu ý kiến và cũng không thiếu đồng thuận, chúng ta chỉ thiếu ý chí và sự thành thực.

Chúng ta cũng không thiếu những khuôn mặt đáng tin cậy. Ở trong nước, chúng ta có đầy đủ những con người, thuộc mọi quá khứ chính trị, có khả năng và tư cách để đưa cuộc vận động dân chủ hóa tới thành công và đưa đất nước tiến vào quỹ đạo tiến bộ. Một thí dụ trong nhiều thí dụ: Đoàn Viết Hoạt là một khuôn mặt trẻ trung, sáng suốt, đầy dũng cảm và đầy lòng quảng đại; nhưng Đoàn Viết Hoạt đã không nhận được nơi người Việt Nam một sự hưởng ứng mà Walesa, Havel, Mandela... đã tìm thấy nơi đồng bào họ. Ngay tại hải ngoại chúng ta cũng không thiếu những con người có khả năng, thiện chí và đạo đức. Chúng ta không thiếu những người có thể đảm nhận vai trò lãnh đạo, cái mà chúng ta thiếu là một thái độ lương thiện đối với họ.

Tất cả những thiếu vắng đó xuất phát từ một thiếu vắng cơ bản là lòng yêu nước. Chính vì thiếu lòng yêu nước mà trước đây chúng ta đã nhân danh những ý thức hệ ngoại lai để mặt sát và tàn sát lẫn nhau. Chính vì thiếu lòng yêu nước thực sự mà ngày nay chúng ta đã không thể vượt lên trên được những dị đồng giả tạo để kết hợp với nhau trong một cố gắng cứu nước. Chế độ cộng sản này cũng không phải là ngẫu nhiên mà có, nó là sản phẩm của một giai đoạn lịch sử trong đó ý thức quốc gia dân tộc bị băng hoại nặng nề. Đã đến lúc mỗi người Việt Nam phải cố gắng để thành thực với chính mình, tự hỏi mình có còn quan tâm với đất nước hay không và quan tâm tới mức nào. Nhưng cũng đã đến lúc mà những người chủ trương cuộc vận động dân chủ phải tự hỏi tại sao mình đã không lôi kéo được đông đảo quần chúng.

Lòng yêu nước chỉ có thể nảy sinh trong mỗi người từ một niềm tự hào và những thành tựu của một quốc gia, hay từ một ý thức về sự cần thiết của quốc gia cho cuộc sống của mình, hay ít nhất từ một hy vọng. Những dân tộc đã trải qua nhiều chán chường cần một hy vọng đủ sức mạnh làm cho họ mơ ước. Chúng ta đã không động viên được quần chúng vì chúng ta đã không làm quần chúng mơ ước. Và quần chúng chỉ có thể ước mơ vì một lý tưởng mà trong đáy lòng họ nhìn nhận là cao đẹp. Những cuộc mít-tinh, biểu tình, những ban chấp hành, những ủy ban điều hợp, những kỹ thuật tổ chức không đủ để tạo ra sức mạnh cho đối lập dân chủ Việt Nam. Đối lập dân chủ Việt Nam muốn vươn mình lên được để đưa đất nước ra khỏi ngõ cụt hiện nay phải là hiện thân của một giấc mơ Việt Nam. Đó là giấc mơ của một nước Việt Nam có chỗ đứng và tiếng nói cho mọi người và cho mỗi người; một nước Việt Nam có trí tuệ nhưng cũng có trái tim; một nước Việt Nam của tình yêu, của lòng bao dung và của tình anh em tìm lại; một nước Việt Nam hòa giải, xây dựng trên những giá trị tiến bộ và quảng đại. Một nước Việt Nam mà những con người hôm nay có thể chấp nhận và các thế hệ mai sau có thể tự hào.

Chỉ có giấc mơ Việt Nam đó mới có thể tập hợp và động viên mọi người Việt Nam mà thôi, bởi vì chỉ có giấc mơ Việt Nam đó mới xứng đáng để mọi người phấn đấu và hy sinh. Giấc mơ Việt Nam đó phải là sức mạnh của đối lập dân chủ Việt Nam.

Ngày nay đã đến lúc mà dù muốn dù không chế độ cộng sản cũng không thể trụ được nữa. Nó đã bế tắc và đang đứng trước ngưỡng cửa của một khủng hoảng trầm trọng, nhưng nó cũng đang kéo theo đất nước vào vực thẳm. Đất nước đang lâm nguy. Sẽ phải có, và đảng nào cũng sẽ có những thay đổi lớn trong hai năm sắp tới. Thay đổi như thế nào tùy thuộc ở ý chí của dân tộc và trước hết của những người chưa mất lòng tin. Chúng ta sẽ đi lên đại lộ thênh thang của dân chủ và tiến bộ, hay sẽ bước vào đường hầm đen tối của độc tài và lạc hậu? Những thế hệ ngày mai sẽ nhận diện và đánh giá những con người của đất nước hôm nay. Năm 1995 phải là năm của một sự khởi hành mới, với một khí thế mới, của đối lập dân chủ Việt Nam.

Cuộc vận động dân chủ có thể thắng, và phải thắng.

**Thông Luận**

# Vai trò của Phật giáo trong dòng vận động lịch sử dân tộc

Huỳnh Hùng

Phần kết luận của Tuyên cáo giải trừ Quốc nạn và Pháp nạn của Hòa Thượng Thích Huyền Quang ngày 20-11-1993 khẳng định như sau:

- Đảng và Nhà nước CHXHCN phải khởi sự ngay tiến trình dân chủ hóa chế độ bằng cách để cho xã hội công dân hình thành, thông qua các quyền cơ bản như quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do lập hội...

- Chủ trương "xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ hận thù, hướng về tương lai" của Đảng và Nhà nước không thể ngủ lì trên diễn văn mang tính chiến thuật hầu đánh lừa dư luận quốc tế về cái gọi là "đổi mới kinh tế" và "ổn định chính trị". Một quốc gia tôn trọng nhân quyền và dân chủ lành mạnh là một quốc gia có đối lập. Đối lập để xây dựng, để ngăn ngừa các khuynh hướng cực đoan độc tài, tạo sự tham gia bình đẳng và đồng đẳng của toàn dân...

-... Yêu cầu Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN) thực hiện nền dân chủ pháp trị bằng ba hành động cụ thể: Bỏ điều 4 trên bản Hiến pháp hiện hành... Bầu lại Quốc hội với sự tự do tham gia ứng cử và bầu cử của toàn dân... Viết lại bản Hiến pháp phù hợp với nguyện vọng về nhân quyền và dân chủ của toàn dân qua các đại biểu độc lập của họ, và cùng để thích nghi với xu thế tiến bộ của thế giới ngày nay, mà phương châm đang thực hiện khắp năm châu là cộng tác để cộng sinh...".

Từ ngày đó, một số dữ kiện hoặc biến cố đã xảy ra gần đây tại Việt Nam liên quan đến Phật giáo đã cho thấy Nhà nước đảng Cộng sản Việt Nam vẫn không thay đổi đường lối và chính sách.

## A. Phong trào Hòa Hợp Tăng

Gần đây có tin đồn Hòa Thượng Huyền Quang chủ trương đưa ra phong trào Hòa Hợp Tăng, hòa giải Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam (GHPGVN, thân chính phủ) và Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVNTN) do Hòa Thượng Huyền Quang lãnh đạo.

Sự thật đó là tin đồn thất thiệt do Ủy Ban Tôn Giáo Trung Ương tung ra để lung lạc Phật tử và hàng Tăng Ni. Thật ra Ủy Ban Tôn Giáo Trung Ương đã nhờ thầy Trí Quang hiện nay đang trú tại chùa An Quang làm trung gian để hai Giáo Hội ngồi lại với nhau. Nhưng thầy Trí Quang đã viện cố đau ốm không chấp nhận.

Ngày 20-4 âm lịch, một buổi lễ được tổ chức tại chùa Quan Thế Âm (Phú Nhuận) để tưởng niệm cố Hòa Thượng Quảng Đức do Hòa Thượng Thích Thông Biểu chủ trì. Có mặt tại buổi lễ này có thầy Thích Đức Nhuận đại diện GHPGVNTN, thầy Thích Thiện Hào, đại diện GHPGVN và một số chức sắc Nhà nước. Thầy Thích Quảng Liên đọc diễn văn và khuyên nên có sự ngồi lại giữa hai Giáo Hội và nếu được như vậy thì rất hoan nghênh. Trong khi đó thầy Thích Đức Nhuận thì đề cao những giá trị truyền thống, một cách gián tiếp nhắc khéo, trước sự có mặt của quan chức Nhà nước, sự hiện hữu và giá trị của GHPGVNTN.

Lập trường của GHPGVNTN đối với GHPGVN rất hòa giải hòa hợp, nhưng được xác định rõ là chỉ hòa giải hòa hợp với các đồng sự của Giáo Hội truyền thống, và hoàn toàn không qua sự

trung gian hay chi phối của Nhà nước hay Đảng Cộng sản vì quan niệm độc lập giữa tôn giáo và thế quyền.

Hai quan điểm trên của lập trường của GHPGVNTN đã được xác định trong các văn thư chính thức dẫn chứng sau đây:

Trước hết là trong Thông Bạch Vu Lan gần đây, Hòa Thượng Huyền Quang gửi đến các vị lãnh đạo GHPGVN những lời tâm huyết như sau:

"... Trước chủ ý và cố tình của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa trong việc bức tử Giáo Hội dân lập có truyền thống lâu đời để thay thế bằng một Giáo Hội Nhà nước nhất thời do Đảng Cộng sản chỉ đạo, quý vị (trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam) vì hoàn cảnh hay lý do đặc biệt nào đó phải buộc ngả theo để tự tồn và giữ đạo. Tuy nhiên quý vị đã xem nhẹ khía cạnh căn bản và thể thống của Phật Giáo Việt Nam có 20 thế kỷ tuổi hành thế.

Tự cổ chí kim, chính quyền có mặt là để phục vụ dân, qua đó phục vụ nền văn minh, tôn giáo và tín ngưỡng của dân. Chưa hề có chuyện một tôn giáo hạ mình phục vụ thế quyền. Ngày xưa vua đến chùa là để xin quy y, chứ không phải là để sai bảo Tăng đoàn. Hiện nay Nhà nước áp đặt Tăng đoàn và xem Phật Giáo như một công cụ. Hành động ấy đi ngược lại với truyền thống dựng đạo của chư Lịch Đại Tổ Sư và các Thánh Tử Đạo, đồng thời trái với nguyện vọng toàn dân trước kỷ nguyên mới của Dân Chủ và Tiến Bộ.

Vậy:

- Hội Đồng Lương Viện tha thiết yêu cầu quý vị hãy nhìn lại dấu tích tiền nhân, nhớ nghĩ tới lớp đồng đạo đã cùng mình tu học dưới mái chùa xưa, và trải biết bao gian nguy duy trì mạng mạch của Chánh Pháp. Từ ý thức cảnh giác này, quý vị sẽ thấy ngay chí nguyện cao thâm và con đường sáng truyền thống của hàng trưởng tử Như Lai.

- Cùng chung dưới Phật đài, cử hành lễ Vu Lan báo hiếu năm nay, xin quý vị hãy rũ lòng từ bi lân mẫn phát tay làm một nghĩa cử cụ thể trong ngày rằm xá tội, cùng viết thỉnh nguyện thư yêu cầu Nhà nước trả tự do tức khắc cho những người đồng đạo đang chết dần chết mòn trong các ngục thất hay nơi quản thúc hẻo lánh. Dù viện dẫn lý do nào cũng không xóa được mối ân sâu của người con Phật đối với kẻ đồng môn. Ngoài đạo tình còn nghĩa đồng bào phải trả. Vì sao thương được người đứng nước lã, mà lại hững hờ với kẻ trong nhà"

Mặt khác, điều 3 của Thông Cáo báo chí của Giáo Hội PGVNTN các Châu, trong phiên họp đặc biệt ngày 16-17 tháng 3 năm 1994, Phật Học Viện Quốc Tế, Hoa Kỳ đã khẳng định như sau:

"Các Tăng Ni và Phật tử hiện đang sinh hoạt trong Giáo Hội của Nhà nước, trừ một thiểu số là cán bộ được gài vào và hoạt động vì lợi ích cho Đảng và Nhà nước Cộng sản, đại đa số vẫn là đồng sự của Giáo Hội truyền thống, do đó nên được liên lạc, trao đổi và giúp đỡ trong đạo tình, tạo cơ hội để các vị phục vụ Dân Tộc và Đạo Pháp".

Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, Việt Nam, nhân mùa Báo Hiếu, Phật lịch 2538, trong bài "Bằng đôi chân mình, mời người

hãy đi lên" có viết:

"Tôi viết những dòng chữ dưới đây thân gửi những tâm hồn luôn luôn thao thức đến tiền đờ Dân Tộc và Đạo Pháp, dù là bạn ở trong nước hay ở ngoài nước, xin hãy phát tâm nguyện cầu cho Tổ Quốc và đồng bào thân thương sớm thoát khỏi nghịch cảnh, chung sức góp phần xây dựng đất nước Việt Nam tương lai quang vinh.

... Các tôn giáo nói chung đều cùng một cứu cánh là: Phục vụ con người, giúp con người trở thành tốt lành, sống trong sạch và công bằng và tôn trọng lẫn nhau để tất cả làm đẹp quê hương, làm tốt thế giới.

Chỉ có như vậy, các tín hữu của các tôn giáo mới biểu hiện được lòng tin Phật, tin Chúa và tôn kính đối với Giáo Chủ của mình. Còn cứ mãi vùi đầu vào sự mê lầm xung đột lẫn nhau thì chúng ta đã phụ lòng các Ngài rồi vậy.

Tại Việt Nam (hiện nay) đối với các tôn giáo thì trên danh nghĩa các nhà thờ các chùa được mở cửa. Nhưng các Giáo Hội lại phải ở trong một mặt trận chính trị của Nhà nước. Mà ngặt nỗi là dân chúng Việt Nam từ lâu nay đã có một thành kiến thật khó sửa: "Hễ cái gì thuộc về Quốc Doanh" thì khó là thứ tốt được". Bởi vậy, bất kể tôn giáo nào dù có muốn làm tốt hơn đối với việc chấn chỉnh đạo đức cùng chẳng dễ dàng gì. Bao giờ các nhà đổi mới tại Việt Nam thấy được rằng khi người dân hiểu được việc làm của mình thế nào là tội, phúc, thế nào là phạm vào luật nhân quả của trời đất, thì những tội phạm của xã hội theo đó mà giảm đi. Hãy can đảm đi thẳng vào vấn đề. Chẳng ai hành diện được khi phải cai trị một nước mà trong đó những tội phạm xã hội dày đặc chỉ có chiều tăng, không có chiều giảm.

... Chia rẽ cắt nhỏ khối Phật tử ra nhiều mảnh vụn. Để rồi tất cả cùng hoạt động cho một mục đích mà chẳng thể bao dung nổi nhau. Thậm chí ứng dụng cả cách xử sự thông tục là tìm cách phá phách nhau nữa mới thật thảm. Để được gì kia chứ? Chắc hẳn là chẳng được gì, ngoài mỗi một việc là tự cho rằng mình đã có công làm việc này việc khác. Cùng thật là thảm. Xin hãy chấp tay sám hối".

## B. Đàn áp Phật Giáo

1. Ngày 28-5-1994, Đại Đức Thích Huệ Thâu, 48 tuổi, trụ trì chùa Ngọc Phật, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã tự thiêu để đòi 3 điều mà trước đó thầy cùng 47 tăng ni Phật tử kéo đến trụ sở Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Vĩnh Long biểu tình yêu sách:

- Yêu cầu Nhà nước CSVN tôn trọng tự do tôn giáo, như tự do sửa chữa chùa viện, tự do tu học giáo lý mà không pha lẫn chính sách và chỉ thị của đảng...

- Yêu cầu Nhà nước CSVN hãy để cho GHPGTNVN phục hồi sinh hoạt trở lại như trong quá khứ.

- Yêu cầu Nhà nước CSVN giảm sưu cao thuế nặng mà đồng bào nông dân đang phải khốn khổ chịu đựng.

Đại Đức Huệ Thâu tuyên bố: "Nếu chính quyền tỉnh Vĩnh Long không giải quyết được thì cho phép chúng tôi đưa phái đoàn đi Hà Nội gặp Trung Ương Đảng và chính phủ". Nhưng chính quyền tỉnh Vĩnh Long cứ phớt lờ lời yêu cầu và mặt khác còn cho lệnh công an đàn áp, giải tán đoàn biểu tình. Ba ngày sau lễ Phật Đản năm nay (28-5-1994) Đại Đức Thích Huệ Thâu tắm xăng tự thiêu tại Vĩnh Long, để lại một số thỉnh nguyện thư.

2. Ngày 9-7-1994, chùa Sơn Linh thuộc huyện Châu Thành, tỉnh Bà Rịa bị một lực lượng hùng hậu của bộ đội và công an có

xe tăng yểm trợ tấn công 18 tăng ni và gần 100 Phật tử, bắt vị trụ trì chùa này là Đại Đức Thích Hạnh Đức, đánh đập rồi đem đi biệt giam. Sau đó Đại Đức bị xử án 3 năm tù. Trong một bức thư từ nhà tù gửi ra cho các đệ tử, thầy đã viết: "... Ai cũng chết một lần, hãy làm hết sức mình để khỏi hổ thẹn và ân hận sau này...".

3. Ngày 4-8-1994, Đại Đức Thích Giác Nguyên dẫn một phái đoàn gồm 9 tăng ni và 15 Phật tử từ Trà Vinh lên Sài Gòn đến trước trụ sở Ủy Ban Nhân Dân để đạt những nguyện vọng sau đây:

- Được phép sửa chữa tịnh xá,
- Được phép thu nhận đệ tử xuất gia,
- Được phép in và phát hành kinh sách Phật giáo,
- Được phép mở trường Hạ (an cư kiết hạ).

Được biết Đại Đức, năm nay 30 tuổi, là con một gia đình đại liệt sĩ, hiện trụ trì tịnh xá Long An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Do chính sách kèm kẹp của chính quyền cộng sản đối với tôn giáo nói chung và đối với tịnh xá Long An nói riêng nên mới đưa ra những nguyện vọng trên để xin giải quyết. Chờ mãi không được, phái đoàn đã lên Sài Gòn đến trước Ủy Ban Nhân Dân Sài Gòn, ngồi đưa ra yêu sách. Trong suốt ba ngày 1, 2, 3 tháng 8, số người tham gia cuộc "tọa kháng" lên đến cả trăm. Chính quyền cộng sản tìm cách tránh né, nhờ ba "tu sĩ Nhà nước" là thầy Hiến Pháp, Giác Toàn và Nhật Huệ đến thương lượng. Nhưng không có kết quả gì. Cuối cùng công an đã đem xe đến "hốt".

4. Nhân ngày Phật Đản năm nay, một buổi lễ được thầy Không Tánh (thuộc GHPGVNTN đứng ra tổ chức tại chùa Liên Trì (xã An Khánh, Thủ Đức). Có 200 Phật tử và 50 tăng ni tham dự với sự hiện diện của thầy Thích Đức Nhuận. Sau buổi lễ, công an đã kêu thầy Không Tánh, thầy Trí Lực và cư sĩ Nhật Thường (vốn là cựu Đại Đức hoàn tục sau 1975) đến "làm việc". Thầy Không Tánh không đi, các vị khác đã đi "làm việc" với công an.

5. Nhân vụ bạo lự tại miền Nam Việt Nam vừa qua, GHPGVNTN kêu gọi đồng bào cùng Phật tử hải ngoại giúp đỡ. Giáo Hội Phật Giáo (Viện Hóa Đạo 2) nhân dịp Đại hội thường niên, họp liên tiếp trong ba ngày 20, 21 và 22 tháng 10 vừa qua tại Houston (Texas) đã hưởng ứng lời kêu gọi. Số tiền quyên, 27.000 USD, đã được chuyển về Việt Nam cho thầy Thích Nguyên Lý, chùa Từ Lý gần cầu chữ Y. Một Ủy Ban Cứu Trợ nạn lự được thành lập. Thầy Thích Long Trí trụ trì tại Quảng Nam, Chánh văn phòng của Hòa Thượng Huyền Quang, làm Trưởng Ban. Thầy Thích Long Trí đi vào Sài Gòn lãnh nhiệm vụ thì bị công an bắt, đưa trở về Quảng Nam quản thúc. Thầy Không Tánh thay thế, đứng ra tổ chức một phái đoàn đi miền Tây cứu trợ, tụ tập tại Ngã Sáu Sài Gòn. Công an đã can thiệp, bắt một số người và tịch thu các đồ cứu trợ. Trong số những người bị bắt có các thầy Không Tánh, Trí Lực, Nhật Ban, cư sĩ Nhật Thường và nữ Phật tử Đông Ngọc. Các vị này bị đưa đi giam giữ ở một nơi không ai biết. Trong khi đó Hà Nội phủ nhận là đã có vụ can thiệp của công an cũng như việc bắt bớ kể trên.

6. Hòa Thượng Quảng Độ, hiện nay bị quản thúc tại Thanh Minh Thiền viện, đường Trần Huy Liệu (Trương Tấn Bửu cũ) ra thông cáo hoạt động trở lại, lập văn phòng Tổng thư ký lưu vong tại Sài Gòn, thừa lệnh của Hòa Thượng Huyền Quang.

7. Tại Sài Gòn, Ủy Ban Tôn Giáo do cán bộ tên là Ba Lực, bí danh B12, tở A16, kiểm soát chặt chẽ. Những người trong cơ quan này không những lo việc bắt bớ tăng ni, Phật tử, đàn áp Phật Giáo, mà còn nhúng tay vào việc đào tạo tu sĩ. Trên nguyên tắc,



các tổ chức giới đàn để các tu sĩ thọ giới tỷ kheo là vấn đề hoàn toàn nội bộ, trực thuộc thẩm quyền Giáo Hội và do hàng giáo phẩm (Ban Giám Luật) chấm. Tại Sài Gòn, các tu sĩ được Ban Giám Luật chấp nhận, phải qua tổ A16 chấm lý lịch là "công dân tốt" mới được xem là đệ tử, lên lớp.

### C. Nhận định

Không phải gần đây Phật giáo mới có những đóng góp quan trọng vào dòng vận động lịch sử dân tộc. Từ màn đêm của lịch sử, dưới thời đô hộ của Trung Quốc, Phật Giáo đã có những đóng góp đáng kể.

Trước khi Phật Giáo đi vào Trung Quốc, văn hóa nước này đã thấm nhuần Nho giáo một cách sâu đậm. Các nhà cầm quyền đương thời cũng như giới Nho sĩ cho rằng đạo Phật là học thuyết của giống man di mọi rợ. Tập luận thuyết đầu tiên về đạo Phật, tên là Lý Hoặc Luận, được sáng tác bằng chữ Hán tại Giao Châu bởi Mâu Tử (tức Mâu Bác) sinh vào khoảng 165-170, có viết:

"Không Tử nói: các giống di địch ở miền tây và miền bắc dù vào thời bình có vua cũng không bì được với nước ta trong thời loạn không vua... Mạnh tử chê Trần Tương đi học theo phép của Hứa Hành và nói: Ta từng nghe dùng học thuyết nước lớn để giáo hóa di địch, chưa từng nghe thấy lấy học thuyết di địch để giáo hóa nước lớn bao giờ. Hồi 20 tuổi, ngài (chỉ Mâu Tử) đã học Nghiêu Thuấn, Chu Công và Khổng Tử, tại sao bây giờ lại bỏ đi để học những thứ của giống di địch miền tây và bắc".

Mâu Tử gốc người Hán, sinh sống ở Giao Châu, học Phật tại đây, đã viết quyển sách trên để đáp lại những lời khích bác Phật Giáo của những nhà Nho Trung Quốc chạy qua Giao Châu để lánh nạn nội chiến thời Tam Quốc.

Trong khi đó, ảnh hưởng Nho giáo tại Việt Nam vào thời này rất yếu kém. Các quan đô hộ trừ một số ít như Tích Quang, Nhâm Diên và Sĩ Nhiếp, chỉ nghĩ đến bóc lột nhân dân và đàn áp các cuộc khởi nghĩa chống lại người Hán. Sự giáo dục quần chúng đã không phải là mối ưu tư hàng đầu của họ. Những người đô hộ đã không muốn đem Nho giáo để khai hóa. Dân Việt Nam, vào thời điểm này, có thể nói còn "trình nguyên" về mặt tư tưởng và văn hóa. Họ dễ dàng hấp thụ những tư tưởng hay lạ từ mọi nơi đến. Phật Giáo đã đến với họ bằng ngô dân gian, bằng những tiếp xúc với các tăng sĩ Ấn độ, chứ không phải do sự áp đặt của những người đô hộ. Hơn thế nữa, hấp thụ Phật Giáo, có lẽ, là một hình thức kháng chiến bất bạo động của nhân dân đối với Nho Giáo vốn là văn hóa của chính quyền đô hộ.

Như trên đã nói, Mâu Tử với cuốn Lý Hoặc Luận, đã có tham vọng trả lời những khích bác đạo Phật của những nhà Nho người Hán lánh nạn ở Giao Châu. Cái tinh thần đại đồng đó của Mâu Tử đã đánh đổ được phần nào cái mặc cảm tự tôn của Hán tộc và đã đóng góp vun xới tinh thần dân tộc tự cường của nhân dân Việt Nam đang bị đô hộ vào thời bấy giờ.

Các thiền sư trong thời Bắc thuộc có thể xem là những nhà trí thức dân tộc độc nhất. Họ dă tự tu, tự học và tạo một uy tín lớn trong quảng đại quần chúng. Khi đất nước thoát khỏi ách đô hộ của người Hán, những vị lãnh đạo đất nước từ Ngô Quyền đến Đinh Bộ Lĩnh đã mời các vị sư tham gia chính sự, hoặc tham khảo ý kiến của họ. Đó là một điều dễ hiểu. Thứ nhất, các vị vua này vốn là những người áo vải xuất thân, hoặc là những nhà quân sự, do đó những kiến thức về trị dân, trị nước của họ có phần nào khiêm khuyết. Thứ hai, khi guồng máy cai trị của người Hán bị

lật đổ, Việt Nam chưa có đủ thời giờ để đào tạo những người có đủ khả năng điều khiển làm chạy bộ máy Nhà nước. Những người có kiến thức vào thời này đại đa số là các vị sư.

Cuốn Thiền Uyển Tập Anh Ngữ Lục, một tác phẩm hoàn thành đời Trần có chép lại những lời bàn của Quốc sư Viên Thông với vua Lý Thần Tông về việc trị nước.

"...Nước trị hay loạn còn là ở các quan, được người tốt thì trị, không được thì loạn. Thần trải xem các đế vương đời trước, chưa từng có ai không dùng quân tử mà hưng, không dùng tiểu nhân mà vong. Nhưng nguồn gốc dẫn đến hưng vong không phải là cái có một sớm một chiều, mà đến dần dần. Trời đất theo mùa xuân mùa thu. Vua chúa cũng không thể hưng vong đột ngột, mà phải dần dần do việc thiện, việc ác. Các bậc thánh vương đời trước đều biết như thế nên bắt chước trời trao đức để yên dân. Sửa mình thì cẩn trọng trong lòng, run sợ như dấm lên băng mỏng. Yên dân thì kính trọng người dưới, hải hùng như nắm dây cương sừng. Làm đúng thế thì không thể không hưng, làm trái thế thì không thể không vong. Hưng vong đến dần dần là ở chỗ đó".

Cuộc tranh đấu hiện nay, ngoài việc đòi tự do, dân chủ, nhân quyền và tự do tôn giáo, còn là việc đóng góp xây dựng một xã hội Việt Nam trường tồn. Thật vậy, người cộng sản hiện nay cũng như phần đông những người Việt Nam đối lập khi nói đến xây dựng đất nước hậu cộng sản chỉ đặt nặng vấn đề kinh tế, giáo dục, y tế. Nhưng một vấn nạn cũng vô cùng khẩn cấp khó gấp vạn lần, đó là xây dựng một hệ thống đạo lý cho xã hội Việt Nam, một hệ thống đạo lý phù hợp với tinh thần dân tộc Việt Nam và phù hợp với những tư tưởng tự do, dân chủ và nhân quyền phổ cập trên thế giới.

Trong thư ngỏ gửi các bạn trẻ nhân Ngày họp mặt Chuyên viên, Cán bộ trẻ Công Giáo Việt Nam Hải Ngoại tháng 8-1994 tại Hòa Lan, Đức Ông Trần Văn Hoài cho rằng:

"Tinh thần dân tộc Việt Nam được đúc kết bằng những giá trị trường tồn của các tôn giáo cổ truyền:

- Đạo thờ cúng Tổ Tiên đặt trên nền tảng cho cuộc sống gia đình và mối tương giao hàng xóm.

- Đạo Khổng đặt nền tảng cho mối tương giao giữa người với người trong xã hội rộng lớn hơn. Đó là đạo lý Tam Cương Ngũ Thường. Nền tảng đạo lý xã hội này đã tạo nên một hệ thống giá trị lành mạnh lấy phúc lợi của người dân làm cứu cánh: dân vi quý, và đặt nhà lãnh đạo vào trọng trách của kẻ làm cha mẹ đối với dân: dân chi phụ mẫu.

- Đạo Phật, Đạo Lão cho chúng ta một cái nhìn siêu việt về thân phận con người, về ý nghĩa thật tại trần thế để chúng ta đừng say đắm trong "chấp ngã", mà phải tìm đường siêu thoát, "vô vi", như thế tránh được mọi tranh giành quyền lợi, hận thù chiến tranh để sống **hiền hòa** an cư lạc nghiệp.

- Đạo Công Giáo với điều răn Bác Ái, cũng như đạo Phật với lòng Từ Bi, tạo cho chúng ta một tấm lòng bao dung quảng đại để yêu thương đùm bọc tha nhân trong tình người, tình huynh đệ đồng bào".

Ngoài ra, Phật Giáo cũng phù hợp với những lý tưởng tiến bộ phổ cập của nhân loại. Đó là ý kiến của giáo sư Trần Như Hảo, tại Hoa Kỳ, cho rằng trong 30 điều của "Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền" của Liên Hiệp Quốc, có 18 điều mà giáo lý nhà Phật đã chủ trương, giảng dạy. Đó là những điều 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 22, 23, 24, 25 và 26.

**Huỳnh Hùng**

## Đảng cộng sản sẽ không tồn tại lâu dài

LTS: Dưới đây là thư của Hòa thượng Thích Quảng Độ gửi ông Đỗ Mười. Đề tựa là của Thông Luận, trích từ một câu trong bài. Kèm theo thư là một bản Nhận Định dài một trăm trang viết tay. Hai tài liệu này vừa được chuyển từ trong nước ra. Bản Nhận Định hiện nay đang được một số thân hữu và đệ tử của Hòa thượng Quảng Độ đánh máy để phát hành.

Sài Gòn ngày 19 tháng 8 năm 1994

Kính gửi Ông Đỗ Mười

Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam

Thưa ông Tổng bí thư,

Tôi ký tên dưới đây là Thích Quảng Độ, tăng sĩ Phật giáo, xin trình bày với ông mấy việc như sau:

Cùng ngày hôm nay, cách đây 49 năm, sư phụ tôi là Hòa thượng Thích Đức Hải, trụ trì chùa Linh Quang, xã Thanh Lam, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, đã bị cộng sản giết chết vào hồi 10 giờ sáng ngày 19 tháng 8 năm 1945 (tức ngày 12 tháng 7 năm Ất Dậu), ngày Cách Mạng thành công, trên bãi cỏ trước đình làng Bật, thuộc phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, cách chùa sư phụ tôi hai cây số, vì bị gán cho tội "Việt gian bán nước".

Sư bá (tức anh trong đạo của sư phụ tôi) là Hòa thượng Thích Đại Hải, trụ trì chùa Pháp Vân (chùa Dâu), thuộc tỉnh Bắc Ninh, cũng đã bị cộng sản bắt vào năm 1946, và sau đó đã chết, vì tội là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Sư tổ tôi (tức ông nội trong đạo), pháp húy Thích Thanh Quyết, trụ trì chùa Trà Lũ, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Năm 1954, cộng sản vào chùa bảo Tổ tôi là dùng thuốc phiện tôn giáo ru ngủ nhân dân sẽ bị qui định thành phần và đưa ra đấu tố. Tổ tôi sợ quá phải thắt cổ chết để khỏi bị đấu tố sẽ đau đớn.

Nay đến lượt tôi đã bị cộng sản bỏ tù tại nhà tù Phan Đăng Lưu ở Bà Chiểu, Gia Định, từ ngày 6-4-1977 đến ngày 12.12.1978, và bị đưa ra lưu đày tại xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình từ ngày 25-2-1982, vì tội "làm việc tôn giáo cũng là làm chính trị". Đến ngày 10-3-1982 thì mẹ tôi cũng bị cộng sản bắt đưa ra xã Vũ Đoài để đày cùng tôi, không biết vì tội gì?. Mẹ tôi đã chết một cách thê thảm vào ngày 14 tháng Chạp năm Ất Sửu (tháng Một năm 1985), vì quá thiếu thốn và rét mướt. Còn lại một mình tôi, tôi cảm thấy không thể để cho mình cứ tiếp tục bị đày ải một cách vô tội, vô thời hạn, vô lương tâm, nên ngày 22-3-1992 (tức đã bị đày 10 năm 27 ngày), sau khi báo cho Bộ Công An ở Hà Nội biết, tôi đã trở về Sài Gòn và đến nơi vào ngày 25-3-1992.

Đến ngày 20-4-1992, tôi lại nhận được lệnh của Sở Công An Thành Phố trục xuất tôi về Miền Bắc, nhưng tôi đã không tuân hành mệnh lệnh phi lý ấy, không phải tôi ham ở Miền Nam mà sợ Miền Bắc, người tu hành ở đâu cũng được, không sợ khổ cực, nhưng phải làm cho đúng luật pháp. Bởi vì tôi là người vô tội, có đầy đủ mọi quyền công dân, không ai có quyền ưa thì cho ở, ghét thì đuổi đi một cách tùy hứng như năm 1982 được.

Nếu tôi có tội thì cứ chiếu theo luật pháp hiện hành, truy tố ra tòa xét xử công minh, tôi sẽ tuân hành phán quyết của tòa án. Tôi là một công dân có ý thức, chỉ mong được sống theo luật pháp và cùng được cai trị đúng theo luật pháp, thế thôi, chứ không mong gì hơn cả; vì được như thế cũng là may mắn lắm rồi.

Thưa ông Tổng Bí Thư,

Sở dĩ tôi kể lại những cái chết đau thương, thê thảm của những

bạc thân quý nhất trong đời tôi trên đây và sự giam cầm đầy dọa đối với bản thân tôi suốt mười mấy năm, là để chứng tỏ rằng tôi có đủ tư cách nhân danh những nạn nhân của cộng sản để gửi lên ông bản Nhận Định đính kèm, trong đó tôi đã minh oan cho sư phụ tôi và nói lên những sai lầm to lớn của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với dân tộc nói chung, và đối với Phật giáo nói riêng. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những điều tôi nói và sẵn sàng nhận lãnh mọi hậu quả mà có thể dẫn đến cái chết thê thảm như sư tổ tôi, sư bá tôi, sư phụ tôi, như mẹ tôi và như Quan Kỳ Tư chết về tay Trịnh Vương là cùng.

Nhưng dù có bị giết chẳng nữa thì tôi cũng cứ nói lên niềm tin vững chắc của tôi là Đảng Cộng Sản sẽ không tồn tại lâu dài. Không phải bây giờ tôi mới có niềm tin ấy, mà nó đã nảy sinh trong tôi từ lúc 10 giờ sáng ngày 19-8-1945 (lúc đó tôi 18 tuổi), khi tôi nhìn sư phụ tôi, hai tay bị trói bằng dây kẽm quặt về phía sau, cổ đeo hai tấm biển viết mấy chữ "Việt gian bán nước" (một tấm biển trước ngực, một tấm sau lưng), đứng giữa sân đình làng Bật, hai bên một đoàn người tay cầm gậy gộc, giáo mác, câu liêm, bõ cào đứng canh gác. Một nhóm người mệnh danh là quan tòa của tòa án nhân dân, đứng trên thềm đình để xử án. Họ bắt sư phụ tôi quì xuống sân đình và cúi đầu để nghe tòa luận tội. Nhưng sư phụ tôi đã không chịu làm thế. Một người từ trên thềm đình bước xuống đứng trước mặt sư phụ tôi, nói: "Mày là thằng Việt gian bán nước mà còn ngoan cố à?". Nói xong họ đâm vào quai hàm sư phụ tôi mấy cái, một dòng máu từ trong miệng sư phụ tôi ứa ra, chảy theo cằm thấm đỏ tấm biển "Việt gian bán nước" ở trước ngực. Lập tức họ tuyên án tử hình rồi đưa sư phụ tôi ra bãi cỏ trước đình. Máu từ miệng sư phụ tôi tiếp tục chảy ra, thấm ướt vạt áo dài, nhỏ xuống sân đình. Khi đến bãi cỏ, họ vạt sư phụ tôi nằm nghiêng xuống rồi một người bắn vào mang tai sư phụ tôi ba phát súng lục. Lại một dòng máu tươi phun thẳng lên, sư phụ tôi chết liền tại chỗ! Dòng máu ấy với hình ảnh sư phụ tôi hai tay bị trói nằm chết trên bãi cỏ, máu me đầy mặt, hai tấm biển "Việt gian bán nước" thấm máu, vạt áo thấm máu, hai bàn chân thấm máu, máu vương trên bãi cỏ, chỗ nào cũng thấy máu, tất cả những hình ảnh ấy đến nay đã 49 năm rồi mà tôi vẫn còn nhớ như in và tưởng chừng như mới hôm nào đó thôi. Thật là một cơn ác mộng!

Trong cơn đau đớn tuyệt cùng và hai hàng nước mắt tuôn chảy, ngay từ giờ phút ấy, ngồi trên bãi cỏ nhìn xác sư phụ tôi, tôi đã nghĩ cộng sản sẽ không tồn tại lâu dài; lý do: cộng sản chủ trương căm thù, đấu tranh giai cấp, đánh và giết người như thế là ác quá, mà cái ác thì thường không bền, lịch sử đã chứng minh điều đó. Bởi lẽ tâm lý người ta nói chung, tuyệt đại đa số đều yêu cái thiện, ghét cái ác, mà cái người ta đã ghét thì khó tồn tại lâu được. 74 năm tồn tại (1917-1991) của chế độ cộng sản Liên Xô không phải là một thời gian lâu dài nếu so với 215 năm của triều đại nhà Lý tại Việt Nam, mà theo giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một triều đại thuần từ nhất trong lịch sử Việt Nam.

Thế rồi từ năm 1975, tôi lại nhận ra thêm một điều nữa, đó là, theo luật tự nhiên đào thải, bất cứ cái gì, hễ đáp ứng được nhu cầu của con người thì dù có chôn nó đi, người ta cũng đào lên; trái lại cái gì không đáp ứng được nhu cầu của con người thì sẽ tự hủy diệt. Sau khi thực sự sống dưới chế độ cộng sản, tôi nhận thấy chủ nghĩa cộng sản không đáp ứng được nhu cầu của con người: về tinh thần thì bị kìm kẹp, đàn áp; về vật chất thì nghèo khổ, đói khổ, đến nỗi bây giờ phải đi học tư bản và theo kinh tế thị trường, thì cộng sản còn thực chất gì nữa, chỉ còn cái tên suông đó thôi. Sở dĩ cộng sản Đông Âu và Liên Xô cũ đã tự tiêu diệt là vì đã không đáp ứng được nhu cầu của con người. Không ai đánh phá, tiêu diệt cộng sản, nhất là Phật giáo chẳng bao giờ đánh phá ai,



mà trái lại đã phải luôn chống đỡ sự đánh phá và đàn áp của cộng sản nhằm tiêu diệt tôn giáo.

Nhưng như tôi vừa nói ở trên, theo luật tự nhiên đào thải, về một phương diện nào đó, đạo Phật vẫn còn đáp ứng được nhu cầu của con người, cho nên khó tiêu diệt lắm. Bằng chứng là tại Miền Bắc hiện nay, những ngôi chùa trước kia đã bị cộng sản phá hủy, trừ những ngôi đã bị san bằng làm ruộng cấy lúa thì thôi, những ngôi nào còn nền cũ trên đất cao, thì nhân dân đã dựng nên mấy gian nhà tranh, xà nào khá hơn thì làm vài ba căn nhà gạch lợp ngói tây (vì ngói cổ của tổ tiên bị đập phá hết rồi) để có chỗ thờ Phật. Những kinh sách in bằng tiếng Việt trước kia đã bị đốt hết, vì cộng sản cho là "văn hóa đồi trụy", nay nhân dân vào Miền Nam mua kinh đem ra rồi chép tay chuyền cho nhau mà đọc tụng. Như vậy chúng tôi nhân dân vẫn còn cần đến Phật giáo, trong khi đó, theo chỗ tôi biết, từ sau năm 1954, tại Miền Bắc, nhà nào cũng phải treo chân dung của các lãnh tụ cộng sản quốc tế "vi đại", như Karl Marx, Lenin, Stalin, Malenkov, Mao Trạch Đông, Kim Nhật Thành, v.v... nhưng năm 1982 tôi bị đưa ra đày ở xã Vũ Đoài, tôi không thấy nhà nào treo nữa, kể cả các nhà đảng viên!

Riêng ông Kim Nhật Thành của Bắc Triều Tiên thì mới chết gần đây và đảng cộng sản đã dành trọn ngày 17-7-1994 để "quốc tang" cho ông ấy. Tôi thiết nghĩ, nếu ông Kim Nhật Thành đã giúp đỡ gì cho Đảng Cộng Sản Việt Nam, hoặc vì tình "anh em như môi với răng" giữa những người cộng sản quốc tế với nhau, thì chỉ đảng và một triệu tám trăm ngàn đảng viên để tang ông ấy thôi, chứ ông Kim Nhật Thành đã làm gì cho đất nước Việt Nam, và bảy mươi triệu dân Việt Nam có là đảng viên cả đầu mà đảng bắt toàn dân phải để tang ấy, dù chỉ một ngày? Thế sao Đảng Cộng Sản Việt Nam không làm một ngôi đền thật lớn ở ngay Hà Nội để thờ Quốc Tổ Hùng Vương và tuyên bố lấy ngày 10 tháng 3 âm lịch - ngày Giỗ Tổ - làm ngày Quốc Lễ, nghỉ trọn ngày, để cho toàn dân có dịp tưởng nhớ đến công ơn của Đức Quốc Tổ và các bậc tiền bối đã có công mở nước và dựng nước, nhờ thế mà ngày nay mới có Đảng Cộng Sản Việt Nam! Mồ cha mình sao mình không khóc! Ông Kim Nhật Thành là người ngoại chủng thì Đảng Cộng Sản Việt Nam đối đãi như thế, còn đối với những đồng bào đồng chủng với nhau thì Đảng Cộng Sản Việt Nam lại bắn giết. Cứ những khi tôi nhớ đến hình ảnh sự phụ tôi bị đánh, bị bắn ở trước sân đình làng Bật là lòng tôi quặn đau, xót xa tủi hổ cho nòi giống Lạc Hồng bốn nghìn năm văn hiến.

Hơn nửa hàng trăm nghìn người Việt Nam đã bị giết hại trong cuộc đấu tranh giai cấp, cải cách tổ khổ năm 1956 tại Miền Bắc, mặc dù sau đó Đảng Cộng Sản đã sửa sai, xin lỗi (tức đã giết lầm), nhưng đảng đã làm "quốc tang" cho họ chưa? Rồi còn không biết bao nhiêu người Việt Nam tị nạn đã chết ngoài biển khơi từ ngày 30-4-1975 thì sao? Ai để tang cho họ? Nếu toàn dân Việt Nam để tang thì để tang những người ấy, chứ không ai để tang ông Kim Nhật Thành của Bắc Triều Tiên!

Trân trọng kính chào ông Tổng bí thư.

Nay kính,

**Thích Quảng Độ (Ấn ký)**

Tổng thư ký Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam

Thống Nhất

Bản sao kính gửi:

- Hòa thượng Thích Huyền Quang, quyền Viện trưởng VHD/GHPGVNTN

- GHPGVNTN các cấp trong nước và ngoài nước

- Quý vị lãnh đạo các tôn giáo bạn  
"để kính tường"

## Kiểm điểm

# Bảy tháng dân chủ tại Nam Phi

Diệp Tường Bảo

Sự biến chuyển của Nam Phi từ một chế độ kỳ thị chủng tộc sang một chế độ đa chủng (multiracial society) đã xảy ra một cách tốt đẹp, trái với lời tiên đoán bi quan, lo sợ có hỗn loạn hay nội chiến của nhiều nhà bình luận.

Sau ba thế kỷ sống dưới áp bức, người da đen giành lại chính quyền trong êm thấm và đã không làm một hành động trả thù nào. Thành phần cực đoan của cộng đồng da trắng như tổ chức AWB, vốn theo chủ nghĩa quốc xã, cũng không gây khủng bố như họ đã hăm dọa trước cuộc bầu cử tự do vào ngày 13-5-1994. Ngay đến giả thuyết thành lập một quốc gia riêng (Volkstaat) cũng không còn được ai nói đến. Cuộc xung đột giữa hai sắc tộc, Xosha của tổng thống Mandela và sắc tộc Zulu của ông Buthelezi, cũng đã chấm dứt.

Tình trạng ổn định gần như lý tưởng này sở dĩ có được là nhờ ở thái độ khoan dung tổng thống Mandela. Trong suốt thời gian tranh cử, ông luôn luôn kêu gọi dân tộc Nam Phi từ bỏ hận thù để đi đến hòa giải hòa hợp và ông đã chứng minh bằng những hành động cụ thể, như thành lập một chính phủ liên hiệp với phó tổng thống là ông De Klerk (chủ tịch đảng Quốc Gia cầm quyền ngày trước), và bộ trưởng nội vụ là ông Buthelezi. Ông không ngại mời những người thuộc chế độ cũ tiếp tục giữ những trọng trách trong các khâu quan trọng như quân đội, công an. Ông đã có những chương trình giải thể những chi nhánh võ trang của Nghị Hội Quốc Gia Phi Châu như tập đoàn tự vệ SDU, quân đoàn Umkhonto we Sizwe, để hòa nhập những thành viên cũ vào công an và quân đội mới.

Kết quả của sự hình thành dân chủ là bước nhảy vọt về kinh tế. Từ khi hết bị thế giới cô lập, Nam Phi bắt đầu có hậu thuẫn để khai thác tài nguyên (mỏ vàng, kim cương, uranium, v.v...) và phát triển các công nghiệp nặng và nhẹ. Về mặt ngoại giao, Nam Phi trở thành một gương mẫu cho các nước chậm tiến đặc biệt là các nước châu Phi. Trong cuộc hội đàm gần đây của Tổ Chức Đoàn kết Phi Châu, ông Mandela đã kêu gọi các lãnh tụ Phi Châu "bỏ thái độ ỷ lại và can đảm nhận lấy những lỗi lầm để tiến lên phía trước". Quả thật là một tiếng nói dũng cảm mà đã từ lâu những lãnh đạo các nước Phi Châu không có dịp nghe nhắc nhở.

Nhưng tình trạng Nam Phi không phải không có khuyết điểm hay không gặp khó khăn, trở ngại. Đảng Quốc Gia chỉ trích thái độ "phất" của vài cán bộ cao cấp của Nghị Hội Quốc Gia Phi Châu như "đi xe lớn, ở nhà cao". Thật ra đó chỉ là vai trò chỉ trích của đối lập mà thôi. Đáng lo ngại hơn là sự đào ngũ của gần hai ngàn quân nhân da đen vì không quen bị sĩ quan da trắng chỉ huy. Dầu sao sau thời gian đào tạo tầng lớp sĩ quan da đen thì công tác chỉ huy chắc sẽ dễ dàng hơn.

Về mặt xã hội, mặc dù chính phủ đã có những thành quả như việc tiết kiệm được một tỷ USD về chi phí điều hành để dùng số tiền đó vào việc trợ giúp 4 triệu người nghèo, những người đã bầu cho Nghị Hội Quốc Gia Phi Châu có vẻ nóng lòng vì vẫn còn phải chờ đợi việc bắt đầu thực hiện "Hiến chương tái thiết và phát triển". Trong đó có chương trình xây dựng một triệu đơn vị gia

(Xem tiếp trang 26)

# Hành sử quyền đối lập để hình thành đối lập ở Việt Nam

Trần Thanh Hiệp

Quyền đối lập được bàn tới dưới đây không phải là quyền đối lập lý tưởng mà một luật gia sống ở ngoài vòng kìm kẹp của chế độ đã phác họa trong mơ ước của mình, trên cơ sở những văn bản lý thuyết luật học lý tưởng, quyền đối lập mà chính người viết bài này muốn có. Đây chỉ là một quyền đối lập được quan niệm trong khuôn khổ luật pháp thực định (droit positif) đương hành tại Việt Nam, với tất cả những giới hạn khe khắt của nó.

## I. Quyền đối lập trong khuôn khổ luật thực định tại Việt Nam

Mặc dầu đã có nhiều sự kiện cho thấy tại Việt Nam có đối lập chính trị nhưng nhà cầm quyền cộng sản tìm đủ cách để phủ nhận sự hiện hữu của nó, và một số nhà quan sát quốc tế trong các địa hạt truyền thông, kinh tế, chính trị, v.v... đã tỏ ra khá dè dặt về sự hiện hữu ấy. Về phần người Việt ở ngoài nước, nếu một mặt không ngớt đề cao những hành động anh dũng ở trong nước chống đối chuyên chế thì mặt khác vẫn có rất nhiều người kiên trì trong thành kiến rằng dưới sự khống chế của bộ máy kìm kẹp cộng sản, không thể có đối lập thật chỉ có đối lập giả. Ảnh hưởng thành kiến này vô tình đã dẫn tới một nhận định sai lầm - rất tai hại - về khía cạnh pháp lý, tối quan trọng, của đối lập, đó là "quyền đối lập". Nó tạo thêm ra một thành kiến nữa, hoàn toàn vô căn cứ, theo đó ở Việt Nam cũng không có cả "quyền đối lập" (thành kiến này lại được một số luật gia ưa "không đàm" - bàn suông, nói lấy được cho đã - nuôi dưỡng nên vấn đề đối lập tại Việt Nam khó được đặt ra một cách nghiêm túc). Kỳ thực ở Việt Nam tuy thiếu những tổ chức đối lập có quy mô nhưng "quyền đối lập" đã thực sự hiện hữu, nhất là trên bình diện luật thực định.

Do đó, phải đặt lại vấn đề đối lập: thay vì chỉ uất ức, than van, tố cáo nhà cầm quyền cộng sản không cho phép đối lập công khai hoạt động, những người dân chủ ở trong nước cũng như ở ngoài nước phải tìm cách hành sử quyền đối lập, một quyền đã thật sự ghi trên Hiến pháp nhưng bị nhà cầm quyền cộng sản vô hiệu hóa một cách có hệ thống. Quyền đối lập này đã được thiết lập và thể hiện trong Hiến pháp 1992, nghĩa là đã được thể chế hóa, dĩ nhiên với nhiều sự hạn chế, nhiều cạm bẫy gài bên trong và ngay từ khi chưa ra đời nó đã bị Đảng cộng sản bóp nghẹt. Nhưng bỏ sang một bên những sự hạn chế, những vi phạm này - vì đó lại là những vấn đề khác, phải có cách giải quyết khác - Hiến pháp 1992, nếu được đọc lại và chọn lọc theo tiêu chuẩn nghiêm ngặt của luật học thì đối với đồng bào ở trong nước còn phải sống dưới chế độ cực quyền toàn trị hiện nay (đồng bào sống tự do ở ngoài nước thì khác vì có những yêu sách cao hơn, lý tưởng hơn) nó là một căn bản pháp lý (une base juridique) rất vững chắc để hành sử quyền đối lập. Căn bản ấy, như vậy, đã thành tựu về mặt pháp lý, nếu muốn có thực hiệu (effectivité, effectiveness) phải được đem ra thực thi. Đương nhiên là Đảng cộng sản không có lợi ích gì để thực thi quyền này hộ cho những người đối lập cả! Chính những người muốn đối lập phải tìm cách thực thi nó và ở ngay trong ý chí và hành động thực thi đó, họ mới thành đối lập được. Có thể

là họ sẽ bị đàn áp thô bạo, có thể là họ sẽ giành được thắng lợi và đánh bại chuyên chế. Không nên trông đợi những kết quả định sẵn từ trước. "Đối lập" là một "nghịch năng" (dysfonction, dysfunction) trong hệ thống tương quan xã hội nên đối lập phải xử sự như một nghịch năng. Không giống như trong cơ thể một sinh vật, trong một xã hội chính trị, nghịch năng có thể trở thành chức năng (fonction, function) hay ngược lại.

## Quyền đối lập đã được luật thực định thể chế hóa, ít ra là về mặt nguyên tắc

Căn cứ vào đâu để khẳng định rằng người dân trong nước đã có quyền đối lập pháp định và quyền đối lập là quyền gì?

Ai cũng biết rằng không có một bản văn nào quy định riêng về quyền đối lập ở trong nước. Nhưng điều này không có nghĩa là quyền ấy không có. Thật vậy, quyền đối lập là gì nếu không phải là quyền tổng hợp những nhân quyền, dân quyền đã được Hiến pháp năm 1992 của nước "Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam" công nhận? Hành sử đầy đủ các nhân quyền, dân quyền ấy là mặc nhiên hành sử quyền đối lập.

Luật thực định - tất cả những luật lệ đã được chính thức ban hành - tại Việt Nam hiện nay đã nhìn nhận những nhân quyền, dân quyền nào? Ta hãy kiểm kê sơ qua các nhân quyền, dân quyền ấy rồi sẽ xét sau mọi hành vi của Đảng cộng sản xâm phạm quyền đối lập.

## A. Những nhân quyền, dân quyền đã được Hiến pháp 1992 công nhận

Hiến pháp, hiểu theo nghĩa do chính cộng sản định là "luật cơ bản của Nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất". Hiến pháp 1992, được Quốc hội "nhất trí thông qua trong phiên họp ngày 15-4-1992", đã công nhận. (\*)

### a. không có sự hạn chế, những nhân quyền dưới đây:

- "các quyền con người (nhân quyền) về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội" và khẳng định rằng các quyền này "được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật" (điều 50)

- quyền được làm "công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" nếu có "quốc tịch Việt Nam" (điều 49)

- quyền của mọi công dân được "bình đẳng trước pháp luật" (điều 52)

- quyền của mọi công dân "nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, phát minh, sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, sáng tác, phê bình văn học, nghệ thuật và tham gia các hoạt động văn hóa khác...quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp"(điều 60)

- quyền của mọi công dân "nữ và nam... ngang nhau về mọi mặt chính trị..." (điều 62)

- quyền của mọi công dân được "tự do tín ngưỡng, tôn giáo,

- theo hoặc không theo một tôn giáo nào" (điều 70)
- quyền của "các tôn giáo" được "bình đẳng trước pháp luật" (điều 70)
- quyền của mọi công dân "bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về linh mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm" (điều 71)
- quyền của mọi công dân "bất khả xâm phạm về chỗ ở... thư tín, điện thoại, điện tín... được bảo đảm an toàn, bí mật" (điều 73)
- quyền của mọi công dân "khiếu nại... tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, hoặc bất cứ cá nhân nào" (điều 74)
- quyền của mọi công dân "được bồi thường về vật chất và phục hồi danh dự" nếu bị bắt, bị giam giữ, bị truy tố, xét xử trái pháp luật (điều 72), nếu bị thiệt hại vì các hành vi các cơ quan nói trên xâm phạm lợi ích (điều 74).

**b. có sự hạn chế, những nhân quyền dưới đây :**

- quyền của mọi công dân "tự do kinh doanh" theo "quy định của pháp luật" (điều 57)
- quyền của mọi công dân "tự do đi lại và cư ngụ ở trong nước... ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước" theo "quy định của pháp luật" (điều 69)
- quyền của mọi công dân "tự do ngôn luận, tự do báo chí... được thông tin... hội họp, lập hội, biểu tình" theo "quy định của pháp luật" (điều 70)

**c. không có sự hạn chế, những dân quyền dưới đây :**

- quyền của tập thể công dân, dưới danh xưng nhân dân, "làm chủ về mọi mặt" (điều 3), "sử dụng tất cả quyền lực Nhà nước" (điều 2, điều 6)
- quyền của mọi công dân "tham gia quản lý Nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận các vấn đề chung của cả nước và địa phương, kiến nghị với cơ quan Nhà nước" (điều 53)

**d. có sự hạn chế, những dân quyền dưới đây :**

- quyền của mọi công dân "đủ mười tám tuổi trở lên... bầu cử" và "đủ hai mươi mốt tuổi trở lên... ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật".

**B. Những nhân quyền, dân quyền hiến định ấy đã được luật quốc tế tăng bổ**

Ngày 24 tháng 9 năm 1982, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký tham gia hai Công ước quốc tế về nhân quyền, dân quyền. Đó là Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (Pacte international relatif aux droits civils et politiques, International Covenant on civil and political rights) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Pacte international relatif aux droits économiques, sociaux et culturels, International Covenant on economic, social and cultural rights). Cần nói thêm rằng kèm theo Công ước về các quyền dân sự và chính trị còn có bản Hiệp định thư phụ đính tùy ý (Protocole facultatif se rapportant au Pacte international relatif aux droits civils et politiques, Optional Protocol to the International Covenant on civil and political rights).

Không kể bản Tuyên ngôn quốc tế Nhân Quyền không có hiệu lực cưỡng chế của một đạo luật quốc tế và chỉ có giá trị khuyến cáo, hai Công ước quốc tế nói trên là những văn bản pháp lý ràng buộc những nước đã ký kết hay tham gia bằng những

nghĩa vụ pháp lý có hiệu lực cưỡng chế. Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tham gia hai Công ước này.

Hai văn bản quốc tế này đã quy định những gì về nhân quyền và đã tăng bổ như thế nào cho các quyền hiến định của công dân Việt Nam?

Hãy tạm giới hạn vào Công ước về các quyền dân sự, chính trị.

Ngoài việc khai triển các nhân quyền, dân quyền đã được tuyên xưng trong bản Tuyên ngôn quốc tế Nhân Quyền, Công ước này đã đặt ra cho các nước đã ký kết hay tham gia, những nghĩa vụ pháp lý rất rõ rệt, chính xác.

Điều 2 của Công ước buộc các nước thành viên phải tôn trọng (vì có nghĩa vụ pháp lý) những quyền được Công ước thừa nhận và bảo đảm (vì có nghĩa vụ pháp lý) cho những quyền ấy được tôn trọng, thi hành trên lãnh thổ mình có thẩm quyền cai trị. Đoạn 2 của điều này cũng buộc các nước thành viên phải sắp xếp, tùy theo thủ tục hiến định, để những quyền đã được Công ước thừa nhận thật sự có hiệu lực, trường hợp những quyền ấy chưa có hiệu lực trong khuôn khổ luật quốc nội. Ngoài ra, khi các quyền này bị vi phạm, các nước thành viên phải bảo đảm để cho các nạn nhân được quyền khiếu tố và việc khiếu tố này phải được xét xử nghiêm chỉnh, công bằng.

Tuy trên nguyên tắc việc sắp xếp này có thể đưa tới những hạn chế nhưng Công ước không để cho các nước thành viên được quyền tùy tiện vi phạm các nghĩa vụ mà Công ước đã quy định. Các nước thành viên chỉ có thể lấy những biện pháp hạn chế khi nào có nguy cơ trước mắt đe dọa sự sống còn của quốc gia nhưng cũng chỉ tới mức sự đòi hỏi của tình thế. Và cấm không được hạn chế vì kỳ thị (chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc xã hội) và đi ngược lại với những qui phạm khác của luật quốc tế.

Điều tối quan trọng là trong mọi trường hợp, điều 4 của Công ước cấm chỉ không một nước thành viên nào được chạm tới các nhân quyền đã được trừ liệu nơi các điều 6 (quyền sống), điều 7 (quyền không bị tra tấn, bị đối xử độc ác, vô nhân đạo, làm mất phẩm giá con người), điều 11 (quyền không thể bị giam vì không thi hành được điều kết ước), điều 15 (quyền không bị kết án không dựa vào luật pháp), điều 16 (quyền được thừa nhận có tư cách pháp nhân) và điều 18 (quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tự do hành đạo) vì những quyền này là những nhân quyền cơ bản của con người.

Về những quyền chính trị, điều 25 của Công ước quy định rằng mọi công dân đều có quyền tham gia quản trị việc nước, bầu cử, ứng cử trong những cuộc tranh cử có định kỳ, ngay thẳng, tự do v.v... mà không thể bị kỳ thị, hạn chế, bất kỳ vì lý do gì, dưới hình thức nào.

Chính quyền cộng sản Việt Nam bởi đã tham gia Công ước, có nghĩa vụ pháp lý phải tích hợp những điều khoản của Công ước này vào luật quốc nội để những điều khoản ấy có hiệu lực. Nếu không, sự tham gia mất hết ý nghĩa pháp lý của nó.

Áp dụng Công ước, các nước thành viên đã bầu ra một Ủy ban, có danh xưng "Ủy ban nhân quyền" để cứu xét các đơn khiếu tố vi phạm mà đương đơn là một nước thành viên (điều 28). Ủy ban này cũng có quyền xét đơn khiếu tố của tư nhân nếu nước thành viên tư nhân ấy thống thuộc có ký vào Hiệp Định Thư phụ đính tùy ý. Nhưng đơn của tư nhân Việt Nam khiếu tố vi phạm nhân quyền không được Ủy ban Nhân quyền thụ lý vì Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam không ký vào Hiệp Định Thư này.

Với sự tăng bổ của luật quốc tế, luật quốc nội của Việt Nam

trên địa hạt nhân quyền đã đưa những quy phạm riêng của nó lên ngang hàng với những quy phạm quốc tế. Người Việt Nam, như vậy trên nguyên tắc, đã có đầy đủ những nhân quyền, dân quyền được tuyên xưng, quy định trong các văn bản quốc tế về nhân quyền. Mặt khác luật quốc nội cũng đã được bổ sung khi tiếp thụ khái niệm "quyền chủ quan" (droits subjectifs) của luật quốc tế vì theo quan điểm mác-xít, không thể có "quyền" ở trên, ở ngoài "luật". Cái gọi là "luật tự nhiên" (droit naturel) chỉ là điều tư sản bày đặt để thống trị dân chúng. Do đó không thể chấp nhận có "nhân quyền" là những quyền mà người mác-xít bác bỏ vì là của con người tư sản riêng lẻ, ích kỷ. Chỉ những quyền nào do luật pháp quy định - những "quyền khách quan (droits objectifs) - mới được kể tới. Nhưng chính quyền cộng sản đã từ bỏ quan điểm luật học mác-xít ấy khi họ tham gia các Công ước quốc tế về nhân quyền vì các văn bản này đã thiết lập, quy định nhân quyền dân quyền theo quan điểm "quyền chủ quan".

### C. Những nhân quyền, dân quyền được thể hiện thành những quyền tự do luật định

Hiến pháp tuy có "hiệu lực pháp lý cao nhất" nhưng không phải là một đạo luật có thể đem ra trực tiếp áp dụng nên phải có những luật thường, ở dưới Hiến pháp về mặt hiệu lực pháp lý, để thi hành Hiến pháp (người ta tự hỏi điều 12 của Hiến pháp 1992 muốn nói gì khi điều này định rằng "Các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp..."). Những luật này nhằm quy chế hóa những nhân quyền và dân quyền đã được Hiến pháp công nhận trên nguyên tắc cho nên không có luật áp dụng thì Hiến pháp cũng chỉ là một mớ từ ngữ có danh mà không có thực. Hay có luật áp dụng mà trái ngược với Hiến pháp thì không còn là luật áp dụng Hiến pháp nữa mà là luật để vi phạm Hiến pháp!

Ở Việt Nam cho đến những năm 70, rất hiếm những luật áp dụng Hiến pháp. Sau Hiến pháp 1980, bắt đầu thấy xuất hiện ít nhiều loại luật này trong số đó có Bộ luật hình sự 1985, Bộ luật tố tụng hình sự 1990, Luật Báo chí 1989 (chỉ kể những luật xa gần ảnh hưởng tới quyền đối lập). Hiến pháp 1992 đã được thi hành qua một số luật áp dụng, đặc biệt là Luật bầu cử đại biểu Quốc hội 1992 và Luật lao động 1994 (những luật xa gần ảnh hưởng tới quyền đối lập).

Nói chung các luật áp dụng nhắc ở trên đều trái với Hiến pháp 1992 vì còn mang thực chất của "chuyên chính vô sản", một thành ngữ tuy được ghi trong Hiến pháp 1980 nhưng đã bị Hiến pháp 1992 xóa bỏ. Ngoài ra còn có những văn bản dưới luật mà tầm hiệu lực pháp lý xem ra còn cao hơn cả Hiến pháp! Thật đáng ngại vì các văn bản luật, dưới luật này lại xâm phạm nặng nề tới các nhân quyền, dân quyền cơ bản, những quyền tự do hiến định của con người như trong các vụ Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đình Huy, Giáo hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam v. v. . .

Kẻ ra tại đây những văn bản áp dụng này không phải để hoan nghênh chúng mà để nhấn mạnh rằng vai trò của luật là chủ yếu trong vấn đề nhân quyền, dân quyền, nhưng nó có thể rất tai hại cho nhân quyền, dân quyền như trường hợp một số luật áp dụng ở Việt Nam..

Tóm lại, về mặt nguyên tắc, trong khuôn khổ luật thực định, tại Việt Nam, đã có một căn bản pháp lý cho quyền đối lập với ba cơ sở cấu thành: cơ sở hiến định, cơ sở quốc tế, cơ sở luật định. Sự hiện hữu này, từ sau ngày 15-4-1992, đứng về mặt pháp lý mà

xét, đã không còn tùy thuộc vào sự chấp thuận của Đảng cầm quyền tức Đảng cộng sản. Công dân Việt Nam đã có quyền đối lập mà không cần phải xin phép trước bất cứ ai.

Nhưng về mặt thực tế đã có rất nhiều trở ngại khiến cho quyền đối lập ấy không hành sử được.

## II. Quyền đối lập trong thực tế

### 1. Ý đồ của Đảng cộng sản là ngăn cản, tiêu diệt đối lập

Tất cả mọi chỉ dấu đều cho thấy Đảng cộng sản vẫn theo đuổi ý đồ không thay đổi là phải "trụ" bằng mọi giá nhưng trước hết là bằng chuyên chế cực quyền toàn trị. Ý đồ này là nguyên nhân sâu xa của chính sách đàn áp để tiêu diệt đối lập mà Đảng và chính quyền cộng sản đã liên tục thi hành từ nhiều thập niên qua. Trên bình diện pháp lý, ý đồ ấy đã đưa tới sự sang đoạt (détournement) luật pháp quốc gia, biến chức năng công lý này thành một công cụ chuyên chế của riêng một nhóm người tự phong cho mình đủ mọi thứ đặc quyền đặc lợi có thể mơ ước được trên đời.

Sự sang đoạt ấy đã được thực hiện bằng nhiều mưu mẹo.

Trước hết, tập trung tất cả mọi quyền hành ở trong nước vào một cơ quan bù nhìn: Quốc hội, hòn đá tảng của hệ thống quyền hành toàn trị của Đảng với danh nghĩa "cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực cao nhất của nước...". Và để tiện việc vận dụng tất cả các quyền hành, quốc hội này đã nắm trọn cả ba quyền cơ bản của một quốc gia là quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp.

Thật vậy, điều 109 của Hiến pháp định rằng "chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội", điều 84 cho Quốc hội quyền "bầu" và "bãi nhiệm" "chủ tịch nước" cũng như "thủ tướng chính phủ (...)" bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, giám sát, đình chỉ hay hủy bỏ các quyết định của Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao...". Điều 135 buộc rằng "Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội" cũng như điều 139 buộc rằng "Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm

và báo cáo công tác trước Quốc hội". Quốc hội Việt Nam vì thế chỉ có một viện, tự mình làm ra luật, tự mình kiểm sát hiến tính của luật mình làm ra. Có thể nói đó là một quốc hội có nhiều quyền nhất trên thế giới, bỏ xa quốc hội của nước Anh!

Sau nữa, thay thế ngôn ngữ chính xác của pháp luật bằng loại ngôn ngữ nhiều nghĩa có thể hiểu một lúc theo hai ba cách. Thí dụ "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý" có thể hiểu là "Đảng vừa lãnh đạo, vừa làm chủ vừa quản lý, nhân dân chỉ việc nhầm mất theo Đảng"! Hoặc "chịu trách nhiệm trước nhân dân" có nghĩa là "chịu nghe lời phê bình của nhân dân rồi tự phê bình" và hết! Hoặc "tập trung dân chủ" có nghĩa là "dân chủ tập trung" hay "tập trung mang tính chất dân chủ" hay "dân chủ có lãnh đạo, do Đảng lãnh đạo". Vì vậy mà bản Hiến pháp 1992 gần như "đầu Ngô mình Sở" từ nọ mâu thuẫn với từ kia, đoạn này ngược với đoạn khác. Bầu cử tự do nhưng lại phải thông qua sự hiệp thương giới thiệu của Mặt trận Tổ quốc, Tổ quốc là Tổ quốc Việt Nam nhưng lại phải là Tổ quốc xã hội chủ nghĩa v. v. . . Tình trạng loạn ngôn đó cốt để cho Đảng sau cùng dùng bạo lực áp đặt nghĩa Đảng muốn có cho ngôn ngữ pháp luật. Không có luật pháp hay chỉ có loại luật pháp công cụ chuyên chế của Đảng nhưng vẫn là luật pháp của một chế độ "pháp quyền" (Etat de Droit)!

Mặt khác, lại còn lối nói lửng lơ kiểu "phù hợp với pháp luật Việt Nam" (điều 25), "do pháp luật quy định" (điều 44), "được

quy định trong Hiến pháp và luật", "theo quy định của pháp luật" (các điều 54, 57). Nhưng nếu pháp luật chưa hay quên (!) không quy định thì quyền liên hệ chỉ là một quyền thuần lý thuyết. [Đảng cộng sản nửa thế kỷ cầm quyền đã ban hành bốn Hiến pháp để thi hành đủ loại dân chủ (cộng hòa, nhân dân, tập trung, xã hội chủ nghĩa) nhưng đã quên hẳn làm luật qui định quyền cho người dân được lập hội, lập đảng].

Sau hết, "Đảng" đã khôn khéo che mắt thế gian bằng cách chỉ đứng thấp thoáng ở đằng sau những bức bình phong bày vẽ đủ thứ như nhân dân, quốc hội, nhà nước, chủ tịch nước, chính phủ, tòa án, viện kiểm sát thậm chí có cả luật sư đoàn v.v... rồi rùm beng đánh bóng cho cái "dân chủ thuần hình thức" chỉ có vỏ không có ruột (mà Karl Marx đã kịch liệt bài xích) để cố tình đánh lạc hướng dư luận.

Nhưng nay đã hết thời buông màn sắt, màn tre để bung bít sự thật. Đảng cộng sản đã phải mở cửa ra khắp bốn phương để tìm đường sống và như vậy là đã bắt buộc phải dần bước phiêu lưu đi vào một tiến trình biến chất không cưỡng lại được.

## 2. Ý đồ mà đối lập phải đánh bại và có thể đánh bại

Mặc dầu trên chính trường Việt Nam Đảng cộng sản hiện nay vẫn độc diễn và đối lập vẫn vắng bóng vì bị trừ dập không nương tay. Nhưng trên thế nước lòng dân, Đảng cộng sản đã mất sự chính thống dù cố núp lấy cái bóng mờ của nền chính thống lịch sử "kháng chiến". Sự kiện một số lãnh tụ già nua còn sống sót quay về hàng phục tất cả những kẻ thù mà trước đây họ đã thề không đội trời chung tự nó đã phá đổ nền chính thống lịch sử. Cho nên Đảng cộng sản đang ngấp nghé nền chính thống dân chủ tự do. Nhưng họ lại chỉ muốn dân chủ giả về mọi mặt. Họ điên cuồng chống đa nguyên, chống diễn tiến hòa bình đi từ chuyên chế chuyển đổi qua dân chủ. Họ thẳng tay đàn áp đối lập và do đó tự tố cáo mình là kẻ thù của dân chủ. Thử hỏi làm sao họ có thể tranh thủ được chính thống dân chủ? Trên đà ấy, Đảng cộng sản ngày càng đi sâu vào lô gích tự hủy diệt.

Trong khi đó, đối lập bắt đầu quá trình hình thành về phương diện pháp lý, trong thực tế họ đã hình thành từ mấy thập niên qua ở ngoài Bắc cũng như ở trong Nam. Trước là quốc gia chống cộng bây giờ là dân chủ chống chuyên chế.

Trên bình diện pháp lý, quyền đối lập đã hiện hữu trên những cơ sở vững chắc. Vấn đề đặt ra là làm sao chấm dứt những hành vi của Đảng cầm quyền xâm phạm thô bạo, thường xuyên và liên tục quyền đối lập ấy. Đây không còn là một vấn đề pháp lý nữa mà là một vấn đề chính trị vì việc lấy sáng kiến hành sử các quyền hiến định đang bị cộng sản xâm phạm là việc làm có tính chất chính trị.

Nếu mỗi người công dân cứ hành sử những nhân quyền, dân quyền mà Hiến pháp 1992, luật quốc tế đã công nhận cho họ được có thì mặc nhiên họ đã hành sử quyền đối lập.

Về điểm này cần minh xác rằng chính quyền cộng sản không thể bắt buộc Trung Quốc nài cái gọi là "truyền thống dân tộc" để không tôn trọng nhân quyền, dân quyền cơ bản mà hai Công ước quốc tế họ tham gia đã buộc họ phải tôn trọng. Trung Quốc có cơ sở để chống cãi như vậy vì Trung Quốc không tham gia hai văn bản quốc tế này. Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thể ngoan cố giữ mãi thái độ nước đôi tham gia nhưng không chịu thi hành.

Hiến pháp đã đặt nhân dân lên địa vị "làm chủ về mọi mặt" nước, Nhà nước v.v... tại sao họ không tìm cách xử sự như một người "chủ"? Phải xác lập ý thức, ý chí, làm chủ để hành sử quyền

đối lập pháp định đã có. Đối lập chỉ có thể ra đời bằng việc hành sử quyền đối lập chứ không thể bằng một ân huệ mà Đảng cộng sản ban phát cho những người chống lại họ.

Khi có ý thức "làm chủ", người dân sẽ tự tin, sáng suốt đặt lại vấn đề "đảng lãnh đạo" một cách tự nhiên.

Bất cứ một người dân nào, không cần phải có những chính trị gia lỗi lạc - những minh chủ - những nhà tranh đấu ghê gớm, cũng có thể tự hỏi "Đảng lãnh đạo là gì?" và sẽ thấy rằng "lãnh đạo" không phải là Đảng muốn làm mưa làm gió gì cũng được. Hiến pháp 1992, không định nghĩa rõ rệt thế nào là lãnh đạo hay nói theo thuật ngữ luật học, từ kép lãnh đạo không có một nội dung pháp lý rõ rệt, vì không hề có điều khoản nào quy định cho Đảng những quyền rõ rệt. Và rõ rệt nhất chỉ có thể là đoạn chốt điều 4 của Hiến pháp 1992 theo đó "Mọi tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và luật pháp".

Khai triển điểm này sẽ thấy có nhiều cách hiểu, ít ra cũng có hai cách, thế nào là lãnh đạo.

Lãnh đạo hiểu một cách khách quan, thông thường, theo từ điển tiếng Việt do chính cộng sản biên soạn, là "1- Đưa đường chỉ lối cho người khác hành động, và, 2- Đưa ra ý kiến, định ra phương pháp hành động để phái động lực lượng quần chúng, đưa quần chúng từ chỗ rời rạc đến chỗ có tổ chức, có sức mạnh để quần chúng tự giác thực hiện chủ trương của mình: Đảng Lao động Việt Nam đã lãnh đạo cách mạng đến toàn thắng" (Từ điển tiếng Việt, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội). Lãnh đạo chỉ có nghĩa là đưa đường chỉ lối, đưa ý kiến, đưa phương pháp hành động để quần chúng "tự giác" nghĩa là lựa chọn, đúng thì theo, sai thì không theo, làm gì có chuyện phải nhắm mắt theo không điều kiện lãnh đạo!

Nhưng về phần Đảng thì Đảng lại định nghĩa lãnh đạo một cách khác (dân không thể hiểu nổi), theo điều lệ của Đảng, chỉ có giá trị trong Đảng, giữa các đảng viên mà thôi, là "nắm chính quyền toàn diện, thường xuyên và liên tục". Cách hiểu này nhất định là không ổn vì nó mâu thuẫn với cách hiểu của tuyệt đại đa số dân, không phải là đảng viên, không có nghĩa vụ phải theo điều lệ Đảng. Vậy phải giải quyết sự mâu thuẫn này như thế nào?

Phải quy chiếu Hiến pháp 1992 theo đó nhân dân là chủ về mọi mặt, chủ nước, chủ Nhà nước, còn Đảng không phải là chủ, chỉ là người đưa đường chỉ lối, đưa ra ý kiến, định phương pháp. Nếu nói rằng Đảng lãnh đạo là Đảng làm chủ thì đúng là dày xéo lên Hiến pháp và biến Hiến pháp thành mớ giấy lộn để vút nó vào sọt rác (lịch sử) trừ phi muốn giữa nó lại làm đồ trang sức hòng lường gạt về mặt phẩm chất!

Người ta có thể cãi lại rằng trong Hiến pháp này cũng có những đoạn khả dĩ giải thích rằng Đảng có thể "làm chủ". Nếu quả thật như vậy phải xóa bỏ những đoạn ấy đi thì Hiến pháp mới có giá trị, thì chế độ mới có chính thống dân chủ, Đảng mới có quyền ngồi lại địa vị lãnh đạo, mà không bị phản đối là chuyên chế. Nên nhớ bằng Hiến pháp 1992 Đảng đã long trọng tuyên cáo rằng chuyên chính vô sản không còn nữa vì cụm từ này đã bị loại bỏ khỏi Hiến pháp. Vậy phải sửa đổi Hiến pháp 1992 cho phù hợp với lô gích của chính Hiến pháp ấy là "dân" chứ không phải "Đảng" là chủ. Hiến pháp có trừ liệu việc sửa đổi Hiến pháp và Quốc hội có quyền sửa đổi. Nếu các đại biểu Quốc hội không chịu sửa đổi thì nói theo ngôn ngữ của Hiến pháp 1992, họ "không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân".

Cho đến nay, qua những lời tuyên bố của Tổng bí thư Đỗ Mười, Đảng vẫn giữ ý định "trụ" lâu dài trong sai trái, không chịu sửa đổi Hiến pháp. Chẳng những vậy ông Đỗ Mười còn ngược

ngạo nói rằng đó là "pháp quyền". Nếu là "pháp quyền" thì chỉ là "pháp quyền" của Đảng do điều lệ Đảng quy định, không phải của dân. Và dân cũng có "pháp quyền" của mình do chính Hiến pháp quy định, từ tôi đa như "làm chủ về mọi mặt", quản lý Nhà nước, xã hội bài nhiệm các đại biểu Quốc hội, nếu cần, cả Quốc hội, qua tự do ngôn luận, tự do hội họp, biểu quyết để trưng cầu dân ý, bầu cử, ứng cử để thành lập Quốc Hội, đến tối thiểu như phê bình, kiến nghị.

Sự bế tắc hiện nay là Đảng đang ngăn trở có hệ thống không cho dân hành sử "pháp quyền" của mình. Điều này trái ngược chẳng những với luật quốc nội mà còn cả với luật quốc tế mà chính cộng sản có nghĩa vụ phải thi hành.

Sớm muộn cũng phải giải tòa sự bế tắc này, bằng hành động chó không phải bằng lời nói suông. Giải tỏa được là khơi thông lịch sử.

Đảng đã không muốn thay đổi lại còn chống "diễn biến hòa bình" tức là Đảng muốn đẩy dân vào thế phải tạo "diễn biến không hòa bình" để Đảng lấy cớ ào ạt đàn áp, đặt dân trước sự dằn ròi. Nhưng dân biết mình có quyền tới đâu, đủ sức làm tới đâu. Những năm cuối thập niên 80 cho thấy là lịch sử là do những anh hùng vô danh ở trong quần chúng, hàng ngày xuất hiện trên đường phố, làm ra.

Trong tình hình quốc tế, quốc nội hiện nay, đối lập với chính quyền để chấm dứt một cách bất bạo động nền chuyên chế đã kéo dài quá lâu đã trở thành một đòi hỏi bức thiết của đất nước.

Nhiều người tưởng lầm rằng - và chính cộng sản đã cố ý duy trì sự tưởng lầm ấy - muốn hành sử quyền đối lập tại Việt Nam, phải có sự ưng thuận, hay nói rõ hơn, phải có sự cho phép của chính quyền cộng sản. Không được phép mà hành sử quyền đối lập là kể như phạm pháp. Nghĩ như vậy là sai.

Đã đến lúc suy nghĩ lại cho đúng. Nhân quyền, dân quyền bây giờ phải là mặt trận chung cho cả hai chiến địa quốc nội và quốc tế và những người dân chủ cần có chiến lược chiến thuật tốt để làm trận, trực diện với chuyên chế. Nên hành sử tối đa hay tối thiểu, những nhân quyền, dân quyền nào dưới hình thức nào, tại đâu, do ai v.v...? Đó là vấn đề được định liệu tùy từng người, từng nhóm không nhất thiết phải nhân danh một tổ chức đối lập thống nhất loại mặt trận, đảng, liên đảng, liên minh (dĩ nhiên có được thì càng tốt).

Hoàng Minh Chính, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Văn Thuận, Phạm Đức Khâm, Phùng Quán, Hà Sĩ Phu, Tiêu Dao Bảo Cự, Lữ Phương, Nguyễn Hộ v.v... trước khi là những người đối lập đã là những dân, mỗi người một cách, hành sử "quyền làm chủ" chính mình. Các Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Đức Nhuận cùng chư Tăng Ni, các phật tử trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất không phát tâm làm đối lập, chỉ biểu lộ ý chí sắt đá bảo hộ và "làm chủ" giáo hội chính truyền trước hành động tiếm vị của "giáo hội quốc doanh". Hai tu sĩ Nguyễn Ngọc Lan và Chân Tín đã sử dụng một cách vô úy "quyền phê bình"

Đoạn đường mới của đối lập những năm 90 tại Việt Nam đã được những con người lỗi lạc, xuất chúng khai mở. Để cho tất cả những người bình thường cùng đi tới.

**Trần Thanh Hiệp**

(\*) Chỉ kiểm kê những nhân quyền, dân quyền xa gần ảnh hưởng tới quyền đối lập.

## Phạm Duy nói chuyện về đoạn đường ông đi từ nhạc đơn điệu đến nhạc đa điệu

Vũ Quốc Dũng

Ngày 18-12-1994, tại một tư thất ở quận 13, phía nam Paris, nhạc sĩ Phạm Duy một lần nữa đã tái xuất hiện trên đất Pháp để nói chuyện thân mật với các thân hữu yêu nhạc của ông. Vẫn những bộ mặt quen thuộc mà ông đã từng gặp từ nhiều năm nay mỗi lần ông ghé kinh thành ánh sáng.

Sau lời giới thiệu ngắn gọn của Thụy Khuê, Phạm Duy bắt đầu nói về 50 năm sáng tác nhạc của ông. Mọi người yên tâm thấy sức khỏe ông đã bình phục sau lần ông phải giải phẫu vừa qua. Vẫn giọng nói lời cuốn, linh hoạt. Ông vừa cười vừa nói: "tôi xin báo cáo để các anh, các chị rõ việc làm của tôi từ 50 năm nay kéo rồi mai đây tôi có chết thì mọi người còn có đường mà biết về nhạc của tôi". Đoạn ông nhắc lại bước đường ông đã đi qua từ lúc khởi xướng, cổ võ Tân Nhạc bằng nhạc đơn điệu (mélodique) với những dân ca, trường ca, tình khúc, tâm ca, hoan ca v.v... Ông đã cố gắng phát triển đến tận cùng giai điệu Việt Nam (5 cung). Năm 1988, nhờ có sự giúp sức của người con thứ của ông, Duy Cường, ông đã bước qua một giai đoạn mới, giai đoạn nhạc đa điệu (polyphonique).

Nhớ lại hồi trước, sau khi di cư vào Sài Gòn, ông sang học tại Pháp để khảo cứu thêm về âm nhạc Phương Tây. Kết luận ông đã rút ra sau thời gian hai năm nghiên cứu là: Việt Nam chưa thể, nếu không nói không thể, có ngay được những cơ sở để đi ngay vào con đường âm nhạc giống như của Mozart, Chopin, Beethoven... vì con đường đó đòi hỏi hàng chục trường âm nhạc loại Âm nhạc viện (Conservatoire de musique) Phương Tây để đào tạo ít ra là vài ba thế hệ nhạc trưởng, nhạc công. Rồi lại phải có ngân sách quốc gia đài thọ cho nhiều cuộc trình tấu cho quần chúng quen với cách thưởng ngoạn các "hòa tấu khúc, đại nhạc kịch...". Việt Nam đang trong thời loạn, một chút hòa bình trong đời sống hàng ngày còn chưa có nói chi tới văn hóa nghệ thuật cao siêu.

Vì là một nhạc sĩ không theo trường phái nào cả, "tôi đã chủ trương phải đi từ dân ca, tức là nhạc đơn điệu đi lên. Đợi thế hệ sau mới tính tới chuyện nhạc đa điệu". Việc du học trên đất Pháp chỉ giúp ông hiểu biết thêm kỹ càng về "sự thành hình và biến hình của nhạc ngũ cung để... phát triển đến cao độ những giai điệu trong vài trăm tác phẩm ngắn hoặc dài".

Sau 1975, với 15 năm sống tại Mỹ, ông nhận định rằng có thể đi từ từ lên nhạc đa điệu. Con ông, Duy Cường, sau khi đã học hòa âm và phối khí tại Mỹ, có thể cùng ông thử nghiệm tìm ra một đường lối hòa âm cho nhạc đơn điệu, "thuận với lỗ tai Việt Nam".

Do đó, đã có những chương trình nhạc đa điệu như *Compact Disc mang tên Nhạc Tinh* (1988) mang tính chất nhạc thính phòng, *Mười Bài Rong Ca*, đi theo trường phái nhạc New age (rất phù hợp với nhạc ngũ cung) sử dụng nhạc electro-acoustic để diễn tả nhạc vũ trụ (cosmic), *Tổ Khúc Bầy Chim Bỏ Xứ* (1990) diễn tả một xứ sở mà những con chim ngoan hiền, tươi đẹp, múa giỏi hay hát hay phải bỏ xứ ra đi, ở lại trong nước là một bầy chim yếu bị một số chim dữ đàn áp, dọa dẫm, miệt thị..., *Con Đường Cái Quan*, (1991) Nhạc Hòa Tấu nghĩa là nhạc đa điệu và không lời, dưới hình thức giao hưởng (symphonie), hòa tấu (concert) để

(xem tiếp theo trang 17)



# "Vạn lý trường thành" về thủy lợi

Nguyễn Phi Phụng

Ủy ban nhà nước Trung Quốc từ 1990 đã đưa ra nhiều dự án vĩ đại để thực hiện từ đây cho tới cuối thế kỷ và sang đầu thế kỷ 21. Có những chương trình dự án sắp hoàn tất vào năm 1995 như đường xe lửa Kinh-Cửu (Bắc Kinh-Cửu Long (Hong Kong)) dài 2370 km. Chương trình khai thác khu Phố Đông (Pu Dong), đảo ngoài khơi Thượng Hải nằm trên sông Trường Giang đang thành hình với tổng phí dự trù 100 tỷ nhân dân tệ (RMB) (1). Khu này theo nhà cầm quyền Trung quốc, sẽ trở thành một trung tâm dịch vụ lớn nhất của Á châu. Hai đường xa lộ Bắc Kinh-quảng Châu (2300 km) và Harbin (Hắc Long giang) -Ninh Ba (Chiết Giang) dọc theo duyên hải dài 3500 km cũng sẽ hoàn tất vào cuối thế kỷ.

Ở đây chúng tôi chỉ muốn đề cập đến hai chương trình đại quy mô về thủy lợi mà người ta còn cho là "vạn lý trường thành" về thủy lợi. Đó là chương trình xây dựng công trình thủy điện của tam khe lũng (les trois gorges) nằm trên sông Trường Giang (Duong Tử) và chương trình đảo ngược nước từ phía nam Trường Giang về phía bắc.

Sông Trường Giang bắt nguồn từ Tây Tạng chảy ra miệng của Thượng Hải dài 5980 km. Đây là con sông dài thứ tư của thế giới sau ba sông Amazone 7025 km, sông Missisipi 6800 km, sông Nil 6671 km. Giao thông vận tải bằng tàu thủy chỉ thực hành được từ Trùng Khánh tới Thượng Hải. Phía trên của sông từ Trùng Khánh về phía Tây Tạng, nước lũ chảy xiết giao thông rất nguy hiểm và khó khăn. Dọc theo sông Trường Giang, từ Trùng Khánh cho đến Thượng Hải có nhiều thắng cảnh, núi non hùng vĩ và nhiều di tích lịch sử.

Phong Đô (Feng Du) có nhiều miếu và hình tượng ma quỷ. Theo truyền thuyết Phong Đô còn được gọi là "địa ngục". Thạch Bảo Trại (Shi Bao Zhai) là một khối đá cao 30 thước trên đó có một ngôi chùa gỗ cao 11 thước được xây từ đời vua Càn Long (1736-1797). Miếu Trương Phi, Bạch Đế Thành (Bai Di Cheng), miếu Hoàng Lăng (Huang ling), thị trấn Kinh Châu, vách đá Xích Bích (Chi Bi) là những nơi có di tích lịch sử của thời kỳ Tam Quốc (220-265). Bạch Đế Thành là nơi Lưu Bị ký thác con mình cho Khổng Minh Gia Cát Lượng. Miếu Hoàng Lăng theo truyền thuyết do Khổng Minh xây cất để tưởng niệm Vũ Vương, người có công chế ngự sông Trường Giang. Thị trấn Kinh Châu, một cố thành chiến lược có nhiều di tích cổ, đặc biệt là một xác đàn ông còn được bảo quản hơn hai ngàn năm chưa được đào lên. Vách đá Xích Bích (gần Vũ Hán) là nơi thủy chiến của ba nước Ngụy (thủ đô Trường An), Ngô (Tôn Quyền ở Nam Kinh), Thục (Lưu Bị ở Thành Đô). Liên minh Ngô-Thục đánh bại quân Ngụy (Tào Tháo) ở trận Xích Bích vào năm 208 sau Tây lịch. Ngoài ra còn tháp Nhạc Dương (Gue Yang) nằm trên hồ Động Đình, nơi đây thi sĩ và văn sĩ tìm cảm hứng với những thắng cảnh kỳ lạ.

## I) Chương trình đập Tam Khe Lũng

Đây không phải lần đầu tiên người ta nói đến chương trình "điên rồ" này, phí tổn ít ra cũng tới 200 tỷ RMB và số người bị di chuyển lên hơn cả triệu! Cựu Tổng Thống Tôn Dật Tiên cũng

nghĩ tới chương trình này nhưng ông ta mất sớm năm 1925 nên không thực hiện được. Khi Mao lên cầm quyền Mao cũng có đưa chương trình này thảo luận sau chuyến đi "tắm lý" sông Trường Giang năm 1950. Nhưng dự án vẫn nằm trong học tủ. Khi Đặng Tiểu Bình trở lại chính quyền năm 1977, chương trình suýt được đề bạt vào các kế hoạch ngũ niên 1979-84-89, nhưng mỗi lần các nhà kinh tế khuyên nên thận trọng. Phải đợi tới tháng 4/1992, quốc hội Trung Quốc mới chấp thuận cho vào kế hoạch ngũ niên lần thứ 9 (1996-2000). Ở đại hội lần thứ 14 tháng 10/1992, Giang Trạch Dân trong bản báo cáo đưa chương trình này vào hàng đầu.

Về lãnh vực kinh tế, cần nhắc lại là ở Trung Quốc lưu lượng sông ngòi có hơn 2700 tỷ mét khối. (đúng vào hàng thứ 6 trên thế giới), nhưng sự phân chia không đều hòa từ nam tới bắc. Phía nam sông Trường Giang lưu lượng chiếm 80%, nhưng chỉ có 40% đất đai trồng trọt. Trái lại ở phía bắc sông Trường Giang cũng có 40% đất đai trồng trọt nhưng chỉ có 6,5% lưu lượng nước do sông Hoàng Hà và hai sông nhỏ Hoài Hà và Hải Hà. Kết quả là miền nam thường bị lụt lớn (1931, 1935, 1954, 1991) trong khi miền bắc bị hạn hán triền miên. Chẳng hạn trong năm 1992 có hơn 300 thành phố phía trên Trường Giang bị thiếu nước, 80 triệu nông dân không đủ nước trồng trọt, công nghiệp tổn thất cả trăm tỷ RMB. Đầu năm 1994 gần 5 triệu mẫu tây đất trồng trọt bị thiếu nước ở Bắc Kinh, Thiên Tân, Hà Bắc, Hà Nam, Sơn Tây, Thiểm Tây.

Người Trung Quốc gọi Tam Khe Lũng là Tam Hiệp (San Xia). Tam Khe Lũng là ba khe lũng Cờ Đường (qu-tang), Vu (wu) và Tây Lăng (Xi-ling) bắt đầu từ Phong Tiết (Feng-jie) đến Nghi Xương, một đoạn dài gần 200 cây số. Khe lũng Cờ Đường nhỏ và hẹp nhất (8 cây số), nước chảy xiết. Khe lũng Vu dài 44 cây số và vách đá hai bên cao đến 900 thước. Nơi đây có nhiều di bút của Khổng Minh. Khe lũng Tây Lăng dài nhất với 66 cây số.

Chương trình Tam Khe Lũng là xây cất một đập nước bề cao 185 thước với mực nước hồ chứa là 175 thước và chiều rộng là 183 thước. Hồ chứa có diện tích 54000 cây số vuông. Đập nước này nằm trên sông Dương Tử ở Tam Đầu Bình (San Tou Ping) cách thị trấn Nghi Xương độ 30 cây số về phía tây, thuộc tỉnh Hồ Bắc, cách ranh giới tỉnh Tứ Xuyên độ 70 cây số.

Nghi Xương là thành phố khá quan trọng của Hồ Bắc với 4 triệu dân. Đường xe hỏa đi Bắc Kinh qua Tương Phần. Từ Tương Phần, xe lửa có thể đi về Vũ Hán ở phía nam và Phúc Châu ở phía đông. Nghi Xương còn được nối liền Hương Cảng bằng đường thủy và đường hàng không quốc tế. Nghi Xương còn là một trong tám hải cảng lớn với 20 triệu tấn vận tải hàng năm và một trung tâm thủy điện quan trọng của Trung Quốc. Đập Tam Khe Lũng sẽ được thiết bị 26 máy phát điện với khả năng sản xuất là 84 tỉ Kilowatt trong khi hiện nay đập Cát Châu Bá, được xây dựng và hoạt động từ năm 1980, chỉ sản xuất được 14 tỷ Kilô watt. Các đập thủy điện sẽ cung ứng 10% điện lực cho Trung Quốc.

Chương trình xây đập dự trù kéo dài 17 năm, bắt đầu từ năm 1995 với tổng phí dự trù là 95,4 tỷ RMB (giá 1991) (2). Số người

bị di chuyển lên đến 1 130 000 người trong đó có 510 000 nông dân. Ngoài ra 13 thành phố lớn, 114 thị trấn và 1600 công xưởng cũng sẽ bị di chuyển. Người ta ước lượng ít ra cũng có từ 12 đến 50 triệu dân và từ 500 000 đến 5 triệu mẫu tây sẽ được bảo vệ tránh lụt chung quanh sông Dương Tử.

## II) Chương trình đảo ngược nước từ miền Nam lên miền Bắc.

Muốn đảo ngược từ miền nam lên miền bắc, ba công trình phải được xây dựng:

### 1- Sửa chữa con kênh lớn đã có (Đại Vận Hà)

Con kênh lớn ở phía Hoa Đông dài 1800 km được đào từ Hàng Châu về Bắc Kinh từ đời nhà Tùy (581-618) cho đến nhà Nguyên (1271-1368). Theo sử liệu, đoạn kênh từ Hàng Châu-Khai Phong đào tốn mất 26 năm bắt đầu từ năm 584, có hơn 5 triệu người bị động viên làm công việc này vì vua Dạng Đế nhà Tùy, một trong những vua tàn ác muốn rời kinh đô về Lạc Dương cách Khai Phong độ 280 km về phía tây. Từ Khai Phong vận tải được vận chuyển trên sông Hoàng Hà. Con kênh này lúc đó có công dụng chiến lược trong công việc chuyển binh về phía nam, cũng như vận chuyển lương thực từ phía nam về kinh đô Lạc Dương hoặc Trường An (Tây An ngày nay).

Khi nhà Nguyên lên ngôi cuối thế kỷ 13, họ cho dời thủ đô về Bắc Kinh, và tiếp tục cho đào từ con sông Hoài về thẳng Bắc Kinh, bắt đầu từ 1280 đến 1289 thì xong. Con kênh này hiện nay ít được sử dụng vì nhiều nơi bị tắc nghẽn và vì giao thông bằng đường xe hỏa mau chóng hơn. Vận tải giao thông chỉ được dùng ở một vài địa phương. Con kênh này sẽ được sửa chữa từ Dương Châu về Bắc Kinh (Dương Châu nằm trên sông Dương Tử). Kênh này dọc sông Hoàng Hà ở A Thành cách Tế Nam (thủ phủ Sơn Đông) chừng 100 km về phía tây. Trên đoạn kênh từ Dương Châu- Hoàng Hà chỉ cần thiết lập 13 trạm bơm nước với phí tổn là 20 tỷ RMB vì mực nước sông Hoàng Hà cao hơn mực nước sông Dương Tử đến 43 thước.

### 2- Dự án đào kênh dẫn nước ở Hoa Trung.

Một con kênh ở Hoa Trung sẽ được đào đi từ Đơn Giang Khẩu thuộc tỉnh Hồ Bắc giáp giới Hồ Nam về Bắc Kinh. Con kênh này dài 1236 km đi ngang qua hai tỉnh Hồ Nam Hà Bắc và hai thành phố Bắc Kinh, Thiên Tân.

Đập thác Đơn Giang Khẩu đã được xây dựng từ 1950. Đập này được nối liền sông Trường Giang bằng sông nhánh Hàn Thủy đi từ Vũ Hán. Đập sẽ được nâng cao và bình chứa sẽ được mở rộng. Như vậy nước của đập từ 100 thước cao sẽ chảy với lưu lượng 630 tấn/giây lúc ra và xuống còn 70 tấn/giây lúc đến Bắc Kinh. Chương trình dự tính kéo dài trong 6 năm và tốn phí lên đến 40 tỷ RMB (giá 1993) kể cả cước phí bồi thường cho 220 ngàn người bị di chuyển.

### 3- Dự án đào kênh dẫn nước Hoa Tây.

Một dự án thứ ba đang được nghiên cứu là đào một con kênh thứ ba phía trên sông Dương Tử (khúc Tây Tạng) đầy núi non hiểm trở để dẫn thủy nhập điền cho 5 tỉnh Thanh Hải, Cam Túc, Thiểm Tây, Sơn Tây, Ninh Hạ. Dự án này có thể nói còn ngoài sức tưởng tượng trong kỹ thuật hiện đại cho nên không bàn đến ở đây.

## III) Hậu quả về môi sinh

Tần Thủy Hoàng khi xây cất vạn lý trường thành chắc chắn chẳng hỏi ý kiến ai và bất chấp ảnh hưởng về môi sinh. Hơn hai

ngàn năm sau các "hoàng đế" mới theo vết chân họ Tần. Có điều khác nhau chút ít là họ cho "tham khảo" ý kiến cái quốc hội bù nhìn vô quyền chính thực lúc nào cũng "nhất trí". Tuy vậy, có lẽ lần đầu tiên, một phần ba đại biểu quốc hội bỏ phiếu chống hoặc phiếu trắng đối với chương trình thành lập Tam Khe Lũng. Điều này chứng tỏ chương trình này chưa được nghiên cứu tường tận và hậu quả về vấn đề di dân và môi sinh cũng như sự di chuyển cả trăm thành phố. Theo thủ tướng Lý Bằng, tốt nghiệp kỹ sư thủy điện ở Liên Xô, vấn đề di chuyển dân chúng mới là vấn đề chính yếu chứ không phải vấn đề kỹ thuật. Tuy vậy, ông ta không đề cập đến môi sinh.

Những người chống đối chương trình này cho tác động của đập Tam Khe Lũng sẽ rất tiêu cực về nông nghiệp và nghề đánh cá. Các nông dân bị di chuyển phải canh tác ở các đất trên vùng núi với sườn núi dốc 25 độ vì đất đai trồng trọt sẽ trở thành bùn lầy nếu mực sông Trường Giang được nâng cao trong mùa khô. Và lại các vùng chung quanh đập rất hiểm trở. Đất đai canh tác rất hiếm và không vượt quá một mẫu trung quốc mỗi người (660m<sup>2</sup>).

Để dụ dỗ nông dân bỏ nghề hay chịu di chuyển đi nơi khác, nhà nước cho biết có 20 huyện chấp nhận di dân hiện nay có 1,3 triệu mẫu tây đất hoang và 0,5 triệu mẫu tây đất đai có năng suất kém. Mục tiêu là sẽ phân phát cho mỗi nông dân 1 mẫu trung quốc để trồng cây kỹ nghệ và 330 m<sup>2</sup> trồng cây ăn trái! Nhà nước hy vọng ngành du lịch sẽ được phát triển sau đó hầu đem lại công ăn việc làm.

Theo kinh nghiệm các cuộc di dân trước đây, nhà nước chỉ bồi thường tài sản bị mất nhưng không giúp đỡ các người bị di chuyển tìm công ăn việc làm. Người ta ước lượng 1/3 của tổng số 10 triệu người bị di chuyển qua các chương trình xây đập, đường xá, đường xe hỏa vv... đang còn sống trong tình trạng cực kỳ khốn khổ.

Lần này để trấn an dân chúng bị di chuyển, nhà nước cho ra một "quy ước về di chuyển dân chúng của chương trình Tam Khe Lũng". Theo quy ước này, 1/3 tổn phí của chương trình sẽ dành để bồi thường tổn thất. Ngoài ra, nhà nước và chính quyền địa phương sẽ "tận tình" giúp đỡ, chẳng hạn một phần tiền thu (không nói bao nhiêu) do sự sản xuất điện lực sẽ làm thành một quỹ phát triển cho các vùng chung quanh để giúp người bị di chuyển tìm công ăn việc làm. Họ còn được hứa là nhà nước sẽ cho mượn tiền với giá rẻ và được giảm thuế. Các xí nghiệp chịu nhận người bị di chuyển cũng được nhà nước trợ giúp. Dân chúng sống chung quanh 15 km<sup>2</sup> của đập sẽ bắt đầu di chuyển vào cuối năm 1994.

Riêng tỉnh Tứ Xuyên không mấy phấn khởi trong chương trình này vì lẽ dễ hiểu là tỉnh này chỉ nhận 10% điện lực nhưng phải di chuyển 85% dân số của chương trình nghĩa là gần 1 triệu người. Về môi sinh nhiều loại súc vật và cá sẽ bị đe dọa. Khi đập Cát Châu Bá được xây cất, một loại cá tầm (esturgeon) rất quý giá nặng đến 500 kg và dài 4 thước suýt bị mất giống vì cá này thường có thói quen ở hải khẩu Thượng Hải vào sông Dương Tử để sinh đẻ ở sông Kim Sa, nhưng bị đập ngăn chặn. Người ta bắt buộc phải lấy trứng giống nuôi lại. Một loại cá heo (dauphin) cũng rất hiếm sẽ mất khả năng sinh đẻ vì hồ chứa nước bị nguội lạnh.

Tóm lại các tác dụng tiêu cực của chương trình về môi sinh rất khó lường. Những người chống đối còn trách nhà cầm quyền chỉ giao phó cho các cơ quan ủng hộ đồ án nghiên cứu về tác dụng trên môi sinh. Họ còn nói đập Cát Châu Bá trước đây phải mất tới 18 năm thay vì 5 năm và tổn phí 4 lần hơn tổn phí dự trù

nên không tin tưởng chương trình Tam Khe Lũng sẽ làm được trong 17 năm. Chưa kể đập có thể vỡ và làm chết cả chục triệu người. Lại nữa, nguồn tài trợ của chương trình sẽ do nhà nước đi mượn nước ngoài với tỷ lệ 60%. 40% còn lại sẽ do chính quyền địa phương đảm nhận. Nợ nước ngoài của Trung Quốc hiện gần 100 tỷ USD. Ngân Hàng Thế Giới cho rằng chương này quá đắt so với khả năng, lợi ích kinh tế của nó.

#### IV) Kết luận

Chương trình xây đập Tam Khe Lũng và chương trình đảo ngược nước sông Trường Giang về phía bắc nhằm đáp ứng nhu cầu tăng điện lực và giải quyết nạn lụt và hạn hán của Trung Quốc. Nhưng hai chương trình này nặng về ý nghĩa chính trị hơn là kinh tế, xã hội. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc nghĩ là mình đã đủ giàu mạnh nên muốn để lại tên tuổi mình cho hậu thế như Tần Thủy Hoàng hay Đặng Đế. Họ hành động không khác gì thời phong kiến. Ý kiến nhân dân chẳng được kể đến. Ở các nước tự do dân chủ, các cơ quan trách nhiệm của những chương trình cần phải đi dân một số rất nhỏ cũng phải đến từng gia đình thương lượng tổn thất và thuyết phục vì công ích. Họ còn phải cân nhắc, nghiên cứu thật kỹ càng về ảnh hưởng có thể có tới môi sinh. Những hủy hoại kinh hoàng về môi sinh ở những nước cộng sản trước đây, hình ảnh thảm họa nguyên tử ở Tchernobyl, cảnh những cánh đồng đầy dầu hỏa ở Nga hay những xỉ nghiệp than đá, hóa học nằm ngay giữa lòng các thành phố ở Trung Quốc còn nằm trong tâm trí của mọi người. Vì là một chương trình có tính cách chính trị, những người chống đối hy vọng chương trình có thể bị dời lại hay bãi bỏ khi các người lãnh đạo hiện nay bị thất sủng.

Nguyễn Phi Phụng

- 1) Năm 1993, 1 RMB=1 FF; đầu năm 1994, 1 RMB=0,6 FF  
2) Theo các chuyên viên kinh tế, tổn phí it ra cũng lên đến 100 tỷ USD.

(Tiếp theo trang 14)

#### Phạm Duy nói chuyện...

...kêu gọi sự thống nhất lòng người bằng nhạc thuần túy (không lời) để diễn tả, gợi cảm và gây ấn tượng cho người nghe về âm sắc, màu sắc, nhan sắc và tâm sắc của Việt Nam trong một thời gian, không gian nhất định..., *Thiên Ca* (1992) nhạc tâm linh, *Trường ca Hàn Mặc Tử*, (1993) nhạc siêu thực và *Mẹ Việt Nam*, nhạc hòa tấu (1994) không lời có nhiều tính chất tượng trưng (symbolique) một lần nữa "kêu gọi các con trở về với mẹ tổ quốc". Lời kêu gọi vì quá quen thuộc nên đã trở thành vô ngôn (không lời).

Sau phần thuyết trình Phạm Duy mời cử tọa nghe lại Trường Ca Hàn Mặc Tử trước khi giới thiệu mấy đoạn chính trong CD mới nhất của ông Mẹ Việt Nam. Qua hai CD này, Phạm Duy cho thấy ông đã điện toán để bù đắp sự thiếu hụt về nhạc công và nhạc cụ trong bước ông đi lên nhạc đa điệu. Bằng hòa âm (harmonie), đối âm (contrepont), tài nghệ chọn âm sắc (tiếng nhạc do nhạc cụ tạo nên) Phạm Duy phụ tử (hỗ phụ sinh hổ tử) đã đem lại cho âm nhạc Việt Nam thêm khối lượng, làm đậm nét bản sắc cho âm nhạc, đúng hơn, tân nhạc Việt Nam.

Phạm Duy chia tay mọi người với lời hẹn như thường lệ "sẽ trở lại". Trong "ba lô" của người lữ hành họ Phạm, không biết mỗi, trong những chuyến đi tới sẽ có gì lạ?

Vũ Quốc Dũng

## Độc giả viết...Độc giả viết...Độc giả viết

### Cố hiểu làm

Nhiều người nói "nhóm Thông Luận thân cộng, vì chủ trương hòa giải, hòa hợp". Nhận xét như vậy quả thật là sự nhận xét phi chính trị. Căn bản của vấn đề không phải là chống cộng hay không chống cộng, mà là sự đòi hỏi một nền dân chủ đa nguyên. Khi có dân chủ đa nguyên, qua các cuộc phổ thông đầu phiếu, chính người dân quyết định đường lối chính trị, chứ không phải các phe nhóm không đại diện pháp lý cho dân đưa ra đường lối. Đại diện pháp luật là những người được chọn lựa qua cuộc phổ thông đầu phiếu. Lập trường của Thông Luận sáng tỏ, nhưng có lẽ có một số người "cố hiểu làm", vì không đồng quan điểm với đường lối chính trị của mình. [...]

Bùi Sỹ Thành (Champigny)

### Lời lẽ phải đảng hoàng và cao thượng

Qua báo Thông Luận tháng 12/94, tôi thấy có hiện tượng chuyển biến khá rõ nét có lợi cho cuộc đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền trong nước. Trước đây có nhiều bài viết đưa ra vấn đề giải quyết có thể là sớm, nhưng với bài tham luận của Lê Minh Văn trong số báo vừa rồi tôi thấy là hợp với hoàn cảnh. Phải tiến hành thật sớm kéo lại bị muộn, đưa đến những khó khăn cho cuộc tranh đấu của chúng ta. Tôi nghĩ là các anh cũng đã có sự chuẩn bị và có nhiều phương án đề cập đến nhiều tình huống sẽ xảy ra, song ta biết với nhau là họ cũng ma mãnh lắm. Mình đã tổng kết được kinh nghiệm qua cuộc phá sản ở Đông Âu để có hướng cho cuộc đấu tranh, như tác giả Lê Minh Văn đã làm, nhưng họ cũng rút kinh nghiệm để chống trả lại các lực lượng dân chủ, tiến bộ ở trong và ngoài nước hòng giữ lấy địa vị trong một tình thế bất buộc.

Bài tham luận đề cập đến một tổ chức tối cao đại diện pháp lý cho tập thể cộng đồng Việt Nam hải ngoại. Điều này đã nhiều năm rồi ta vẫn chưa làm được trong khi tình hình thực tế không chờ đợi nữa. Tôi nghĩ rằng những người Việt tại Pháp, hoặc Mỹ, riêng Thông Luận, cũng có thể tập hợp đội ngũ của mình để thành lập một tổ chức. Mình làm được sớm điều này, tổ chức sẽ có nề nếp. Các hội viên có điều kiện học hỏi, nâng cao kiến thức phục vụ cho cuộc đấu tranh. Nếu mình do dự, trì trệ, một khi nước đến chân rồi là khó khăn chông chắt. Đối phương chắc cũng đang sắp xếp để khi sự việc xảy đến là lấp rập ngay, đối phó với tình huống thực tế. Vậy mình cùng nên bắt tay ngay mà theo tôi, quan trọng nhất, là hình thành một tổ chức. Phải thực hiện ngay từ bây giờ.

Và có một chút của kẻ "vụng tay, hay mắt" muốn nói với các anh. Phần tiêu đề "tin tức...thời sự...", sau khi đưa tin rồi là có lời bàn sau đó, như thế - cũng như là gạch chân dưới chữ - không đúng phong cách của báo chí nữa mà đã dẫn đến ý kiến của bạn Đỗ Khiêm trong số báo trước. Số báo tháng 12 này, phần tin "Thay đổi thật hay lại tuyên truyền", khi tôi đọc đoạn viết "Hoan hô ông Võ Văn Kiệt...", tôi không đồng tình cách viết như vậy. Đã gọi là tin tức thời sự hãy cứ là tin tức thời sự. Sự trung thực của bài báo là quan trọng nhất, còn hiểu đến đâu, hiểu thế nào là quyền của bạn đọc. Bao giờ tôi cũng muốn Thông Luận là một tờ báo đầy thuyết phục cho mọi loại độc giả, và vì thế trước hết là sự trong sáng trong cách viết của mình.

Vâng, đúng là không nên có lời bàn trong mục điểm tin. Khi cần ta chỉ đưa thêm những dẫn chứng để làm đầy đủ cho phần tin đó. Lời lẽ trong báo phải chính xác, trong sáng. Là những người tranh đấu cho nghĩa lớn, vì hòa giải hòa hợp dân tộc, dân chủ và nhân quyền, lời lẽ của chúng ta phải đảng hoàng, cao thượng.

Phạm Ngọc Trường (Tours)

# Chỉ là một sự lừa bịp

(hay về lá thư của Trần Văn Anh)

Nam Long

## Lời giới thiệu

Tạp chí Cộng sản số tháng 10-1994, trang 56-57 trích đăng một phần bài "Đối thoại với Bùi Tín", ký tên Trần Văn Anh, "cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa". Trước đó, chúng tôi đã nhận toàn văn bài viết này do một độc giả trong nước gửi ra. Độc giả này nhận được tài liệu qua đường bưu điện, không rõ ai gửi từ quận 5 Sài Gòn. Tài liệu dài 17 trang, là bản sao chụp từ một bản in bằng máy vì tính nhưng các dấu của chữ Việt được thêm bằng tay. Vì tài liệu quá dài và không được rõ, độc giả này đã đánh máy lại trên giấy mỏng còn 11 trang trước khi gửi cho chúng tôi.

Khi liên lạc với ông Bùi Tín là đối tượng của bài viết, chúng tôi được ông cho biết chưa hề nghe nói đến bài viết đó, và bản mà chúng tôi gửi tặng ông chính là bản đầu tiên ông được đọc. Khi hỏi thăm các thân hữu cũng như các tổ chức và báo chí bên Mỹ, chưa ai nghe nói đến bài này, và cũng không ai biết ông Trần Văn Anh.

Một người bạn của ông Bùi Tín ở Hà Nội viết thư ra từ tháng 9 cũng nhắc đến bài của Trần Văn Anh: "Hai tháng nay, người ta mở những cuộc học tập ở chỉ bộ và cơ quan về bảo vệ chính trị nội bộ, chống diễn biến hòa bình". Điều rất lạ là một bài của Trần Văn Anh nào đó ở Cali được giới thiệu làm "tài liệu học phụ". Thế là Bùi Tín lại được chú ý, và trở thành một nhân vật đáng gờm (!) của nền chính trị quốc gia. Điều buồn cười là lần này họ phải bới ra những luận điệu làm nhảm của một tay mà họ từng coi là "lính nguy" cũ, để bảo vệ lập trường của họ!".

Gần đây chúng tôi nhận được "Thư gửi Trần Văn Anh" của một người ký tên "Chiến Bình (một cán bộ hưu trí)", đang được phổ biến rộng rãi trong nước, dĩ nhiên bằng đường "chui", đối lại với đường phổ biến chính thức của bài "Đối thoại với Bùi Tín". Giọng văn châm biếm mỉa mòi của tác giả nghe rất quen thuộc, bút hiệu tưởng tượng "Chiến Bình" rõ ràng chỉ để đối lại với "Cựu sĩ quan QLVNCH".

Và cuối cùng, Nam Long, một cây bút trong nước không xa lạ gì với độc giả Thông Luận, vừa gửi ra một bản phân tích tài liệu của Trần Văn Anh, với cách nhìn của một người sống tại chỗ.

Chúng tôi đăng trong số này hai bài của Nam Long và Chiến Bình, còn bài của Trần Văn Anh vì quá dài, không hợp với khuôn khổ tờ báo, nên chúng tôi chỉ gửi cho quý độc giả nào cần tài liệu này để tham khảo. Xin gửi về tòa soạn một bao thư có ghi địa chỉ và dán tem 4,40F, chúng tôi sẽ gửi tài liệu 11 trang này đến quý vị.

P.N.L

Lá thư của Trần Văn Anh, California ngày 2-2-1994 với nhan đề "Đối thoại với Bùi Tín" (Điểm sách Mặt Thật của Bùi Tín), từ khoảng tháng 6 đến nay (tháng 10-94) đang được phổ biến rộng rãi ở Việt Nam. Ban đầu, nó được photocopy gửi cho một số trí thức và đảng viên cấp cao, sau đó được chính thức phổ biến đến từng chi bộ đảng cơ sở (với các bản sao in thật đẹp có tiêu đề của các tỉnh, thành ủy và cả văn phòng Trung Ương Đảng).

Nhiều vấn đề được đặt ra chung quanh lá thư này. Tác giả là ai, một nhân vật có thật hay chỉ là một nhân vật giả? (Cuối thư chỉ ghi Trần Văn Anh, cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa). Lá thư có thật hay giả hay nửa thật nửa giả? (Giọng văn toàn lá thư có chỗ không nhất quán). Động cơ của người viết là gì? Tại sao thư được phổ biến rộng rãi khi thư là của một "sĩ quan nguy" lại điểm sách của "tên phản bội" Bùi Tín? Rõ ràng người ta có lý khi đặt ra những nghi vấn như thế.

Dù đã nghe những nghi vấn đó và chính bản thân cũng có những câu hỏi tương tự, tôi gạt ra bên mọi vấn đề để đọc kỹ lá thư. Tôi cố không để bị chi phối bởi những vấn đề bên ngoài mà tập trung tìm hiểu chính nội dung lá thư và đánh giá nó một cách thật khách quan và tỉnh táo.

Lá thư khá dài, đến 17 trang. Nhân đọc cuốn sách Mặt Thật của Bùi Tín tố cáo những sai lầm và tội ác của chế độ Cộng Sản, tác giả này ra ý định so sánh với những sai lầm và tội ác của các chính quyền quốc gia ở Miền Nam mà thực chất, theo tác giả, là Công giáo trị. Tác giả tập trung so sánh trên năm lãnh vực: cai trị, tự do dân chủ, sùng bái cá nhân, sử dụng ngân sách quốc gia và giết người. Trên năm lãnh vực này, mặt nào khối Công giáo trị cũng trội hơn, đặc biệt trong việc giết người, so sánh với Công giáo thì "Mao Trạch Đông và Stalin chỉ là những kẻ tập sự giết người". Phần cuối, tác giả cảnh cáo về sự lừa bịp và âm mưu giành chính quyền của Công giáo và nêu ra vấn đề phải lựa chọn giữa Công giáo và Cộng sản. Kết thúc, tác giả muốn nói hai điều tâm

huyết với các bạn trẻ là phải hết sức cẩn thận trước những mưu mô thâm độc nguy trang dưới những hình thức tinh vi và khi lựa chọn một lý tưởng phải đặt dưới quyền lợi và danh dự của tổ quốc Việt Nam.

Thoạt đầu, tôi tưởng như tác giả có tâm trạng bức xúc khi viết lá thư, có nhiệt tình đối với vận mệnh của quê hương đất nước, có suy xét và phản tỉnh về những vấn đề chính trị và lịch sử. Đó là những điều đáng quý ở người viết lá thư. Hai điều cuối cùng gởi cho các bạn trẻ tưởng như cũng là những điều tâm huyết, hết sức khách quan, đáng lắng nghe và suy nghĩ.

Tuy nhiên đọc kỹ toàn bộ nội dung lá thư, do cách đặt vấn đề và những nhận định phiến diện, sai lạc, lá thư lại có tác dụng xấu, nếu không nói là hết sức nguy hiểm cho việc nhận định về lịch sử và tình hình đất nước hiện nay.

Tôi không bàn đến nội dung so sánh năm điểm giữa Công giáo và Cộng sản của tác giả. Điều này xin để cho các nhà nghiên cứu lịch sử và những người Công giáo lên tiếng. Và lại, bàn sâu vào những vấn đề này phải cần đến vài ba cuốn sách và tôi chắc sẽ có nhiều người không đồng tình với tác giả ở nhiều điểm, đặc biệt là những người Công giáo. Tôi chỉ xin lưu ý mấy điểm là trong thư, tác giả lẫn lộn khái niệm giữa giáo hội Công giáo, chính quyền Công giáo và người Công giáo, khẳng định "truyền thống tàn hại tổ quốc, phá nát quê hương đã có từ thời Jésus" và những sự kiện tác giả phân tích về việc Công giáo trị cùng chủ yếu chỉ dưới chế độ Ngô Đình Diệm.

Ở đây, tôi chỉ xin đề cập đến tinh thần xuyên suốt của cả lá thư và tập trung nơi một số vấn đề cụ thể ở phần cuối, đặc biệt về tính chất sai lầm, nguy hiểm của chúng.

Tác giả cho rằng ở ngoại quốc, khối Công giáo lập ra nhiều hội đoàn hoặc len lỏi vào để khống chế các hội đoàn khác, tất cả chỉ vì mục đích trở lại nắm chính quyền ở Việt Nam sau này. Thí dụ "Khối Dân Chủ Đa Nguyên của Nguyễn Gia Kiểng" cùng chỉ

là một công cụ của Công giáo (tác giả chỉ khẳng định mà không chứng minh). Khối này đã viết ra một cương lĩnh Dân Chủ Đa Nguyên mà tác giả thừa nhận là thật hay, hấp dẫn, dân chủ và yêu nước và đã lừa bịp được nhiều người ở nước ngoài kể cả những tay cự phách như Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Ngọc Huy, Bùi Tín, các sinh viên du học ở Tiệp, Đức, Nga và có thể cả những người ở trong nước như Dương Thu Hương, Phan Đình Diệu, Nguyễn Huy Thiệp, Thích Huyền Quang...

Tác giả đã không chứng minh họ lừa bịp như thế nào mà chỉ khẳng định đó là lừa bịp, không nên tin và "Cả thế giới đã bị lừa bởi một lời nói láo vi đại" (trích lời bác sĩ Nguyễn Văn Thọ (?) nói về Công giáo).

Tôi không biết rõ về Khối Dân Chủ Đa Nguyên và cũng không biết khối này có phải là "công cụ" hay chịu ảnh hưởng gì của Công giáo nhưng rõ ràng cách nói của tác giả rất hồ đồ và vô đoán, làm thương tổn đến nhiều người trí thức. Mặt khác, nó không muốn cho ai tin tưởng vào cái gì tốt đẹp vì cái gì tốt đẹp cũng có thể chỉ là lừa bịp.

Sự hồ đồ này thực ra là có ý vì tiếp đó tác giả viết: "Công cuộc xây dựng tự do dân chủ ở Việt Nam có nhiều phức tạp chứ không giản dị như anh tưởng. Một đứa con nít cũng biết rằng tự do dân chủ là tốt đẹp hơn độc tài, huống chi những nhà lãnh đạo của cả một quốc gia. Thế nhưng khi tự do dân chủ được dùng như một khí cụ để khuynh đảo, để lật đổ, thì họ phải dè dặt là điều dễ hiểu. Và lại những kẻ hồ hào cho tự do dân chủ, một khi họ nắm được chính quyền rồi, họ lại độc tài hơn những người họ đã lật đổ thì sao?"

Thật là một lối lập luận kỳ lạ. Tự do dân chủ tốt đẹp hơn độc tài nhưng ai hồ hào tự do dân chủ cũng không nên theo vì biết đâu khi nắm được chính quyền họ lại độc tài hơn. Như vậy phải chăng tốt hơn là nên chấp nhận độc tài hiện nay và những người cầm quyền độc tài hiện nay có lý do chính đáng để ngăn cấm tự do dân chủ.

Trong mạch đó, tác giả lại viết tiếp: "Một định luật của khối Cộng sản là khi nào Cộng sản từ bỏ sự chuyên chính của họ là họ sẽ chết ngay. Nước Nga chỉ mới xét lại và đổi mới một chút mà đã sụp đổ tan tành. Sô Viết Liên Bang trở thành Sô Viết Tan Hoang. [...] Dùng chiêu bài tự do dân chủ, họ suýt nữa lật đổ được cả chính quyền ở Bắc Kinh. Nếu chính quyền Trung Quốc không dẹp bỏ được vụ Thiên An Môn thì nay nước Trung Hoa đã tan tành rồi. [...] Người lãnh đạo chỉ kém cương quyết và kém sáng suốt một chút thôi là quốc gia sẽ lâm vào đại họa."

Trong mạch văn chung có đoạn trên, ta hiểu theo tác giả, sự sụp đổ của chế độ Cộng sản ở Liên Xô và Đông Âu là đáng tiếc, do sự giật dây của Mỹ và Vatican. Như thế tác giả không hiểu gì về sự vận động tất yếu trong lòng các quốc gia Cộng sản này như một sự tiến hóa của lịch sử. Nhìn nhận như thế là nhục mạ các dân tộc đã biết đấu tranh để chống độc tài áp bức, giành lại tự do dân chủ bằng những cái giá rất đắt.

Tác giả đã ca ngợi sự đàn áp của chính quyền Trung Quốc trong vụ Thiên An Môn, một vụ đã bị cả thế giới lên án vì sự dã man tàn bạo của nó. Tác giả cổ xúy một cách trắng trợn cho những biện pháp thô bạo của các người cầm quyền Cộng sản để giữ vững chế độ độc tài và mừng cho Việt Nam vì "may mắn nhờ những kinh nghiệm ở Đông Âu, ở Trung Quốc nên tạm thời những nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam đã thoát hiểm."

Với những nhận định và lập luận như thế, tác giả còn cố tỏ ra khách quan một cách lập lờ khi nói đến vấn đề lựa chọn giữa Công giáo và Cộng sản. Tuy đối với riêng mình, tác giả cho rằng "tôi đã quá già không còn lựa chọn được nữa", nhưng tác giả đã gợi

ý cho người khác lựa chọn:

"Chọn Công giáo ư? Tôi đã biết quá nhiều về họ với những giáo lý bịp bợm, những hành động tàn ác, phản dân hại nước suốt bao năm qua.

Chọn Cộng sản ư? Tôi đã cầm súng chống lại họ suốt gần hai mươi năm. Tôi đã từng bị Cộng sản cầm tù nhiều năm. Tôi đâu có ưa gì Cộng sản. Nhưng đây chỉ là trường hợp cá nhân của tôi. Tôi không để cho những tức khí nhất thời làm sai lệch những nhận định của tôi về dòng lịch sử dân tộc, về những nguyên nhân của nỗi thống khổ của quê hương suốt hơn một trăm năm qua, về vấn đề đâu là cứu nước, đâu là bán nước."

Như thế, dân tộc Việt Nam chỉ có thể lựa chọn một trong hai, không còn con đường nào khác. Công giáo và Cộng sản đều xấu nhưng Công giáo xấu hơn nên phải chọn Cộng sản.

Căn cứ vào đâu để áp đặt cả dân tộc vào sự lựa chọn đó, lựa chọn giữa hai cái mà tác giả đều xem là xấu? Dân tộc Việt Nam không có quyền và khả năng tìm một con đường tốt hơn hay sao? Lịch sử Việt Nam không thể có một chế độ tốt đẹp hơn hay sao? Đó là một nhận định mù quáng hay chỉ là sự biện minh vụng về cho chế độ Cộng sản độc tài?

Từ đó người ta có thể hiểu tại sao nhà cầm quyền Cộng sản đã cho lưu hành rộng rãi lá thư của Trần Văn Anh.

Điều mỉa mai là chế độ Cộng sản tự cho là chế độ ưu việt nhất, đặt cơ sở trên chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh tiên tiến nhất lại phải dựa vào những lập luận lảm cẩm của một "cựu sĩ quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa" để tồn tại.

Điều đáng lo là những lập luận này cũng được một số đảng viên Cộng sản (kém hiểu biết, mù quáng với chủ nghĩa hay muốn độc chiếm quyền lực và quyền lợi) tán thành, củng cố thêm niềm tin vào chế độ và cảnh giác hơn với "kẻ thù", nhất là với Công giáo.

Điều đáng lo ngại là những lập luận của lá thư này đã đặt khối Công giáo ra ngoài dân tộc, coi như kẻ thù bất cộng đái thiên, một lối gây chia rẽ vô cùng nguy hiểm. Dù thế nào chăng nữa, khối Công giáo vẫn là một thành phần quan trọng, bất khả phân ly của dân tộc, và đoàn kết, hòa giải hòa hợp luôn là con đường tất yếu cho một dân tộc muốn đi lên và phát triển.

Khi tôi viết gần xong bài này, điều bất ngờ là tôi được biết Tạp chí Cộng sản số tháng 10/94 (trang 56-57) mới xuất bản đã công khai trích đăng lá thư của Trần Văn Anh. "Lời người biên tập" nói rõ việc trích đăng là "để bạn đọc thấy rõ tư tưởng và nhân cách của Bùi Tín". Những đoạn trích được chọn lọc với nhiều hậu ý và tình cớ mà trùng hợp với những đoạn tôi đã trích trong bài này. Ban biên tập còn trân trọng "xin cảm ơn tác giả Trần Văn Anh và ông Nguyễn Văn Sôi" (theo ban biên tập, ông Nguyễn Văn Sôi ở Úc, có địa chỉ 177 Libbett AVC, Clayton South VIC 3721, là người đã gửi lá thư của Trần Văn Anh cho tòa soạn). Đó là vô liêm sỉ hay Tạp chí Cộng sản đã thực sự đổi mới? Thế nhưng người ta đã không hề trích đăng, thậm chí chỉ vài dòng trả lời đã nhận được những bài viết như của Hà Sĩ Phu, Nguyễn Thanh Giang, Trần Minh Thảo... và nhiều bài viết tâm huyết khác của trí thức trong nước gửi cho đảng và các báo chí của đảng.

Điều này cho phép mọi người có thể đánh giá lá thư của Trần Văn Anh và cách phổ biến nó mới chính là một sự lừa bịp. Sự lừa bịp này cũng khá công phu nhưng không thể thuyết phục, lừa bịp được những người có lương tri và thực sự có lòng với quê hương đất nước.

Tháng 10-1994

Nam Long

Trang 19



# Thư gửi Trần Văn Anh

Chiến Bình

Thân gửi anh Trần Văn Anh !

Tôi không rõ anh là ai ngoài cái danh xưng "Cựu sĩ quan QLVNCH" cùng cái địa chỉ "California", chỉ biết bức thư "*Diễn sách Mật Thật (Đối thoại với Bùi Tín)*" của anh đang được chuyền tay nhau khá rộng rãi ở trong nước, đặc biệt là trong giới cán bộ, đảng viên, hưu trí chúng tôi, tức là trong giới những người vốn là thù địch của anh trước đây, mà ngay đến bây giờ, theo chỗ tôi biết thì cái hố sâu ngăn cách ấy cũng chưa hề lấp ngay đi được. Thế là một điều lạ!

Trong thư ấy, anh nói anh "đâu có ưa gì Cộng sản", anh gọi những người Cộng sản là những kẻ giết người, độc tài, tham nhũng! Vậy thì trước sau anh vẫn là một người chống cộng. Nhưng không hiểu sao đọc thư ấy, chúng tôi lại cảm thấy mình thu hoạch được một cái gì đó, giải tỏa được phần nào ản ức bấy nay, cái ản ức mà tất cả các nhà lý luận trong nước ở cả hai phía dân chủ và bảo thủ đều chưa giải tỏa được cho chúng tôi. Ấy lại càng là một điều lạ!

Nhưng điều lạ này có thể cắt nghĩa được.

Thật vậy, những cán bộ và trí thức chúng tôi ở trong nước như Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Lữ Phương, Nguyễn Hộ... (và nhiều người khác nữa) đã viết nhiều bài lý luận hoặc góp ý, họ nói nghe rất có lý, và có tình nữa, nhưng rốt cuộc vẫn không tránh được cái nhược điểm chung là làm yếu sự lãnh đạo của đảng Cộng sản, dẫn đến đa nguyên, mà đa nguyên là mất ổn định chính trị, mất ổn định thì phát triển đâu chưa biết, chỉ biết rằng những người như các anh mà trở về thì ắt chúng tôi không yên, chỉ cần ví dụ một điều thiết thực là lương hưu của tôi thì ai trả, cái nhà tôi vừa được "hóa giá" này có bị đòi không? Thế là lý bên ngoài thì thông mà tình bên trong vẫn tắc!

Ngờ đâu chính bức thư của anh lại làm chúng tôi yên tâm. Thư anh viết dài và rất nhiều chi tiết còn phải thảo luận, nhưng cái mạch chính của nó lại rất sáng: theo anh, *trên bàn cờ chính trị của Việt Nam chỉ có hai đối thủ là Công giáo và Cộng sản, dứt khoát không thể có một nhân tố thứ ba nào khác cả! Cả hai đều chẳng ra gì, nhưng trong hai cái xấu thì đương nhiên ta phải chọn cái ít xấu hơn, anh đã khéo léo giúp chúng tôi chứng minh cái ít xấu hơn ấy là Cộng sản! Thế là ổn thôi! Bài toán đã được giải.* Cứ chửi cho thậm tệ vào để dân nghe cho thỏa, nhưng làm chúng giúp cho rằng cái ghế của tôi đang ngồi đây là do cụ Lịch sử đóng riêng cho tôi! Ấy thế mới đáng là bậc tri âm. Ngày nay chúng tôi cùng chẳng cần tự khen mình, bởi như các cụ xưa nay vẫn dạy: "bụng ai mà không có c...!", vấn đề là chọn cái bụng nào đỡ thối hơn thôi! Cái lý luận của anh thế mà chí lý, tôi cứ nói trắng ra thế để khỏi phải màu mè, có gì xin anh thứ lỗi, miễn hiểu bụng nhau là quý, phải không thưa anh Trần Văn Anh? Cái lý luận ấy chúng tôi có thể cùng đã nghĩ tới nhưng chẳng lẽ tự mình lại muối mặt mà nói toẹt ra ư, nhất là trong lúc mình đang cần phải đề cao đạo đức!

Bức thư của anh làm tôi khám phá ra một sự bất ngờ. Đây, một sĩ quan của QLVNCH ở Mỹ mà chẳng làm phượng hạc gì đến thể chế Cộng sản (quả thực cũng có xúc phạm một chút đến danh dự, nhưng để đổi lấy sự ổn định thì sự hy sinh ấy có đáng gì), trong khi đó thì nghe sự lý giải của mấy vị trí thức trong nước của chúng tôi, chúng tôi lại thấy lo lắng, không thể yên tâm! Như vậy thì những cái "diễn biến hòa bình" ở nước ngoài không phải là đáng ghét cả, có cái xem ra chẳng những xài được mà còn nên xúc tiến nữa là đằng khác! Nghe nói cái ông Derrida nào đó là tay rất phi Mác-xít xưa nay, nhưng bây giờ ông ta nói điều có lợi cho chúng tôi, chúng tôi đề cao ngay, rất sòng phẳng, có vấn đề gì đâu? Kinh tế thị trường mà, chúng tôi sẵn sàng làm bạn với tất cả mọi người! Còn những anh nào đó, là "con đẻ" chứ thậm chí "bố đẻ" đi chẳng nữa mà gây rắc rối cho định hướng của chúng tôi thì chúng tôi cũng phải đề cao cảnh giác, thế mới hợp lý hợp tình chứ? Chỗ này thì chúng tôi lại phải *chuyên chính!* Mà nước nào chẳng vậy, đã ở đâu có dân chủ đích thực đâu, phải không thưa anh?

Tôi thích nhất cái đoạn anh viết về số phận tất yếu của những lực lượng thứ ba, không chịu Công giáo mà cũng không chịu Cộng sản. Anh nói thẳng với Bùi Tín: "*Đã có nhiều người làm trước anh từ lâu rồi. Tôi biết họ là những người yêu nước thực sự. Họ có tài có đức hơn anh nhiều. Họ không yêu Cộng sản và chán ghét Công giáo đến cực độ. Nhưng việc làm của họ không đi đến đâu, vì họ bị cả hai thế lực đánh phá tan tành. Có người chết cho lý tưởng của họ. Có người chán nản bỏ về vui thú điền viên.*"

Tóm lại, một cách hùng hồn anh đã chỉ ra được cái chân lý: không chịu "Công" mà cũng không chịu "Cộng" thì chỉ chuốc lấy số phận bi thảm, nhưng có chết với "Cộng" thì cũng đỡ bi thảm hơn! Chẳng hạn như mấy chục vạn sinh viên Trung quốc đòi dân chủ có bị nghiền lép bẹp dưới xích xe tăng của quân đội nhân dân anh hùng thì linh hồn của họ cũng còn được an ủi, khi hiểu rằng chính cái thịt nát xương tan của họ đã làm nên cái ví dụ tươi rói được ghi vào cẩm nang, rằng lãnh đạo có sáng suốt và kiên quyết trấn áp kịp thời thì chính trị mới ổn định được. Để giúp mọi người so sánh, anh đã viết: "*so với Công giáo thì Staline và Mao Trạch Đông cũng chỉ là những kẻ tập giết người*", nhưng nói thế e mọi người sẽ cảm thấy được nói lòng mà sinh ra tập tễnh vô kỷ luật nên phải nhắc nhở: "*Một định luật của khối Cộng sản là: nếu từ bỏ chuyên chính là họ chết ngay!*" (xin nhắc vậy để các người đừng có ảo tưởng mà sinh ra lộn xộn!). Quả thật anh rất chu đáo.

Riêng ở nước ta thì tôi thấy nên bổ sung thêm rằng: nhiều người Việt Nam khôn ngoan và hiểu biết, cũng khinh ghét cả Công lẫn Cộng (vì cùng là C... như nhau cả), nhưng họ không hăm như các bậc tiền bối mà anh vừa kể, họ kiên cường nuôi chí phục thù, họ quyết tâm diệt cả hai điều ác ấy bằng cách lao thẳng vào con đường... "*làm giàu*" (dĩ nhiên là "*chính đáng*") để tìm cho mình một vị trí trên mình Con Rồng tương lai, hoặc anh nào kém tài thì quyết tâm tiến công vào Khoa học kỹ thuật và Thần học! Có thể đây là sự kết đọng tinh túy giữa cái đạo đức cổ truyền và trí tuệ hiện đại của người Việt mình chăng?

Một đồng chí lãnh đạo của tôi, khi chuyển cho tôi xem bức thư gửi Bùi Tín của anh, cứ cẩn thận dặn đi dặn lại tôi một điều: Trong này có nhiều ý hay, có thể tham khảo, nhưng phải cẩn thận kẻo làm mang tiếng cho chính sách tôn trọng tín ngưỡng của Đảng, (Xem tiếp trang 27)



# Cuộc sống của Mao

Bùi Tín

Cuốn sách "The private life of chairman Mao", Random House Inc., New York; bản tiếng Pháp: "La vie privée du président Mao", Librairie Plon, do bác sĩ Li Zhisui (Lý Chí Tuy) viết bằng chữ Hán, giáo sư Hung Chao-tai dịch ra tiếng Anh, Henri Marcel, Frank Stsaszitz và Martine Leroi-Bastistelli dịch ra tiếng Pháp. Hơn 600 trang, có 12 tấm ảnh.

Cả cuốn sách có năm phần: 1. Cái chết của Mao; 2. Từ 1949 đến 1957; 3. Từ 1957 đến 1965; 4. Từ 1965 đến 1976; 5. Tiếp theo (nói về cuộc đấu tranh để kế thừa Mao, việc thanh trừ lũ bốn tên trong đó có Giang Thanh, vợ Mao).

Dưới đây là giới thiệu một số nội dung của cuốn sách, có trích dịch vài đoạn. Tít nhỏ là của người giới thiệu.

## Nhân chứng sống của một thảm họa cực lớn

Giáo sư Andrew Nathan, trường đại học Columbia, New York, trong lời tựa cuốn sách, viết: "Chưa có một nhà lãnh đạo nào trên thế giới lại trị vì lâu đến vậy, trên một đất nước đông dân như vậy. Đó là Mao Trạch Đông. Bác sĩ Li là một nhân chứng sống của con người ấy, của thảm họa ấy".

Bác sĩ Li Zhisui sinh ở Bắc Kinh năm 1919, cụ nội là danh y triều đình Trung Quốc. Cha ông là quan chức cao cấp trong chính phủ Quốc Dân Đảng. Ông tốt nghiệp trường Đại học Y khoa Thành Đô, Tứ Xuyên - trường này nhận được sự bảo trợ của Hoa Kỳ - và làm việc một thời gian trong quân đội Quốc Dân Đảng, trước khi đảng cộng sản toàn thắng tháng 10-1949. Vợ ông thuộc một gia đình địa chủ lớn ở tỉnh An Huy, học trường trung học và đại học của Mỹ và Anh ở Trùng Khánh và Thành Đô.

Cuối năm 1948, ông rời Nam Kinh đi Hongkong và sau đó đi Sydney (Úc) là bác sĩ trên tàu biển. Tháng 6-1949, bác sĩ Li cùng vợ trở về Bắc Kinh, theo lời kêu gọi của Đảng cộng sản đối với trí thức của chế độ cũ. Ông làm bác sĩ ở bệnh viện của trường Đại học cơ quan trung ương đảng cộng sản Trung Quốc.

Từ đầu năm 1955, bác sĩ Li được cử làm bác sĩ riêng của chủ tịch Mao Trạch Đông. Lúc ấy Mao 62 tuổi, cân nặng 85 kí-lô, cao 1m78, sức khỏe tốt, chỉ có bệnh mất ngủ kéo dài, thỉnh thoảng ho do hút thuốc lá triền miên...

Bác sĩ Li đề tặng cuốn sách này cho vợ ông, bà Lilian Wu. Ông cùng vợ sang Chicago tháng 8-1988. Bà bị đau thận khá nặng và mất tháng Giêng năm 1989. Chính bà từng khuyến khích ông viết hồi ký, "để lại cho mình, cho tôi, cho các con và cho cháu chúng ta". Ông tâm sự: "Cả đời tôi, tôi đã làm lỡ, tôi đã mất hết, hy sinh cả hạnh phúc gia đình, từ bỏ ý định trở thành bác sĩ giải phẫu thần kinh, những tưởng phục vụ lý tưởng và nhà lãnh đạo vĩ đại, té ra là phục vụ một triều đình hỗn loạn và một con người tệ hại đã nhấn chìm đất nước Trung Quốc trong nghèo khổ và lạc hậu...". Ông là một nhân chứng sống về thảm họa của Trung Quốc trong gần nửa thế kỷ qua.

## Xác của Mao

Mao ốm nặng từ đầu năm 1974. Bệnh chính là một loại bệnh hiểm nghèo, không có cách gì chữa khỏi. Những tế bào thần kinh trong tủy sống dọc theo xương sống bị hủy hoại mà không tái sinh được, gây nên liệt các bắp thịt ở hàm, ở cuống phổi, ở lưỡi cũng như ở chân và tay phải. Càng ngày người bệnh càng mất khả năng nói và nuốt. Người bị bệnh này thường chết sau hai năm kể từ khi lâm bệnh.

Đã vậy, Mao còn yếu tim và thường bị viêm phổi và viêm cuống phổi. Giữa tháng 5-1976, Mao bị cơn nhồi máu cơ tim đầu tiên, đến 26-6 một cơn thứ hai nặng hơn và đêm 2-9 cơn nhồi máu cơ tim thứ ba. Mao nằm bất động, ăn bằng ống truyền thức ăn lỏng vào dạ dày, thở bằng bình ô-xy, và tắt thở lúc 0 giờ 10 phút ngày 9-9-1976.

Ngay sau đó, thường vụ Bộ Chính Trị đảng cộng sản Trung Quốc quyết định bảo quản tốt thi hài Mao trong hai tuần lễ để tổ chức lễ viếng. Bác sĩ Li chịu trách nhiệm việc thực hiện; ông huy động các chuyên gia ở Học viện y khoa để tiêm vào động mạch chân hai lít chất formaldéhyde.

Khi bắt đầu tiêm, có lệnh mới: thi hài chủ tịch Mao phải được bảo quản lâu dài! Bác sĩ Li kể lại: "Tôi nhớ lại hồi 1957 từng đi theo chủ tịch Mao sang Moscow và tại đó chúng tôi viếng lăng Lenin và Stalin. Các thi hài đều khô héo, tóe lại; người Liên Xô cho biết mũi và hai tai của Lenin bị rửa và được thay bằng sáp, còn bộ râu của Stalin bị rụng. Tôi biết kỹ thuật bảo quản của Liên Xô tiến bộ hơn chúng tôi khá nhiều. Tôi không thể hình dung ra cách nào để bảo quản thi hài Mao".

Nguyễn soái Diệp Kiếm Anh đến gặp tôi và góp ý kiến: "Cần hỏi ý kiến giáo sư ở Viện thủ công mỹ nghệ xem họ có thể dựng nên một mô hình chủ tịch Mao bằng sáp không? Sau đó mô hình sáp sẽ có thể thay cho thi hài thật khi cần". Ông Đông Hưng, ủy viên Bộ Chính Trị, đồng ý với nguyên soái Diệp và dặn tôi phải giữ kín vấn đề này.

Tôi cử chuyên viên Xu Jing (Tữ Tịnh) đến tìm tài liệu ở Học viện y khoa xem có cách nào bảo quản thi hài được lâu. Một giờ sau, bà ta báo qua điện thoại: "Có cách bảo quản được lâu, đó là tiêm chất formaldéhyde nhưng với khối lượng lớn, từ 12 đến 16 lít, tùy theo cơ thể lớn hay nhỏ, nhưng phải tiêm trong vòng 4 đến 8 giờ sau khi chết; khi thuốc xuống đến đều ngón tay và đầu ngón chân thì có thể ngừng".

Bác sĩ Li liền báo cáo với Hoa Quốc Phong, người có chức và quyền cao nhất sau Mao lúc ấy. Hoa thúc dục cần làm gấp cho kịp.

Thế là 22 lít chất formaldéhyde được tiêm, nhiều hơn công thức nói trên đến 6 lít. Cuộc tiêm thuốc diễn ra suốt mấy tiếng liền, đến 10 giờ sáng thì xong.

Kết quả thật khủng khiếp! Mặt của Mao phồng to và tròn như quả bóng! Cổ phình to bằng đầu! Da trở láng bóng đầy chất formaldéhyde. Tai cũng căng rộng, dựng đứng lên. Bộ dạng thi

hài thật dữ tợn! Mọi người đứng quanh đều kinh hãi. Zhang Yufeng (Trương Ngọc Phượng), người phụ nữ cưng của Mao, vốn là một diễn viên múa, ở cùng Mao khi mới 16 tuổi, nay 50 tuổi, chức vụ cuối cùng là thư ký riêng của Mao, được Mao "chiếu cố" nhiều nhất để chung chạ chung gối cho đến khi Mao ốm nặng, lu loa lên: "Các người làm thế nào mà để Chủ tịch trông sợ đến thế này! Trung ương không thể tha thứ việc làm của các người!".

Chúng tôi bảo nhau bình tĩnh, sửa sang lại bộ mặt và cổ của Mao trước hết. Chúng tôi lấy khăn và bông chấm lên mặt, thấm bớt chất nhờn. Có lúc má phải bị rách do ép quá mạnh, phải dùng thuốc bôi để che dấu vết rách. Đến 15 giờ chiều, bộ mặt Mao đã trở lại gần bình thường, tuy cổ vẫn còn bự. Bụng quá to, phải xẻ áo ở lưng và xẻ cả quần ở phía sau mới mặc vào được.

Thế là đúng 24 giờ sau khi chết, thi hài Mao được đặt trong quan tài kính đã được hút không khí.

"Chúng tôi liền nghiên cứu những kỹ thuật thời cổ của Trung Quốc về bảo quản thi hài. Các nhà khảo cổ Trung Quốc từng khai quật những thi thể đã chết hàng trăm năm mà kết quả bảo quản thật tuyệt diệu. Các thi thể ấy được chôn cất rất sâu, do đó không bị dưỡng khí hủy hoại, lại được ngâm trong chất dầu thơm đặc biệt. Khi đưa lên gặp không khí, các thi thể ấy bị rửa ngay. Với thi hài Mao không thể áp dụng những kỹ thuật cổ ấy.

Chúng tôi muốn tìm hiểu cách bảo quản thi hài Lenin, nhưng quan hệ Trung-Xô đang ở độ thù địch. Chúng tôi liền phái hai chuyên gia đi Hà Nội để xem xét cách bảo quản thi hài Hồ Chí Minh. Cuộc đi này thất bại. Ở Việt Nam, không có ai sẵn sàng kể cho chúng tôi nghe về cách thức bảo quản. Hai chuyên gia không có cách gì để nhìn thấy thi hài của nhà lãnh đạo Việt Nam. Khi hỏi chuyện riêng, hai chuyên gia này được nghe kể rằng mùi của ông Hồ cũng bị thổi rửa và râu của ông cũng bị hư hỏng (désagrégée).

Hai chuyên gia khác được cử sang nước Anh, thăm bảo tàng của bà Tussaud, xem xét những nhân vật bằng sáp tại đó. Kỹ thuật tạo hình bằng sáp của Trung Quốc rất tiên tiến. Do đó mô hình Mao do Viện thủ công mỹ nghệ tạo nên thật giống người thật.

Công việc của chúng tôi lại tiếp tục. Chúng tôi để nguyên bộ não của Mao; chúng tôi lấy ra khỏi cơ thể: tim, phổi, dạ dày, thận, ruột, gan, lá lách, túi mật... Các bộ phận ấy được bảo quản trong các bình đựng formaldehyde. Bụng của Mao được nhồi bằng bông tẩm cùng chất lỏng ấy. Ở cổ Mao có đặt một ống truyền để định kỳ tiêm thêm chất formaldehyde".

Đêm 17-9-1976, sau một tuần lễ viếng chính thức, thi hài của Mao được đưa từ Đại Lễ Đường Nhân Dân ngay trước Thiên An Môn đến bệnh viện đặc biệt được xây ngầm dưới mặt đất. Đồng thời, hình Mao bằng sáp cũng được đưa đến. Cả hai thi hài thật và giả được đặt ở đó trong suốt một năm. Đến năm 1977, lăng của Mao được xây dựng xong, cũng ở quảng trường Thiên An Môn. Hai thi hài được đưa tới đó một cách bí mật tuyệt đối; dưới lăng là tầng hầm sâu, có một thang máy nối liền với tầng trên. Người vào viếng lăng tấp nập, không ai rõ thi hài đặt trong lăng để mọi người đến viếng là thật hay giả, là người được giữ bằng "phoóc-môn" hay là người bằng sáp...

### Vị thánh hiền trong cuộc sống sa đọa

Cuộc đời của Mao chiếm một vị trí khá dài trong cuốn hồi ký của bác sĩ Li. Từ thời nhỏ tuổi, gia đình Mao theo lối phong kiến đã cưới về cho Mao một cô vợ nông dân. Năm 1920, khi 27 tuổi,

ở Trường Sa, Mao lấy Yang Kai-hui (Dương Khai Tuệ) và có ba con trai. Mao An-ying (Mao Ngạn Anh), 1922-1950, con đầu, sống ở Hồ Nam với mẹ; sau khi mẹ chết, sống vất vưởng ở Thượng Hải, sau được cử sang học ở Liên Xô; làm phiên dịch tiếng Nga cho nguyên soái Bành Đức Hoài trong cuộc chiến tranh Triều Tiên hồi 1950; bị bom Mỹ giết vào tháng 11-1950. Mao An-qing (Mao Ngạn Thanh), sinh năm 1923, bị bệnh thần kinh. Mao An-long (Mao Ngạn Long) chết ở Thượng Hải vào khoảng 1935. Dương Khai Tuệ bị quân Quốc Dân Đảng bắt và giết cuối năm 1930. Năm 1928, khi ở Giang Tô, Mao lấy He Zizhen (Hạ Tử Trân), sanh sáu lần nhưng chỉ sống có một mình cô con gái Li Min (Lý Mẫn), sinh năm 1936; bà tham gia cuộc trường chinh rồi sang Liên Xô chữa bệnh, trở về nước năm 1947, sống ở Thượng Hải, ly thân với Mao cho đến khi chết, năm 1984, lúc 75 tuổi. Tháng 11-1938, tại Diên An, Mao lấy Giang Thanh (Jiang Qing), quê tỉnh Sơn Đông, làm nghề diễn viên kịch ở Thượng Hải. Chồng thứ nhất của Giang là Huang Jing (Hoàng Kính), một nhà tư sản; chồng thứ hai là Tang Na (Đường Na) cưới năm 1936. Giang là vợ thứ tư của Mao, khi đang 26 tuổi. Năm 1940, sinh con gái Li Na (Lý Nạp) ở Diên An; Li Na lấy chồng năm 1970, rồi ly dị; năm 1985 lấy Wang Jing Qing (Vương Cảnh Thanh) nguyên là vệ sĩ của Lưu Thiếu Kỳ. Giang Thanh hoạt động chính trị sôi nổi trong cách mạng văn hóa, trở nên một ủy viên chính trị đầy quyền lực và tham vọng. Sau khi Mao chết, Giang bị bắt, lãnh án tử hình năm 1976, đến năm 1983 hạ xuống tù chung thân, năm 1991 tự sát ở trong tù.

Đó là vợ. Còn người tình của Mao, "bồ", người yêu, thế thiếp của Mao? Bác sĩ Li nhận xét: "Thật không sao kể xiết! Không sao đếm xuể! Có thể gọi đó là những người chuyên làm nhiệm vụ "hầu hạ sinh lý" cho Mao, cho lãnh tụ. Họ rất trẻ, từ 17, 18 tuổi đến khoảng 22 tuổi. Họ được cơ quan hầu cận của Mao tuyển từ các đội văn công, các cô y tá hoặc từ các cô phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi trên các chuyến tàu hỏa đặc biệt dành riêng cho Mao. Họ cũng được tuyển từ các cô phục vụ ở các nhà khách của tỉnh và thành phố như Nam Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Trường Sa, Nam Ninh, Hàng Châu, Giang Tô, Bắc Đới Hà. Đã thành lệ, Mao đi đến đâu là có ngay những người sẵn sàng hầu hạ, ca hát, nhảy múa, và cả chung chạ gối với lãnh tụ, như là một nghĩa vụ, một vinh dự, một đặc ân! Mao có cả một đội ngũ "những cô gái cưng của lãnh tụ", chọn từ đoàn văn công của bộ đội không quân, của bộ đội công binh, của quân chủng hải quân, của đơn vị đường sắt... Mao ra lệnh đưa những cô gái cưng ấy về ở sát quanh Mao, làm y tá, làm thư ký, làm cả thư ký riêng. Các vệ sĩ của Mao đều hiểu rõ tính hiếu sắc đặc biệt của lãnh tụ, nên rất thành thạo trong việc "đưa người cửa trước, rước người cửa sau", đưa dẫn gái cho lãnh tụ, có khi đưa vào phòng Mao một lúc 2, 3 đến 4, 5 cô gái, vì càng về cuối đời, ham muốn sinh lý của Mao càng lớn, Mao càng bất chấp dư luận xung quanh, lao vào các cuộc truy hoan thâu đêm, suốt sáng".

Ngay từ hồi ở Diên An, Mao đã thích khiêu vũ, ưa nhảy với các cô gái trẻ từ chập tối đến nửa đêm, có khi đến tận sáng. Trong cuộc vận động chống tham ô, lãng phí và tệ quan liêu (được gọi là "ba chống"), ở Bắc Kinh và khắp Trung Quốc đều cấm chỉ việc "nhảy đầm", thế nhưng riêng ở trong khu vực Trung Nam Hải, nơi Mao ở, các buổi nhảy không bao giờ dứt đoạn. Lúc ban đầu còn là tối thứ bảy, sau là tối thứ bảy và tối thứ tư, về sau nữa là cứ khi nào Mao thích là lập tức tổ chức nhảy. Đây là cuộc sống riêng

của Mao, mà ý Mao là ý của Mặt trời đỏ chói, là ý Trời!

Mao ra lệnh cho bác sĩ riêng Li tìm mọi cách để nâng cao khả năng sinh lý nhằm hưởng thụ khoái cảm thật nhiều. Nào là cao, nhưng, các loại thần dược cổ kim, đông tây; cho đến hải mã, bột hạt trai, hoặc thuốc phát minh riêng của một nữ bác sĩ Rumani... đều được dùng cho Mao. Khi trên 65 tuổi, Mao lo rằng khả năng sinh lý sẽ bị giảm nên càng lao vào các cuộc truy hoan để tận hưởng gấp.

Mao thích thú kể lại cho bác sĩ Li về chuyện làm tình đầu tiên của bản thân khi mới là một cậu bé, với một cô bé mới 12 tuổi! Mao còn giảng cho bác sĩ Li rằng làm tình nhiều còn có thể được coi như một biện pháp nhằm kéo dài tuổi thọ. Vì đàn ông là dương nếu càng có nhiều âm khí được tiếp nạp vào cơ thể thì dương càng vượng và cuộc sống của người đàn ông càng khỏe và kéo dài. Mao kể rằng Hoàng Đế thủy tổ của dân tộc Hán theo truyền thuyết đã gần như bất tử do đã quan hệ sinh lý với một ngàn cô gái còn trinh. Các vị hoàng đế sau đều tin rằng số cung phi nhiều hay ít có ảnh hưởng đến tuổi thọ của họ, do đó ai cũng có hàng ngàn cung tần mỹ nữ. Mao kể rằng vua Tần Thủy Hoàng từng cử một hòa thượng với 500 đứa con vua vượt biển tìm thuốc trường sinh; theo truyền thuyết ấy, người Nhật bây giờ đều là con cháu của nhà Tần.

Để phục vụ sinh lý cho Mao, các tay thợ mộc cừ khôi ở Trung Nam Hải - nơi đóng đại bản doanh của Mao, triều đình mới của Trung Hoa Nhân Dân - đã đóng riêng cho Mao một cái giường lớn bằng gỗ quý, "rộng thênh thang", theo lời tác giả, phía đầu cao hơn phía chân chừng 10 phân "để tạo nên lạc thú khi làm tình với các cô gái trẻ, chiếc giường ấy được chở theo khi Mao đi các địa phương". Về sau các địa phương đóng giường theo mẫu của chiếc giường ấy. Mao cho rằng ngực và bộ phận dưới của các cô gái trẻ luôn toát ra những khí chất quý và hiếm có khả năng mang lại sức sống mới cho các cơ thể đã già cỗi.

Về phía các cô gái ấy, phần đông xuất thân từ nông dân thất học, được nuôi dưỡng trong không khí sùng bái đến cuồng nhiệt đối với lãnh tụ vĩ đại, từng mơ tưởng được nhìn thấy lãnh tụ, được cầm tay lãnh tụ là quá sức tưởng tượng rồi, nay được nói chuyện, được nhảy nhót với lãnh tụ, được ăn uống, được lãnh tụ ôm, rồi được nằm với lãnh tụ thì còn gì hân hạnh hơn nữa! Các cô còn đi khoe với bạn bè, người thân về "hạnh phúc" hiếm có ấy, lại còn ghen tị với nhau khi được lãnh tụ chiếu cố ít hay nhiều, lâu hay mau.

Thế còn Giang Thanh, vợ Mao? Đã từ lâu, Mao mê các cô gái trẻ nên không còn quan hệ sinh lý gì với Giang Thanh. Cuộc sống gia đình rất tẻ nhạt. Mao thường ăn một mình. Cô con gái Lý Nạp cũng rất ít đến với bố và mẹ. Giang Thanh quả tình có ghen, có lúc phàn nàn với bác sĩ Li: "Chủ tịch thật kỳ lạ, đã già yếu mà cứ muốn ngủ với nhiều cô gái trẻ! Chỉ có hại cho sức khỏe!". Thế rồi giữa hai người, Mao và Giang Thanh, hình thành một qui ước ngầm: bà để cho tôi hoạt động sinh lý tự do thì đáp lại tôi để cho bà hoạt động chính trị, cho bà thỏa mãn những tham vọng quyền lực. Thế là ổn thỏa. Đến độ về sau, Giang Thanh mỗi lần muốn gặp Mao đều phải báo qua người phụ nữ cung ở gần Mao nhất là Zhang Yufeng (Trương Ngọc Phượng), lại còn o bế Zhang, xu nịnh, tặng quà cáp để Zhang thu xếp cho bà đến gặp chồng mình một cách thuận lợi. Zhang sinh năm 1944, kém Mao đến 51 tuổi, gặp Mao từ năm 1960 lúc cô ta mới 16 tuổi, về sau được quyết định là thư ký riêng của Mao nhưng luôn tự coi là người vợ chính có đầy mọi quyền lực của Mao. Khi Mao chết, bác sĩ Li kể rằng Zhang òa lên khóc và than rằng: "Từ nay rồi số phận tôi ra sao!",

Giang Thanh liền an ủi: "Em chớ lo, đã có ta đây lo cho em".

Hàng tỷ dân Trung Quốc tưởng Mao sống như một ông thánh, Thật ra Mao sống một cuộc sống cực kỳ sa đọa.

### Một con người kỳ lạ

Bác sĩ Li nhận xét: "Tôi có thể nói là Mao là một con người không có nhân tính, không có khả năng yêu thương, cũng không có tình bạn". Mao đôi khi bồn chột, bồng đùa, hoặc chào hỏi ân cần người mới gặp lần đầu. Nhưng đó chỉ là sự hời hợt bên ngoài. Ông ta không có bạn theo đúng nghĩa. Suốt 22 năm ở cạnh Mao, bác sĩ Li không thấy ông ta có sinh hoạt gia đình đầm ấm thật sự; ông ta cũng chẳng có một người bạn nào thân để trò chuyện hàn huyên như mọi người khác. Ông ta sống cuộc sống cô độc một cách khủng khiếp. Quanh ông là lính gác, là cận vệ, là y tá, là thư ký, là người để làm tình, hết!

Một hôm ở Thượng Hải xem xiếc, một nghệ sĩ xảy chân, ngã, bị thương rất nặng. Mọi người xúc động trước thảm cảnh ấy và bà mẹ của nghệ sĩ khóc lóc thảm thương. Mao đứng đưng, còn vui vẻ nói chuyện với xung quanh, cứ như không có việc gì xảy ra vậy. Và sau đó, không bao giờ ông ta hỏi đến người bất hạnh ấy.

Mao có một nếp sống không giống ai. Bác sĩ Li kể rằng quanh năm khi ở trong nhà tại Trung Nam Hải, ông ta hầu như không mặc gì cả, cứ gần như trần truồng như nhộng, chỉ khoác một cái áo choàng sau khi đi tắm. Và cứ như vậy mà tiếp khách, tiếp các vị "đại thần" đến bàn công việc, từ Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai đến Chu Đức, Bành Đức Hoài, cho đến các cô gái "mèo" của ông ta.

Tháng 7-1958, khi Khrouchev sang Bắc Kinh, trong một chuyến đi bí mật, Mao chơi ngông kiêu trịch thượng, tiếp khách bên bờ bể bơi riêng, mặc áo quần tắm. Khrouchev bực tức về nước sau ba ngày, trong chuyến đi dự tính là một tuần lễ. Kroutchev phê bình Trung Quốc có những hành động phiêu lưu tấn công các đảo của Đài Loan, xây dựng các công xã nhân dân quá lớn. Mao cho rằng Liên Xô không có quyền gì can thiệp vào công việc riêng của Trung Quốc. Mao còn cho rằng bản phá đảo của Đài Loan dù cho có kích thích phản ứng của Mỹ thì có gì phải sợ, "cho là Mỹ ném một quả bom nguyên tử lên tỉnh Phúc Kiến thì có thể là 10 đến 20 triệu người chết để xem lúc ấy Khrouchev sẽ phản ứng ra sao!" Xung đột Trung-Xô bắt đầu từ thời điểm ấy.

Theo dòng suy luận ấy, về sau này, Mao còn nói với Khrouchev rằng dù thế chiến thứ ba có xảy ra, dù bom nguyên tử Mỹ có nổ trên đất Trung Quốc, dù cho 300 triệu người Trung Quốc có chết thì nhân dân Trung Quốc, nhân dân thế giới vẫn thẳng và cách mạng thế giới vẫn thành công, đánh bại chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản (300 triệu sinh mạng là đúng một nửa số dân Trung Quốc lúc ấy).

Điều không giống ai nữa là cuộc sống hằng ngày của Mao rất thất thường, không theo một giờ giấc nào cả. Mao hoàn toàn tùy hứng trong ăn, ngủ, làm việc, tiếp khách. Phòng làm việc với bàn giấy của Mao không bao giờ Mao dùng đến, chỉ để tiếp khách và chụp ảnh vài lần. Phòng ngủ của Mao thì rất rộng; Mao đọc sách, ngủ, tiếp khách luôn ở đó. Quanh phòng mắc những rèm nhung dày màu thẫm nên không xem đồng hồ thì không biết đang là ngày hay đêm. Giấc ngủ của Mao cũng rất thất thường, do Mao bị chứng mất ngủ kinh niên. Mao gọi người đến làm việc tùy tiện, có lúc vào 12 giờ đêm, có lúc vào 3 giờ sáng. Mao thường ăn cơm một mình, trên chiếc bàn vuông nhỏ, dễ di động, được đẩy đến sát giường nằm. Giờ ăn cũng không thành nếp, rất thất thường. Mao thích ăn các thức ăn rán ngập trong dầu, cho

nhieu ớt, rất cay hoặc rất chua theo thói quen của người Hồ Nam.

Mao thích ngao du các địa phương, cũng tùy theo sở thích. Thường Mao đi bằng xe lửa, một đoàn xe lửa đặc biệt của Trung Quốc, về sau được thay bằng đoàn xe lửa đẹp hơn do Đông Đức gửi tặng. Đoàn tùy tùng theo Mao thường có chừng một trăm người. Mao thường đến các thành phố lớn, nơi có phong cảnh đẹp, khí hậu dễ chịu, như: Bắc Đới Hà, Hắc Long Giang, Thượng Hải, Hàng Châu, Tô Châu, Vũ Hán, Nam Ninh, Quảng Châu, Trường Sa... Điều hết sức kỳ lạ là đoàn xe lửa của Mao chạy rất thất thường; khi Mao ngủ thì lập tức đoàn dừng lại, để cho Mao ngủ được yên; cho đến khi Mao thức giấc thì đoàn xe lại chạy. Mao thường thức đêm, ngủ vào ban ngày. Do đó đoàn xe thường dừng 3, 4 tiếng, có khi 8, 9 tiếng hoặc hơn nữa, làm đảo lộn tất cả các chuyến tàu trên tuyến đường sắt, liên quan đến cuộc sống của hàng triệu con người, buộc phải theo nhịp sống không bình thường của một người duy nhất!

Việc lo thức ăn cho Mao rất cầu kỳ. Một công xã ở gần Bắc Kinh chuyên có nhiệm vụ sản xuất thịt đủ loại: bò, gà, vịt, cừu, cá... và các loại rau quả, sữa cho Mao. Các thực phẩm đều được kiểm nghiệm, lưu giữ các mẫu lại, đề phòng chất độc hại hay thuốc độc nhằm ám hại Mao. Khi Mao không ở Bắc Kinh, các chuyến máy bay đặc biệt hằng ngày chở thực phẩm và công văn, sách báo đến chỗ Mao ở.

### Cốt cách của một nông dân hủ lậu

Bác sĩ Li nhận xét rằng trình độ học vấn của Mao rất tầm thường. Mao không biết ngoại ngữ. Các sách Trung Quốc, Mao thường đọc là bộ Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Hồng Lâu Mộng. Trừ hai lần đi Liên Xô, còn Mao chẳng thiết gì đi ra nước ngoài nào khác. Do đó hiểu về thế giới hết sức hạn hẹp, thiếu cận và chủ quan. Bác sĩ Li thường hướng dẫn Mao học tiếng Anh, qua cuốn sách "Utopic socialism and scientific socialism" (chủ nghĩa xã hội không tưởng và chủ nghĩa xã hội khoa học, của F. Engels). Mao học rất vật vờ, không thích thú, chỉ để giải trí. Do không có năng khiếu về ngoại ngữ nên suốt 20 năm Mao chẳng có tiến bộ gì về Anh ngữ cả.

Do trình độ văn hóa và kiến thức thấp nên Mao cũng chẳng hiểu gì rõ về bệnh tật trên cơ thể con người. Bệnh do đâu phát sinh, cần dùng thuốc gì, trị bệnh ra sao, Mao đều tỏ ra rất mù mờ, lại không chịu nghe cách giải thích của các bác sĩ. Mao lại rất ngại bị khám bệnh, nghe tim phổi, khám răng, thử máu. Các bác sĩ cứ phải lựa lời, chọn lúc thuận lợi, mời các quan chức cỡ bự đến thuyết phục Mao.

Mao có những tập quán lạc hậu từ tằm bé không dễ gì thay đổi. Trong nhà, Mao thường đi đất, như người nông dân. Cả đời Mao, gần như không bao giờ Mao đánh răng bằng bàn chải với xà-phòng đánh răng. Sáng dậy và ăn xong, Mao chỉ súc miệng bằng nước chè. Năm 1953, sau khi Mao phải để nhổ mấy chiếc răng sâu, theo lời thuyết phục của bác sĩ Li, Mao chịu dùng bàn chải và xà-phòng đánh răng, nhưng cũng chỉ dùng được có vài ngày rồi lại quay về với nước chè! Cả hàm răng Mao đều bị hỏng, các răng hàm cầu đầy bựa và sâu rất nặng. Các răng cửa cũng vàng khè. Các nhiếp ảnh riêng của Mao phải vẽ lại, "nhuộm trắng" trên các bức ảnh chính thức, để in trên báo và công bố cho nước ngoài. Có lần một bác sĩ nha khoa nói thẳng với Mao về giữ vệ sinh răng miệng, liền bị Mao cãi lại: "Các người chỉ lời thôi. Hồ có đánh răng bằng xà-phòng đâu mà răng hồ thường nhọn và trắng!".

Hơn 20 năm cuối đời, bác sĩ Li không hề thấy Mao tắm trong

nhà tắm, ngoài những lần bơi ở sông, ở bể bơi. Các cận vệ và các cô gái thường lấy khăn nhúng nước ấm lau mình cho Mao. Mao cho rằng thế cũng đủ sạch chán!

Mao cũng không tạo nên tập quán đi đại tiện trong bồn vệ sinh hiện tại. Hồi chiến tranh, di chuyển luôn, vệ sĩ của Mao thường lấy cuốc chim đào lỗ ở ngoài đồng ruộng hay trong rừng cho Mao đi rồi lấp lại. Về Trung Nam Hải, Mao chuyên đi đại tiện trong bồn như trẻ nít! Đi các địa phương, Mao vẫn giữ cách đi đại tiện cổ lỗ như thế!

Do hoạt động sinh lý thái quá, không biết giữ vệ sinh nên có lần Mao mắc bệnh hoa liễu ở bộ phận sinh dục. Mao không chịu uống thuốc, cũng chẳng "kiêng" ngủ với phụ nữ, còn cài lại các bác sĩ: "Chẳng cần, ta không thấy đau đớn, vẫn thấy khoái khi "hoạt động", vậy thì dùng thuốc và kiêng cử để làm gì!".

Mao đổ bệnh cho nhiều cô gái quanh. Các bác sĩ phải kín đáo mở một đợt khám bệnh và điều trị cho các cô gái sống gần Mao, không để Mao biết, sợ rằng Mao nổi cơn lôi đình thì chết cả nút. Họ còn bí mật tổ chức khử trùng, luộc nước sôi tất cả khăn mặt, khăn trải giường, chăn gối, áo quần của Mao, mà cũng không dám để Mao biết.

Có lần bác sĩ Li mạnh dạn góp ý Mao nên rửa sạch bộ phận sinh dục mỗi khi giao hợp, liền bị Mao cười xòa và cãi lại: "Các người chỉ hay vẽ vời, sinh chuyện; cần gì phải rửa; cứ để cho thật nhiều bộ phận của phụ nữ lau rửa cho "dụng cụ" của mình là sạch nhất rồi cần gì rửa!". Thật là một kiểu suy nghĩ và lời nói hủ lậu, gàn dở, có một không hai, của "người cầm lái vĩ đại"!

### Cô độc, đa nghi và độc ác

Mao sống một cuộc đời cô độc, ích kỷ trong khi không ngớt lải nhải về lối sống tập thể, về tinh thần xã hội chủ nghĩa. Mao luôn luôn nghĩ rằng có người ám hại mình, rằng ai cũng sẵn sàng phản bội mình. Mao cho rằng kể cả những người thề thốt trung thành với ông ta cũng có thể phản trắc bất kỳ lúc nào. Mao nghi kỵ Lưu Thiếu Kỳ, người chính ông ta chọn thay ông làm chủ tịch Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Mao nghi Lâm Bưu ngay sau khi chỉ định Lâm Bưu làm phó chủ tịch đảng, người kế thừa số 1 của Mao. Mao nghi Chu Đức, Chu Ân Lai, Bành Chân, Đặng Tiểu Bình... Mao nghi cả chính bà vợ của mình làm phản.

Với bác sĩ Li, tính toán của Mao rất thâm độc. Mao biết Li thuộc dòng dõi ba đời phong kiến, lại do Mỹ đào tạo, từng làm việc cho Quốc Dân Đảng. Tự biết mình không thích hợp, bác sĩ Li khước từ việc trở thành bác sĩ riêng của Mao, nhưng Mao vẫn chấp nhận. Do những điểm "xấu" ấy trong lý lịch và quá khứ, bác sĩ Li buộc phải tỏ hết lòng trung thành, lập công chuộc tội. Quả nhiên đúng theo tính toán ấy của Mao, bác sĩ Li luôn có mặc cảm tội lỗi và ra sức cung phụng vụ Mao cho đến khi Mao chết, hy sinh cả hạnh phúc gia đình và giáo dục. Mao đồng ý cho bác sĩ Li vào đảng vào tháng 11-1952, chính là để buộc chặt bác sĩ Li vào bộ máy, mang hết tâm lực ra phục vụ cho Mao. Tuy nhiên bác sĩ Li chưa bao giờ hòa nhập với cái xã hội kỳ quái ở Trung Nam Hải cả. Bác sĩ viết: "Đa số ở đây gồm những người tham gia cách mạng từ lúc khởi đầu, lúc còn rất trẻ, chưa đầy 20 tuổi. Họ xuất thân từ các gia đình nghèo khổ và thiếu học vấn rõ rệt, lại mang đầy nếp sống nông dân. Một hồ sâu ngăn cách họ với tôi, không có cách gì san lấp". (còn nữa)

Bùi Tín

# Chuyện cũ viết lại

Đặng Tiến

Đất nước chúng ta đang bồng bềnh trên một cuộc phân hóa lớn lao. Những lý tưởng - hay chiêu bài - chính trị, cộng sản và chống cộng, đã suy sụp, kéo theo cuộc suy đồi đạo lý và băng hoại tinh thần chưa từng thấy. Chính quyền cộng sản, độc tài và duy vật, để duy trì quyền lợi, đã cởi mở nhiều thứ cửa để tiếp thu tiền tài và hàng hóa. Hàng đen và hàng trắng. Tiền vàng và tiền giấy. Giấy đỏ và giấy xanh. Đất nước biến thành một khu chợ trời, ngổn ngang, huyền ảo.

Con đường đưa dân tộc đến đời sống bình thường, lành mạnh và tiến bộ, là con đường dân chủ xây dựng trên pháp quyền và hòa hợp. Đau lòng thay, những khái niệm đó, chưa có giá đã mất giá. Lý do khách quan nhiều lắm, trong đó có trách nhiệm của những người đấu tranh cho dân chủ, chưa thật lòng tin, chưa sống sâu xa và trọn vẹn những giá trị mình gào gọi. Một đô-la với ai cũng là một đô-la. Còn dân chủ, tự thân nó, đối với mỗi người mỗi khác, vì tư duy logic mà cũng vì vô thức mỗi người nhào nặn qua những kinh nghiệm sống, những tình cảm khác nhau. Từ đó, những người dân chủ chưa kết hợp được với nhau, mà lại còn chia rẽ vì những chuyện không đâu, không đáng.

Bài này tôi viết nhân đọc mục tạp ghi của bạn Nguyễn Gia Kiểng về Hoàng Phủ Ngọc Tường trên Thông Luận tháng 11-1994. Viết không phải để bài bác bạn Kiểng, và cũng không để tranh luận về một chuyện đã cũ, quá cũ, mà để tạo cảm thông, hòa khí giữa những người, hiện nay chưa nhiều, đang công khai đấu tranh cho dân chủ, gian nan và đơn lẻ, trong và ngoài nước, nhất là trong nước.

\*

Một độc giả chất vấn tòa soạn Thông Luận: "Nghĩ thế nào về trường hợp Hoàng Phủ Ngọc Tường, anh ta có trách nhiệm lớn trong vụ thảm sát tại Huế, nhưng giờ đây lại xuất hiện như một khuôn mặt trí thức tiến bộ". Nguyễn Gia Kiểng trả lời: "Hoàng Phủ Ngọc Tường chỉ cho mượn tên chứ có lẽ không có trách nhiệm trực tiếp nào...". Sự thật là: khi xảy ra vụ Mậu Thân 1968, Hoàng Phủ Ngọc Tường không có mặt tại Huế, điều này đã được chính đương sự khẳng định, và nhiều người trong cuộc xác nhận từ lâu. Trong một bài ký viết năm 1978, Nguyễn Đắc Xuân đã kể lại lúc được lệnh từ chiến khu về Huế: "Chuyện (giận nhau) xảy ra giữa tôi và Tường - người bạn thân nhất của tôi - lý do đơn giản: tôi có trong danh sách xuất quân đợt I, trong lúc đó Tường được cử làm Tổng Thư Ký Mặt Trận Liên Minh, ở lại chiến khu chuẩn bị đón các vị nhân sĩ ở Huế sắp ra (trong đó có Lê Văn Hào, bạn cũ của chúng tôi). Lúc cầm cái lệnh xuất quân trong tay, tôi không còn đủ kiên trì để ngồi vổ vổ chà chà [...] in cho xong tập thơ *Nỗi Lửa*. Tường trách tôi nôn nóng ra đi, để việc in dở dang cho người ở lại. Thế là chúng tôi giận nhau." (Huế, những ngày nổi dậy, nxb Tác Phẩm Mới, Hà Nội 1979, tr. 82). Chính Lê Văn Hào cũng xác nhận điều đó trong một bài ký khác (Huế, Xuân 68, nxb Thành Ủy Huế, 1988, tr. 241) và trong một tuyên bố gần đây tại Paris, trên báo Quê Mẹ. Thời điểm Mậu Thân 1968, Lê Văn Hào làm Chủ tịch Mặt Trận Liên Minh. Bà Nguyễn Đình Chi làm phó chủ tịch đã ghi lại: "Những ngày cuối tháng hai đầu tháng ba năm 68 thật bận rộn. Các cơ quan văn hóa văn nghệ ở

căn cứ thăm chúng tôi luôn... Anh Lê Văn Hào và anh Thuyết (tức là nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường) đến thăm..." (Huế, Xuân 68, sdd, tr. 254, 255). Bà Nguyễn Đình Chi lên đến chiến khu Khe Trãi ngày 18 tháng 2. Hòa Thượng Thích Đôn Hậu đến ngày 19 tháng 2-1968, nghĩa là đúng thời điểm xảy ra vụ thảm sát Mậu Thân, vậy họ cùng với Hoàng Phủ Ngọc Tường không có mặt tại Huế.

Trong một lá thư cho tôi, Tường viết: "Có bao giờ ông thấy tôi cầm dao giết nổi một con gà chưa? Tôi không dám ăn tiết canh bao giờ, và thấy ai chọc tiết gà là tôi bỏ chạy đi nơi khác liền. Thế mà sao lại mọc ra cái "huyền thoại" xàm xit rằng tôi "giết dân Huế". Trái đất quá tròn, rồi mọi người sẽ gặp lại nhau thôi, và lúc đó tôi sẽ có dịp nhìn thẳng vào mặt anh bạn nào tự coi là nhà văn mà lại đi vu khống người khác. Tôi sẽ bắt anh ta trả lời cho ra lẽ" (22-2-1993).

Bản sang chuyện "trách nhiệm": cụ thể, thì Tường không có quyền hành gì, thậm chí không hay biết gì về vụ thảm sát; về mặt tinh thần, Tường vẫn phải có trách nhiệm như hàng ngàn, vạn người khác đã dính líu đến vụ Mậu Thân, nhưng lại một mình chịu tai tiếng oan khiên. Hai mươi năm sau (1987), tướng Lê Minh, tư lệnh mặt trận Huế (về mặt quân sự), bí thư thành ủy, trưởng ban công kích và khởi nghĩa của quân khu (về mặt đảng), đã thừa nhận trách nhiệm: "Tôi rất cần nói đến một điều đáng buồn, sự tang tóc trong biến cố Mậu Thân là [...] đã có những người bị xử lý oan trong chiến tranh. Dù lý do thế nào, thì trách nhiệm vẫn thuộc về lãnh đạo, trong đó có trách nhiệm của tôi". (Huế, Xuân 68, nxb Thành ủy Huế, 1988, tr. 75-76). Tướng Lê Chuông, chính ủy chiến dịch Mậu Thân, trong hơn hai trăm trang hồi ký hành quân viết từ 1970 đến 1973 trước khi chết, không dă động gì đến chuyện này (Đất nước vào xuân, nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1979, tr. 238-471). Ngày nay, chúng ta có thể tìm thấy dễ dàng toàn danh sách những người đã tham gia mặt trận Huế, trên từng đường phố, suốt 27 ngày Mậu Thân 1968. Không thấy tên Hoàng Phủ Ngọc Tường. Ấu lại là chuyện Tăng Sâm.

Sau đó, Nguyễn Gia Kiểng còn nhắc lại: "Điều kinh khủng gặp nhiều lần là, hơn mười năm sau đó, Hoàng Phủ Ngọc Tường còn tuyên bố, trong một phim truyền hình được chiếu tại Mỹ và tại Pháp, rằng những nạn nhân đó chỉ là những tên phản bội, và (lời Hoàng Phủ Ngọc Tường): "Cách mạng giết chúng cũng như giết loài rắn độc mà thôi". Tôi đồng ý với bạn Kiểng rằng một câu nói như vậy là vô đạo, không thể chấp nhận được. Và tôi tìm hiểu. Trên bộ phim, ngày nay còn có thể kiểm chứng, thì đại ý Tường nói là: "Dân chúng tích lũy thù hận quá lâu, đã vùng dậy trả thù và giết họ như loài rắn độc". Bạn Kiểng trích vội, thành ra "Cách mạng giết họ..." nên hơi xa nguyên ý. Tuy nhiên hình tượng "rắn độc" hết sức thô bạo, nằm trong ngôn từ cộng sản, mà Hoàng Phủ Ngọc Tường có thể từ vị trí tiêu thụ, trở thành nạn nhân và tòng phạm. Tôi hỏi Tường: ông nói câu ấy thời điểm nào, hoàn cảnh nào? Lúc đầu thì đương sự không nhớ, chỉ nhớ là có trả lời một phóng viên Mỹ, trong một bài phỏng vấn dài, mà câu trên chỉ là trích đoạn, rồi khỏi văn mạch. Thật ra, những câu nói nông nổi, quá đà, người nói dễ quên, mà người nghe thì nhớ mãi. Miếng ngon nhớ lâu, lời đau nhớ đời.

Bạn Nguyễn Gia Kiểng còn trách Hoàng Phủ Ngọc Tường "chưa hề công khai hối tiếc câu nói đó. Có thể sau này sẽ xin lỗi". Hãy thử đặt vấn đề "xin lỗi" trên một bình diện rộng hơn. Đất nước đã trải qua bao nhiêu chìm nổi, con người đã làm việc nọ, nói việc kia, biết đâu là sai là đúng. Bây giờ thì ai có quyền hỏi

tội, và ai có quyền tha thứ? Phạm Công Thế, một danh sĩ khởi loạn thời Lê, trước khi ngựa cổ chịu chém, còn trả lời triều đình: "Lâu nay danh phận không rõ, lấy gì phân thuận nghịch?". Hoàng Phủ Ngọc Tường có nông nổi nói sai, thì từ đó đến nay đã đem cuộc đời mình ra để đấu tranh cho tự do dân chủ, làm báo Sông Hương tại Huế, bị đẹp. Chạy ra Quảng Trị làm Cửa Việt được 17 số cũng bị đẹp, lý do là đã "phổ biến một số bài trái với quan điểm Đảng" (công văn ông Trần Hoàn, Bộ trưởng Thông tin Văn hóa ngày 30-10-1992). Đại khái những bài đòi hỏi tự do trong văn nghệ, dân chủ trong đời sống. Trả lời Tào Tháo kẻ lẽ công ơn, Quan Vân Trường đáp rằng chém Nhan Lương, giết Văn Xú, là đủ lễ, bây giờ lấy hai tờ Sông Hương và Cửa Việt ra chuộc lời nói vô ý thốt ra trong bóng chạng vạng giữa sỏi và cây, vô tình lọt lên màn ảnh Phương Tây thiết tưởng cũng đã chứng tỏ được thiện chí của mình.

Trong thư mới đây, Tường viết: "Lâu quá rồi, hình như trước 1980, mình không nhớ rõ đã nói những câu gì. Vừa rồi nói chuyện với Trần Vũ (qua điện thoại) biết là mình có nói câu đó, Vũ cũng bảo bây giờ chẳng còn ai quan tâm đến những điều đó (ghi chú: nhà văn Trần Vũ đã kiểm chứng câu nói của Hoàng Phủ Ngọc Tường trên màn ảnh theo lời tôi yêu cầu, ĐT). Có thể là mình đã nói như vậy, vì đã có một khía cạnh của sự thực đúng như vậy: có rất nhiều người là răn độc vào thời điểm đó. Nhưng nếu bảo rằng tất cả những người bị giết trong Mậu Thân đều là răn độc thì đó là cách tự biện hộ của đao phủ, và mình không bao giờ nói năng suy nghĩ như vậy" (thư 28-11-1994).

Tôi hỏi thêm: khi nói câu đó, ông có nắm vững tình hình Mậu Thân không? Đáp: không nắm vững như bây giờ. Hỏi: vậy ông có hối tiếc những lời lẽ "răn độc" đó không? Đáp: hối tiếc chứ. Hối tiếc vì nó đi ngược lại với tình người và tình dân tộc mà mình cổ vũ. Như vậy Hoàng Phủ Ngọc Tường trong tâm tư đã đáp lại yêu cầu của Nguyễn Gia Kiểng. Tiếc rằng cho đến nay, Hoàng Phủ Ngọc Tường chưa "tuyên bố công khai" vì những tư liệu về Mậu Thân 68 đều do Thành ủy Huế in ấn.

Tội gì và đại gì mà Thành ủy lại tạo cho Hoàng Phủ Ngọc Tường cơ hội để xác minh? Mà cái điều đơn giản này, chàng Hoàng Phủ tâm địa vốn thật thà, chưa chắc đã... nghĩ ra!

**Đặng Tiến**  
Noël 1994

(Tiếp theo trang 9)

## **Kiểm điểm bảy tháng dân chủ tại Nam Phi**

..... cư và cung cấp điện cho 4,5 triệu gia đình. Tuy nhiên đại hội gần đây của Nghị Hội Quốc Gia Phi Châu đã chứng tỏ sự ủng hộ đường lối của Mandela bằng cách củng cố địa vị của ông Thebo Mbeki, một lãnh tụ ôn hòa, người có triển vọng sẽ kế vị Mandela.

Trường hợp Nam Phi một lần nữa chứng minh dân chủ đa nguyên là điều kiện cần thiết cho ổn định thật sự, và là động cơ cho việc phát triển đất nước. So với Nam Phi, Việt Nam còn ít trở ngại hơn trên con đường hòa giải hòa hợp dân tộc đi tới dân chủ đa nguyên, bởi vì dân tộc Việt Nam chia rẽ vì vấn đề chính trị mà không phải thêm vấn đề chủng tộc như Nam Phi. Người ta thay đổi lập trường được chứ mấy ai thay đổi được màu da? Những con người có bản lãnh vào tầm vóc ông Mandela tại Việt Nam cũng không thiếu, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy... chẳng hạn chắc chắn sẽ biết khoan dung đối với những người đã hành hạ mình, vì quyền lợi tối cao của đất nước. Có thiếu chăng là một lãnh tụ như De Klerk, dám can đảm từ bỏ quyền bính và trao trả lại cho nhân dân vì tương lai của đất nước.

**Diệp tường Bảo**

Trang 26

(Tiếp theo trang 20)

## **Thư gửi Trần Văn Anh**

.....mặc dù đây là người khác nói chứ có phải mình nói đâu!

Xem xong, tôi lại đưa cho mấy người bạn thân, phần đông họ nghi như tôi. Duy có một anh, xưa nay ít bộc lộ, thì bỗng nhiên phản ứng đến độ làm tôi sững sốt. Anh ta bảo: "Trong quá khứ nếu nói đó chỉ là sự tranh hùng của Cộng sản và Công giáo là *nhắm mắt nói bừa*; trong tương lai mà khẳng định vẫn chỉ có một trong hai cái ấy thì đây là *tâm địa chó săn hoặc lý luận cò mồi*, hoặc nếu không thì đó là phản ứng của một lực lượng chính trị hoặc tôn giáo nào đấy có mặc cảm thấy mình bị gạt ra bên lề của tiến trình lịch sử dân tộc, ghen ty hoặc sợ hãi trước sự liên kết của những cái thiện và như vậy thì vô tình hay hữu ý đã *giúp cho sự bảo tồn cái ác*! Đây không phải là cách nhìn của người thực tâm xuất phát từ lập trường dân tộc mà từ một chỗ đứng cục bộ, nhằm bài bác một chỗ đứng khác! Đây không phải tiếng nói của hòa hợp và liên kết, tìm đến với nhau mà là tiếng nói của nghi kỵ và ly tán! Một phát tên mà bắn cả ba bốn con chim để bảo vệ rất khéo cho một con cò! Tại sao chỉ được quyền chọn trong phạm vi hai cái xấu, mà không dám tạo cho mình một cái thứ ba xán lạn, đàng hoàng hả? thưa dân tộc anh hùng khốn khổ của tôi?..."

Thấy giọng anh ta như muốn khóc, tôi phải đấu đũa: "Thôi, gác qua cái lý sang một bên! Cứ theo cái tình con người thì các cụ đã dạy "*ăn cây nào thì phải rào cây ấy*", nói thế sẽ đơn giản hơn!

Bị câu nói đầy tình nghĩa ấy của tôi điểm huyết, anh bạn kia lặng hẳn đi, không còn hăng hái nữa, đến một phút sau mới gỡ hai bàn tay thua cuộc lên trời, lấp bắp mấy câu rất tội nghiệp:

"Giời cao đất dày ơi... *Trung thành với kẻ... cho mình ăn, thì đấy là... triết lý của... con... khuyến! Đó là... sự trung thành của... kẻ phản bội!* Hôm nay ông cho tôi ăn thì tôi xoắn suất với ông, ngày mai có kẻ nó cho tôi ăn miếng ngon hơn thì tôi lại phải uyển chuyển vẫy đuôi theo nó chứ biết sao được... hả giới?"

Thưa anh Trần Văn Anh, hy vọng câu chuyện của tôi với anh bạn kia không làm anh khó chịu, ngay những người quen thói gia trưởng nhất bây giờ cũng đã học được cái nét kiên nhẫn. Công việc tư tưởng thì cốt nhất phải lấy điều đạo đức mà răn dạy, nhưng khi cần cũng phải biết chơi bài ngừa, nói toạc móng heo ra, có khi bắn thiu một chút nhưng lại được việc, cứ phải uyển chuyển!

Đối với những người xốc nổi như anh bạn tôi trên kia có lúc phải nhờ người đe nẹt, nhưng nói chung vẫn cứ phải mềm. Họ tốt thôi, nhưng họ nóng vội, họ tưởng là ở trên đời đã có dân chủ thật rồi nên cứ đòi cho kỳ được. Họ ngây thơ như trẻ con ấy. Cho nên muốn dạy họ thì phải có mẹo, anh đồng ý với tôi chứ, mà *bức thư như của anh đã giúp chúng tôi rất nhiều. Lúc nào có thể, xin anh lại viết thư, kể những chuyện mắt thấy tai nghe về cái sự thiếu dân chủ, mất nhân quyền ở Mỹ, sự lục đục ở Đông Âu* để cho những người như anh bạn tôi kia có thể so sánh mà nhận ra cái may mắn vô giá là đã được tạo hóa ưu tiên cho rơi vào cái mảnh đất cong cong hình chữ Et-xì mà độ đang sống đây, và họ sẽ thấy hạnh phúc.

Nhân danh hạnh phúc của mọi người, xin cảm ơn anh rất nhiều.

Sài Gòn, ngày 9 tháng 9 năm 1994

Kính thư,

**Chiến Bình**

(một cán bộ hưu trí)

Thông Luận 78 - Tháng 1.95





# THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

tên là "pháp lệnh" (tương đương với nghĩa chữ Dự, Ordonnance) vì không do Quốc hội mà do Ủy ban Thường vụ thông qua.

Pháp lệnh "bảo hộ quyền tác giả" nhằm quy định ai là tác giả, các loại tác phẩm, các quyền tinh thần, vật chất của tác giả (có tất cả 6 quyền), thời hạn những quyền này được bảo hộ. Được biết các quy phạm của văn bản mới này đã dựa trên căn bản những quy phạm quốc tế về quyền tác giả để "khi có điều kiện", Việt Nam có thể tham gia "Công ước quốc tế về quyền tác giả".

Pháp lệnh "bảo vệ công trình giao thông" nhằm quy định và xác định việc xây dựng các công trình, trách nhiệm quản lý của các cơ quan hữu quan, việc bảo vệ công trình giao thông và xử lý các hành vi xâm phạm công trình giao thông.

Pháp lệnh "khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn" nhằm quy định nội dung, nguyên tắc, trình tự và thủ tục khai thác công trình khí tượng, thủy văn (hydrologie), việc quản lý và khai thác các công trình này.

Có thêm luật thì cũng tốt thôi. Nhưng chỉ thêm cái phụ mà vẫn thiếu cái chính thì thà bỏ ngay giờ mà bỏ tức cho cái chính còn hơn về rảnh thêm chân. Thí dụ trước khi "bảo hộ" cho các quyền của tác giả thì hãy bỏ dứt quyền kiểm duyệt, bao vây dưới nhiều hình thức "quyền tự do sáng tác". Bảo hộ quyền cho những tác giả phải "bể cong ngòi bút" đâu phải đã là theo quy phạm quốc tế!

Ngoài ra từ năm mười năm nay, chính quyền cộng sản chưa bao giờ làm luật, ra pháp lệnh về quyền tự do hội họp, tự do lập hội, tự do lập đảng. Các vấn đề bức xúc hơn giao thông, khí tượng nhiều, sao không ưu tiên giải quyết?

## Khu đô thị mới Bình Chánh-Nhà Bè

Ủy ban Nhân dân thành phố HCM đã được Thủ tướng chính phủ giao trách nhiệm quản lý toàn bộ khu đất đai rộng 2600 hecta ở phía nam thành phố, theo lời ông Phạm Chánh Trực, Phó chủ tịch UBND Tp HCM. Vẫn theo ông Trực, đô thị nam thành phố này là một bộ phận cấu thành của thành phố. Việc triển khai khu đô thị mới này nằm trong một dự án lớn của thành phố nhằm phát triển một khu công nghiệp, dân cư văn hóa, một đô thị mới dự tính thu hút khoảng 300.000 người đến cư ngụ, làm ăn.

Công ty Phát triển công nghiệp Tân Thuận, một doanh nghiệp Nhà nước liên doanh với Đài Loan lập dự án và thu hút đầu tư nước ngoài. Quy hoạch đô thị mới bước đầu đang được triển khai. Khu chế xuất Tân Thuận đã được hình thành và đã thu hút được nhiều công ty nước ngoài vào lập nhà máy sản xuất. Trong tương lai sẽ chuẩn bị xây dựng xa lộ dài 18,5 km, các cụm dân cư dọc hai bên đường hiện đã lập xong.

Ngoài ra cũng thấy nói đến việc chính sách đền bù, di dời nhà ở cũng như đào tạo tay nghề chuyển đổi người nông dân thành người ở đô thị.

## Việt Nam bảo đảm dịch vụ kiểm soát không phận

Ngày 8-12-1994, Việt Nam đã chính thức tự đảm nhận việc kiểm soát không phận của mình. Đây là một tin mừng và một nguồn lợi lớn về ngoại tệ mà chính quyền cộng sản Việt Nam bỏ mất từ hơn 19 năm qua.

Trong thời gian có chiến tranh tại Việt Nam, phi cảng Sài Gòn được thiết bị nhiều hệ thống kiểm soát không lưu tối tân nhất thế giới. Đài kiểm soát không lưu Sài Gòn được xếp hạng đầu tại Đông Nam Á và số hai tại Á Châu, sau Nhật Bản. Địa bàn hoạt

động của vùng thông báo bay Sài Gòn (FIR SGN - Flight Information Regional SaiGoN) rất rộng. Mỗi ngày đài hướng dẫn khoảng 10.000 chuyến bay quốc tế quá cảnh và 3.000 chuyến bay nội địa.

Thực ra chính quyền Việt Nam Cộng Hòa trước kia không phải là quốc gia thành viên Liên Hiệp Quốc để được cấp quyền kiểm soát không lưu quốc tế trong khu vực, nhưng do thừa hưởng qui chế ICAO (International Civil Aviation Organisation) của Pháp nên vẫn được tiếp tục.

Sau ngày 30-4-1975, các máy móc kiểm báo tại phi cảng quốc tế Tân Sơn Nhất bị các bộ đội chiếm đóng đập phá và từ đó Việt Nam mất khả năng kiểm soát vùng thông báo bay trên không phận của mình, mặc dù được gia nhập vào Liên Hiệp Quốc năm 1979. Từ đó FIR SGN cũ được phân chia thành bốn khu vực, giao cho Hồng Kông hành lang phía bắc, Singapore hành lang phía nam, Thái Lan hành lang phía tây và Phi luật Tân hành lang phía đông. Đến năm 1980, Việt Nam được chấp nhận làm hội viên cố vấn (advisory group) của ICAO và được hưởng một số tiền hoa hồng tượng trưng trên Hoàng đạo 1 (Amber 1), tức hành lang phía bắc. Nhưng vì không biết giá thị trường, phía Việt Nam đòi giá quá cao (khoảng 800 USD một chuyến quá cảnh, sau giảm xuống 450 USD), ICAO chỉ nhận cho Việt Nam cung cấp tin tức về khí tượng cho các chuyến bay quá cảnh với một số tiền tượng trưng.

Sau khi lệnh bỏ cấm vận được giải tỏa, tập đoàn Thomson-CSF (Pháp) trang thiết bị lại toàn bộ Trung tâm kiểm soát không lưu Tân Sơn Nhất và chính thức đưa vào hoạt động ngày 8-12 vừa qua với tên gọi FIR HCM. Hiện nay mỗi ngày Trung tâm FIR HCM hướng dẫn và điều hành trên 3.000 lượt máy bay ngang qua không phận với số tiền 250 USD/ chuyến.

## Tốc độ đầu tư nước ngoài giảm

Theo dự kiến của Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (SCCI), năm 1994, số đầu tư nước ngoài tại Việt Nam tăng tới 24% so với 1993 (báo Tuổi Trẻ, số ra ngày 10-12-1994).

Tuy nhiên, cho đến hết tháng 11-1994, tổng số vốn đầu tư nước ngoài đã được cấp giấy phép trên 2,6 tỷ USD. Số liệu này của cả năm 1993 là trên 2,8 tỷ USD. Như vậy so với năm 1993, đầu tư nước ngoài năm 1994 không tăng lên mà còn giảm đi. Nên biết rằng trong chiết tính kinh tế theo một nguyên tắc gọi là "nguyên tắc gia tốc" mức độ đầu tư không cần giảm đi mà chỉ cần không tăng lên cùng một tỷ lệ với năm trước là kinh tế đã bắt đầu khủng hoảng. Tốc độ gia tăng đầu tư nước ngoài của năm 1993 là 36%.

Bà Đỗ Ngọc Trinh, phó chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về hợp tác và đầu tư (SCCI), giải thích rằng mặc dầu bối cảnh quốc tế đã thuận lợi hơn, nhất là sau khi Mỹ bãi bỏ cấm vận, song môi trường đầu tư vẫn chưa cải thiện. Những nguyên do gây nên tình trạng trì trệ đó, theo bà Trinh, ngoài các thủ tục hành chính quan liêu, còn có những trở ngại do giá đất và dịch vụ của Việt Nam khá cao so với khu vực. Bà Trinh cho biết chính phủ đang tìm hướng giải quyết, theo đó thời hạn để xét và cấp giấy phép sẽ giảm xuống còn từ một đến hai tháng là tối đa; giá đất có thể giảm tới mức tối đa là 20%. Cũng nên biết rằng ở các nước dân chủ không có vấn đề giấy phép đầu tư. Những người muốn đầu tư chỉ cần ngồi lại với nhau ký hợp đồng thành lập công ty là có quyền hoạt động ngay tức khắc. Sau đó họ mới làm thủ tục để hợp thức hóa về mặt hành chính.

# TUẦN TỨC... THỜI SỰ... TUẦN TỨC...

## Tốc độ mua bán nhà giảm

Số vụ mua bán nhà trong 11 tháng qua là 16.000 vụ, trung bình 1.450 vụ/tháng, giảm khoảng 35% so cùng thời kỳ. Ước tính cho cả năm sẽ có khoảng 18.000 vụ, giảm 10.000 vụ so với năm 1993.

Số vụ mua bán nhà đã giảm mạnh sau khi Luật thuế chuyển quyền sử dụng đất được áp dụng hồi đầu tháng 7-1994. Tuy nhiên việc mua bán nhà giảm còn do thay đổi cơ quan giải quyết hồ sơ mua bán nhà và do chậm ban hành các văn bản hướng dẫn thủ tục hành bộ luật nói trên. Cho đến nay, chính quyền thành phố Sài Gòn vẫn chưa ban hành được khung giá đất để làm cơ sở thu thuế, lệ phí trước bạ, mà chỉ tạm thu theo khung giá cũ.

## Đức tân hồng y Phạm Đình Tụng

Ngày 26-11-1994, Đức Tổng Giám Mục Phạm Đình Tụng đã được tấn phong Hồng y cùng với 29 vị khác, tất cả thuộc 24 quốc tịch. Buổi lễ trọng thể đã được cử hành tại Vatican, trước sự hiện diện của 8.000 người, trong đó có gần 100 Hồng y và rất nhiều các hàng giáo phẩm. Trong số những người Việt Nam có mặt tại buổi lễ, có Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận, tân Phó chủ tịch Hội đồng Tòa thánh Công lý và Hòa bình (tương đương với chức thủ tướng), và ông Nguyễn Mạnh Dũng, Đại sứ Việt Nam tại Roma.

Đức Hồng y Phạm Đình Tụng 75 tuổi, chịu chức linh mục năm 1949, được bổ nhiệm làm giám mục Bắc Ninh năm 1963, và năm 1990 được bổ nhiệm làm Giám quản Tông tòa giáo phận Hà Nội, và từ tháng 4 năm 1994, là Tổng Giám Mục chính tòa.

Được biết, trong gần 30 năm làm giám mục tại giáo phận Bắc Ninh, ngoại trừ 4 năm gần đây, Đức Cha Phạm Đình Tụng luôn bị bó buộc ở nhà mà không được viếng thăm mục vụ hơn 100 giáo xứ trong giáo phận. Tuy vậy, Đức cha đã có sáng kiến thành lập các hội đồng giáo dân có nhiệm vụ điều khiển đời sống đạo của các cộng đoàn địa phương, và một tu hội đời dành cho những thanh niên nam nữ để chuẩn bị họ trở thành giáo lý viên.

## Phạm pháp hình sự gia tăng

Theo thống kê của Phòng kiểm sát điều tra trị an, trong năm 1994 (từ 21-11-1993 đến 20-11-1994), tại Sài Gòn đã xảy ra 13.185 vụ án hình sự, tăng gần 10% so với 1993 (tăng 1.289 vụ).

Tỷ lệ tăng cao nhất là các vụ chống trả lại công an, tăng 74,77% so với 1993. Án hiếp dâm tăng 42,48%, án lừa đảo tăng 30,18%. Đặc biệt có đến 81,69% đối tượng phạm pháp dưới 18 tuổi. Trong 113 vụ án hiếp dâm, có 63 vụ cưỡng hiếp trẻ em (55,75%), tăng 44,44% so với 1993. Một dạng tội phạm mới xuất hiện là nạn bắt cóc trẻ em, tổng tiền, trong đó hơn 2/3 tội phạm đã bị bắt.

Những sự gia tăng vừa kể cho thấy kỳ cương, đạo đức xã hội trong nước rất suy đồi. Trước kia trật tự trị an là ưu tư hàng đầu của chế độ nay đã trở thành thứ yếu. Theo dự báo, năm 1995 các vụ án hình sự sẽ còn tăng hơn nữa.

## Năm 1995 sẽ không có xây dựng cơ bản lớn

Theo Ủy ban kế hoạch nhà nước, năm 1995, chính quyền sẽ không khởi công xây dựng một công trình hạ tầng kinh tế lớn nào từ ngân sách mà chỉ tiếp tục thực hiện các công trình chuyển tiếp từ năm 1994 hoặc từ các năm trước. Mặc dù vậy số chi đầu tư cho

hạ tầng xã hội tăng 131,3%, tất cả được dùng để trả lương cho cán bộ xã hội, hưu bổng, xây dựng những căn nhà tình nghĩa và tài trợ các gia đình thương binh liệt sĩ. Chi đầu tư nghiên cứu khoa học tăng 256,5% so với 1994, nhưng cũng chỉ để trả lương lương và tăng phụ cấp cho nhân viên nghiên cứu hơn là mua sắm trang thiết bị hiện đại. Cũng nên biết là nhân viên các viện nghiên cứu hiện nay đa số là thành phần quân đội cải biên được chuyển qua các cơ quan nghiên cứu khoa học làm những công việc hành chính. Từ lâu tiền lương của giới nghiên cứu khoa học không tăng, đây cũng là biện pháp đền bù chênh lệch lương bổng so với các ngành kinh tế.

Do dự đoán số thu năm 1995 ít hơn số chi ngân sách, việc gia tăng trợ cấp các thành phần xã hội và nghiên cứu nhằm giảm bất mãn những thành phần thân chính quyền. Các lãnh vực khác do không đủ khả năng chi đầu tư nên đều bị bỏ rơi. Nhiều chuyên gia kinh tế tiên đoán rằng sự sút giảm vốn đầu tư nhà nước trong lĩnh vực kinh tế sẽ làm giảm độ tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam trong những năm kế tiếp.

## Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên?

Trong hội nghị chuyên đề về các trường sư phạm được tổ chức tại Hà Nội ngày 6-12-1994, bộ trưởng giáo dục và đào tạo Trần Hồng Quân đưa ra các mục tiêu nhằm củng cố và đổi mới hệ thống sư phạm: giải quyết việc thiếu 50.000 giáo viên tiểu học; đào tạo giáo viên ngoại ngữ, tin học, âm nhạc...; bảo đảm đủ số lượng giáo viên; chuẩn bị đáp ứng yêu cầu nâng chuẩn đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non. Để thực hiện được các mục tiêu trên, ông Trần Hồng Quân đưa ra các giải pháp như sau: xây dựng lại kế hoạch đào tạo và chương trình, tài liệu đào tạo; đổi mới việc giáo dục nghiệp vụ sư phạm; sau cùng là sắp xếp lại các trường sư phạm nhằm đáp ứng yêu cầu về số lượng và loại hình giáo viên phổ thông, mầm non. Ông Quân còn cho biết Bộ Giáo Dục và Đào Tạo sẽ "phấn đấu đến năm 2000 có trên 3.000 người đạt trình độ thạc sĩ".

Cũng nên biết hiện nay, mỗi năm các trường đại học và cao đẳng sư phạm đào tạo trên 8.400 giáo viên trung học cho toàn quốc, các trường trung học sư phạm cung cấp hơn 13.000 giáo viên tiểu học và mầm non. Tuy nhiên số lượng giáo viên bỏ và nghỉ việc hàng năm cũng tương đương hoặc cao hơn số giáo viên được đào tạo. Thêm vào đó mục tiêu, nội dung, phương pháp và kỹ thuật đào tạo tụt hậu, không theo kịp nhu cầu biến đổi của xã hội. Quy trình đào tạo quá cứng nhắc và khép kín trong hệ thống sư phạm khiến sau khi tốt nghiệp các tân giáo viên không thích nghi kịp với những chuyển biến với nhu cầu của xã hội, không bắt kịp trình độ của các trường chuyên nghiệp khác. Trong năm 1994, 9.607 cán bộ giảng dạy sư phạm chưa được tu nghiệp để đáp ứng nhu cầu giảng dạy sư phạm, do đó nội dung đào tạo càng bị tụt hậu.

## Thay đổi tiêu chuẩn HO

Theo tin từ Sở Ngoại Vụ Sài Gòn, phía Hoa Kỳ vừa thông báo một thay đổi quan trọng trong các tiêu chuẩn xét định cư tại Mỹ diện HO (Humanity Operation). Theo đó, từ 1-2-1995, phía Mỹ chỉ xét cho phỏng vấn những người thuộc diện HO, vợ và con dưới 21 tuổi, chưa lập gia đình và còn sống phụ thuộc cha mẹ (các con trên 21 tuổi dù còn độc thân vẫn không được xét). Chỉ những

# THỜI SỰ...TIN

# TỨC...THỜI SỰ...

trường hợp là con duy nhất còn lại trong gia đình có thể được Mỹ linh hoạt xem xét.

Thay đổi này làm nhiều gia đình nộp đơn theo diện HO lo âu, như vậy sẽ có nhiều gia đình lâm vào cảnh kẻ ở người đi. Hiện nay còn khoảng 50.000 người muốn xuất cảnh theo diện HO trong danh sách phía Việt Nam trao cho Mỹ chưa được phỏng vấn. Tỷ lệ từ chối sau khi phỏng vấn từ phía Mỹ trong những tháng gần đây rất cao: 48% trong đợt tháng 11-1994.

## Tổ chức Hoàng Cơ Minh thua kiện

Trong hai tuần lễ trung tuần tháng 12-1994, vụ kiện lớn nhất giữa người Việt Nam trước một tòa án Mỹ đã diễn ra tại thành phố San José. Tổ chức Hoàng Cơ Minh kiện tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong, nhà báo Cao Thế Dung và tiến sĩ sử học Vũ Ngự Chiêu về việc viết báo và sách lên án họ là một tổ chức tội phạm. Đây là phiên tòa thứ hai. Trước đây một tòa án Mỹ khác đã bác đơn kiện của tổ chức Hoàng Cơ Minh vì lý do các đoạn mà tổ chức Hoàng Cơ Minh cho là vu cáo họ không nêu đích danh những nhân vật của tổ chức này. Lần này tòa đại hình đã xét đơn kháng án của tổ chức Hoàng Cơ Minh.

Trong phiên tòa này, các bị can đã thay đổi lập luận bào chữa. Thay vì chối không nói tới những nhân vật của tổ chức Hoàng Cơ Minh, họ xác nhận đã bình luận về tổ chức này và đưa ra những sự kiện để biện minh cho luận cứ của họ.

Ông Vũ Ngự Chiêu đã khai với tòa rằng ông có chứng liệu để cáo buộc tổ chức Hoàng Cơ Minh trong 18 vụ án mạng. Ông Phạm Văn Liễu, trước đây là nhân vật thứ hai của tổ chức Hoàng Cơ Minh, khai rằng ông đã được chính ông Hoàng Cơ Minh cho biết và đưa hình ảnh về một vụ xử tử một người tại Thái Lan. Ông Liễu cũng khai là tại Thái Lan ông đã gặp một người nhờ ông giúp cách để thoát khỏi "chiến khu" của tổ chức Hoàng Cơ Minh tại Thái Lan vì tính mạng bị đe dọa. Sau đó ông không giúp được người này, và người này không còn tung tích nữa. Ông cũng cho biết là "chiến khu" này chỉ có khoảng 20 người Việt Nam trong tổng số gần 100 người, những người còn lại là người Miên và Thái. Phần lớn những người Việt Nam đều muốn rời bỏ "chiến khu" nhưng không được. Ông Liễu cũng cho biết luận điệu của ông Hoàng Cơ Minh, theo đó tổ chức Hoàng Cơ Minh có 10.000 quân là hoàn toàn bịa đặt.

Tòa án đã nhận định rằng với những dữ kiện mà họ có trong tay, các bị cáo có quyền nhận định, và lại những người hoạt động chính trị là những khuôn mặt công cộng và do đó phải chấp nhận bị phê bình. 11 trong số 12 người trong bồi thẩm đoàn nhân dân đã biểu quyết bác đơn của tổ chức Hoàng Cơ Minh.

Trong suốt phiên tòa kéo dài hai tuần lễ và chấm dứt ngày 22-12-1994, điều đáng lưu ý là những người đến tham dự phiên tòa đã ngồi vào phía các bị cáo. Thua kiện, tổ chức Hoàng Cơ Minh sẽ phải trả án phí ít nhất 80.000 USD.

## Tin ghi nhanh

### 50,6% gái mãi dâm dưới 25 tuổi

Theo số liệu của Trung tâm phụ nữ Thủ Đức, trong số 541 phụ nữ bị bắt về tội mãi dâm, có 278 người (50,6%) ở độ tuổi từ 25 trở xuống. Số từ 26 đến 35 tuổi chiếm 38,8% và trên 35 tuổi chiếm 9,8%. Trong số này, 74,4% bị bắt lần đầu tiên. Số người cư ngụ tại thành phố chiếm 61,4% và các tỉnh lẻ hành nghề chiếm 38,6%. Điều tra nguyên nhân dẫn đến con đường bán thân thì

91,5% là do sinh kế bản thân và gia đình, 5,5% do buồn phiền gia đình và 2,9% là do ham vui, đua đòi.

## Phòng chống SIDA

Ông Roy D. Morey, điều phối viên Chương trình phát triển của Liên Hiệp Quốc (UNDP) tại Việt Nam, ngày 1-12-1994, cho biết UNDP sẽ tài trợ cho Việt Nam một triệu USD phòng chống bệnh SIDA. Ngân sách của Việt Nam dành cho phòng chống SIDA đã tăng từ 40 tỷ đồng năm 1994 lên 60 tỷ năm 1995. Đây là một việc làm khẩn cấp, vì theo ước tính của Cơ quan Y tế Thế giới (WHO), từ nay đến năm 1998, Việt Nam sẽ có hơn 570.000 người bị nhiễm virút HIV, 15.000 người có thể chết vì bệnh SIDA. Việt Nam là một trong ba quốc gia có tỷ số nhiễm virút HIV cao nhất Đông Nam Á, sau Thái Lan và Trung Quốc.

## Hà Nội có thị trường mới.

Theo Âu châu thời báo xuất bản tại Paris ngày 17-19/12/1994, ông Nguyễn Văn Nghiên, 53 tuổi, giám đốc một xí nghiệp điện tử với vốn của công ty Daewoo (Đại Hàn) vừa "thăng cử" chủ tịch Ủy ban nhân dân Hà Nội ngày 14/12. Ông Nghiên thay ông Lê Khắc Hội bị khiển trách vì vụ cháy chợ Đồng Xuân của thủ đô hồi tháng 7 năm nay. Thành phố Sài Gòn cũng đang tuyển chọn một chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố mới. Tuy nhiên, người ta cho là ông Trương Tấn Sang có khả năng tái nhiệm.

## Một người Việt Nam bị chết vì không tặc

Ông Bùi Quang Tộ, 48 tuổi, nhân viên sứ quán Việt Nam tại thủ đô Alger của nước Algeria đã bị không tặc giết hại ngày thứ bảy 24-12-1994. Trong 226 hành khách của chuyến bay Alger-Paris của hãng hàng không Air France bị bắt làm con tin, ông Tộ là một trong ba nạn nhân đã bị bọn không tặc, thuộc phe Hồi Giáo cuồng tín, bắn chết để buộc chính phủ Algeria làm theo những đòi hỏi của họ và buộc phi cơ bay đến phi trường Marseille-Marignane, ở miền nam nước Pháp. Tại đây, vào ngày 26-12-94, bọn không tặc đã bị lực lượng đặc biệt của Pháp tấn công và bắn chết trong máy bay. 172 hành khách và phi hành đoàn còn bị giữ làm con tin được giải thoát.

## Hà Nội phản đối Pháp đã gán huân chương cho Dương Thu Hương

Theo Thông Tấn Xã Pháp (AFP), các quan chức văn hoá Việt Nam đã lên án nặng nề quyết định tặng huân chương về nghệ thuật và văn chương (Chevalier des arts et des lettres) cho Dương Thu Hương của ông Jacques Toubon, Bộ trưởng văn hoá Pháp. Bất chấp các áp lực của chính quyền Hà Nội, ông Toubon đã gán huân chương này cho nhà văn Dương Thu Hương vào ngày 13-12-94 tại Paris. Tuần báo Văn Nghệ ngày 24-12-94, phản ánh lập trường của Đảng, đã đăng tải nhiều bài đả kích Pháp về sự kiện này.

## Đón đọc:

Sẽ phát hành đầu năm Ất Hợi: **Hoa vàng cũ**. Tuyển tập Kịch Thơ của **Phạm Xuân Tích**. Tựa của **Trần Thanh Hiệp**, tranh bìa của họa sĩ **Lê Tài Diễm**, phụ bản của các họa sĩ **Đới Ngoạn Quân, Thái Tuấn, Đinh Cường, Ngọc Dũng**. **Thế Kỷ (California) xuất bản và phát hành**

## 1

Jacques Delors, đảng viên đảng xã hội Pháp, người đang dẫn đầu trong các cuộc thăm dò dư luận về bầu cử tổng thống Pháp cuối tháng 4-1995, tuyên bố sẽ không ra tranh cử. Delors đưa ra hai giải thích, một cá nhân và một chính trị. Lý do cá nhân: Delors nói rằng ông đã 70 tuổi. Lý do chính trị: Delors tiên liệu ông sẽ không thể có một đa số trong quốc hội để có thể thực hiện dự án mà ông mong cho nước Pháp. Cả hai lý do đó đều chỉ thuyết phục tôi một nửa.

Quyết định của Delors là một thất vọng lớn cho đảng xã hội. Hy vọng trở lại chính quyền của họ tiêu tan, và có lẽ hy vọng tồn tại của họ cũng tiêu tan luôn. Nhưng có lẽ đó là lý do chính của Delors. Ông không muốn làm sống lại đảng xã hội để kéo dài cuộc tranh cãi ý thức hệ tả-hữu đã hoàn toàn vô nghĩa.

Nhưng nếu sự rút lui của Delors là một đòn ăn huệ cho phe tả thì đồng thời nó cũng gây ra xáo động lớn cho phe hữu. Hết sợ Delors, các thủ lĩnh cánh hữu sẽ không cảm thấy phải đoàn kết để chống lại đối thủ chung, họ sẽ ào ạt ra tranh cử. Sẽ có ít nhất bốn ứng cử viên cánh hữu. Phe hữu cũng rạn nứt. Tranh cãi ý thức hệ sẽ chấm dứt nhường chỗ cho tranh cãi về những vấn đề thực sự quan trọng cho tương lai nước Pháp. Đó là điều Delors muốn.

## 2

Vấn chuyện Delors. Giác mộng - chính đáng - làm bộ trưởng, thứ trưởng, dân biểu, nghị sĩ, v.v... của hàng ngàn đảng viên xã hội tan vỡ. Những dự án đầy công suy nghĩ và soạn thảo sẽ nằm yên trong ngăn kéo. Chỉ vì một quyết định cá nhân, của một người. Bài học chính trị nào rút ra từ biến cố này?

Một nhà hoạt động chính trị có tên tuổi tại Mỹ viết thư cho tôi nói rằng ba vấn đề của đối lập dân chủ Việt nam là tổ chức, tổ chức và tổ chức. Sự kính mến không cấm nghi khác. Tổ chức dĩ nhiên là cần thiết nhưng không phải là tất cả như vị huynh trưởng kia nghĩ. Và cũng không phải là điều quan trọng nhất. Điều quan trọng nhất là chúng ta là hiện thân của cái gì.

Delors dĩ nhiên là hiện thân của sự đứng đắn và bộc trực, của lòng bao dung, của khả năng và của một ưu tư về công bằng xã hội. Một mình Delors đã mạnh hơn hẳn cơ cấu tổ chức hùng hậu của các đảng phái tả cũng như hữu.

Điều quan trọng là đối lập dân chủ Việt Nam phải được cảm nhận như là hiện thân của một giấc mơ Việt Nam. Giấc mơ một nước Việt Nam có nghĩa, có tình, có sự hợp lý, có chỗ đứng và tiếng nói cho tất cả mọi người. Một nước Việt Nam mà những con người hôm nay có thể chấp nhận và các thế hệ mai sau có thể tự hào. Sau đó mới có vấn đề tổ chức.

## 4

Đã có rất nhiều bình luận về thắng lợi của đảng cộng hòa Mỹ và thất bại của tổng thống Clinton. Mọi người đồng ý: từ đây Clinton sẽ phải chia quyền với đảng cộng hòa. Có nhiều bài báo coi Bob Dole như là vị tổng thống trên thực tế (the virtual president), hay coi Newt Gingrich là thủ tướng của một "chính phủ-quốc hội".

Có cái gì không ổn. Tất cả các vị tổng thống cộng hòa từ trước tới nay đều đã phải cai trị với đa số thuộc đảng dân chủ trong cả hai viện quốc hội, tại sao họ vẫn lãnh đạo được nước Mỹ một cách bình thường? Lý do thực sự khiến Clinton gặp khó khăn hơn các

vị tổng thống cộng hòa trước đây là vì cuộc tranh cử quốc hội vừa qua tại Mỹ đã không phải là một cuộc tranh cử bình thường. Nó đã là sự đụng độ giữa hai chủ thuyết: chủ thuyết một nhà nước nặng mà Clinton hô hào, với chính sách an sinh xã hội cho phép nhà nước bảo trợ mọi công dân Mỹ, và do đó can thiệp vào đời sống hằng ngày của họ, và chủ thuyết một nhà nước nhẹ, một nhà nước trọng tài cho các hoạt động của xã hội dân sự. Thắng lợi của đảng cộng hòa có nghĩa là thắng lợi của chủ thuyết nhà nước nhẹ của đảng cộng hòa, đồng thời là sự từ chối chủ thuyết big government của Clinton. Chính vì thế mà Clinton bị tổn thương.

Nhưng tại sao Clinton lại thất bại? Cách đây hai năm ông đánh bại George Bush vì lúc đó kinh tế Mỹ suy thoái, giờ đây ông thất bại giữa lúc kinh tế Mỹ đang phục hồi mạnh mẽ. Cử tri có thể không diễn tả được ý nghĩ của họ mặc dầu họ nghĩ đúng. Trong một chế độ dân chủ thị trường vai trò của nhà nước trong hoạt động kinh tế không bao nhiêu, nó giới hạn trong ba quyết định chính: lãi suất tái chiết khấu của ngân hàng trung ương, mức thu thuế và sự phối trí các chi tiêu công cộng. Trong cả ba điểm này nhà nước cũng không phải muốn làm gì thì làm mà phải làm một cách rất thận trọng, nghĩa là rất ít. Sau cùng thì mọi chính phủ dân chủ đều được đánh giá trong vai trò gìn giữ đồng thuận dân tộc, chung quanh những giá trị làm nền tảng và niềm hạnh diện của một quốc gia. Đó là điều mà Clinton rất thiếu.

## 4

Cách đây hai năm, tôi lưỡng lự và không ký vào một bản tuyên ngôn do giáo sư Trần Huy Bích gởi qua. Mặc dầu tôi quý mến anh Bích như một người anh và nếu tôi không làm ông Bích cũng coi tôi như một người em, hơn thế nữa chúng tôi "coi nhau như anh em ruột" theo lời ông Bích (nhiều bạn tôi trong nhóm Thông Luận đã ký vào bản tuyên ngôn đó, như khoảng một ngàn trí thức hải ngoại khác). Lý do: bản văn đó có nêu tên nhiều nhân vật được coi là tiêu biểu của cuộc vận động dân chủ hóa, trong số đó có một số người mà tôi chưa hân hạnh được biết. Và cũng có một người mà những gì tôi đã được nghe và được đọc làm tôi lưỡng lự: Phan Đình Diệu. Tôi đã giải thích như thế với anh Bích và anh Bích đã thông cảm. Phải nói rằng, với thời gian, sự băn khoăn của tôi không giảm đi mà còn lớn lên. Anh Diệu nhận định khác tôi về bản chất của dân chủ và về tiến trình dân chủ hóa Việt Nam. Anh Diệu rất thích chế độ lưỡng đảng, cho rằng chỉ cần hai đảng cũng là có đa nguyên chính trị rồi. Rõ ràng là có một lần lộn lộn giữa một vấn đề kỹ thuật (lưỡng đảng là hậu quả của lối bầu phiếu đơn danh và một vòng) với một vấn đề bản chất (dân chủ bảo đảm chỗ đứng và tiếng nói ngang nhau cho mọi người, đa nguyên trước hết bao hàm sự tôn trọng các thiểu số). Anh Diệu đề nghị một tiến trình dân chủ hóa gồm nhiều giai đoạn, mà phải tới giai đoạn cuối mới có việc cho phép các hiệp hội hoạt động, chứ vẫn chưa có vấn đề chính đảng. Thế thì bao giờ mới có dân chủ thực sự? Tôi nghĩ rằng dân tộc Việt Nam xứng đáng hơn thế. Và lại, nếu bước vào thế kỷ 21 mà chúng ta vẫn còn phải chịu đựng một chế độ độc tài thì quả là một cái nhục lớn, và chúng ta khó lòng gượng dậy được từ cái nhục này.

Anh Diệu ngày nay đã tham gia vào Mặt Trận Tổ Quốc để theo đuổi đường lối "vận động dân chủ từ bên trong". Chọn lựa nào cũng đáng kính trọng nếu là chọn lựa lương thiện, tôi không đá kích chọn lựa của anh Diệu. Nhưng theo những gì tôi biết và nhận định thì hình như chính ban lãnh đạo đảng cộng sản có ý định chấp nhận một tiến trình dân chủ hóa nhanh chóng hơn đề nghị của anh Diệu.

Nguyễn Gia Kiểng

## Sổ Tay

### Bài học

Chủ nhà giới thiệu tôi với những người khách khác. Những cái tên Việt Nam vẫn thường nghe tại Paris: Văn, Hiệp, Paul, Michel, Raymond, v.v... Cái tên của anh ta cũng thế, nhưng sao có vẻ rất quen thuộc. Gương mặt cũng có cái gì ngờ ngợ. Tôi ngồi xuống trước mặt anh ta và anh ta nhìn tôi chăm chú như muốn nhắc nhở:

- Anh không nhận ra tôi sao, hai năm trước mình cũng gặp nhau tại đây, anh quên rồi hả?

Tôi chợt nhớ ra tất cả. Hai năm về trước cũng tại nhà này tôi được anh ta lên lớp cho một bài học đến nơi đến chốn.

- Các anh trật đường rầy, vous êtes à côté de la plaque! Các anh ngồi ở đây nói chuyện dân chủ, tự do, lắm cảm quá. Bên nhà đang thay đổi từng tháng, từng ngày và từng giờ. Các anh bị gạt ra ngoài lề xã hội rồi mà không biết. Các anh nói toàn chuyện trên trời dưới đất. Ở bên nhà chẳng ai còn quan tâm đến những chuyện đó nữa tự do, dân chủ, nhân quyền; chẳng đa nguyên, hòa giải gì cả. Làm ăn, làm ăn và làm ăn! Và muốn làm ăn được thì phải có võ. Vấn đề là các anh muốn có chỗ đứng hay không muốn có chỗ đứng. Nếu muốn có chỗ đứng thì phải bớt nói đi để lao vào làm kinh tế. Đứng ngoài nói chuyện tự do, dân chủ chẳng ma nào để tai đâu. Tình hình bây giờ đổi lắm rồi. Vào cuộc, hay là bị đào thải, hay là chấp nhận làm Tây làm Mỹ suốt đời. Chỉ có thế!

Anh ta là cái đỉnh của buổi họp mặt tối hôm đó. Cái xe Mercedes đồ sộ đậu một cách hách dịch ở ngoài là của anh ta. Mọi người đặc biệt chú ý đến anh ta bởi vì hình như mọi người đều muốn biết cách làm ăn tại Việt Nam, và anh ta là một success story bằng xương bằng thịt. Anh ta chỉ ghé Paris một năm hai ba lần, mỗi lần một hai tuần lễ. Anh tham dự bữa ăn tối nào là cả một vinh dự cho chủ nhà và cho những người có mặt. Thời giờ của anh ta là vàng bạc, phải được chia đồng đều cho mọi người. Những lời anh ta nói ra, hay đúng hơn phán ra, phải được ghi nhớ chứ không thể bàn cãi. Cái cọ dai dẳng chiếm hữu thời giờ của anh ta là một điều rất bất lịch sự.

Tôi đành chịu thua. Và lại mọi người đều đã đồng tình với anh ta. Tôi ở thế của kẻ thấp cổ bé miệng, tự cảm thấy mình vừa thừa vừa quê. Qua những câu chuyện mà anh ta trao đổi với những người khác tôi được biết anh ta đã kinh doanh tại Việt Nam từ vài năm nay về xuất nhập khẩu, rất thành công, đã gặp gỡ tất cả các ông lớn của chế độ, và công việc đang tiến triển rất mạnh. Tự nhiên tôi cũng cảm thấy mang ơn anh ta đã cho tôi một thí dụ của

một người Việt Nam thành công, ít ra đó cũng là một niềm hạnh diện cho cái thân phận Việt Nam chẳng có gì vinh của tôi. Tôi hiểu là anh ta có một cô vợ bé son trẻ ở trong nước, bà vợ có ghen nhưng không ai dị nghị bởi vì đối với một nhà kinh doanh quan trọng như thế, cuộc sống gia đình dĩ nhiên chỉ là phụ thuộc. Thành công biện minh cho tất cả.

Hai năm qua đã làm anh thay đổi đến nỗi tôi không nhận ra. Anh giải thích:

- Anh không nhận ra tôi cũng đúng. Tóc bạc đi nhiều rồi và sự nghiệp cũng tiêu rồi. Thua to rồi anh ạ.

- !?

- Tôi mới ở tù ra. Sáu tháng nằm ấp với rệp và muỗi. Tiêu hết. Mẹ kiếp, nó đều quá, mình là nhà xuất nhập khẩu, mình thu mua để xuất khẩu, ai bán thì mình mua, cần gì biết hàng từ đâu ra. Nó bắt tôi về tội mua hải sản ăn cắp từ kho nhà nước. Dĩ nhiên là tôi cũng biết là hàng ăn cắp. Nhưng ở Việt Nam ngày nay ai không ăn cắp? Nếu cứ dựa vào lý thì có thể bỏ tù cả nước.

- Anh không khiếu nại?

- Khiếu nại chứ, nhưng chờ được vụ thì má đã sưng, tôi được miễn tố, được trả tự do, nhưng ra đến ngoài thì cơ nghiệp đã tiêu tan hết rồi. Ngay cả văn phòng thuê có hợp đồng đảng hoàng cũng đã bị chiếm rồi. Mất hết. Tay trắng.

- Anh cũng có vợ, sao lại có thể xảy ra chuyện đó. Nhưng ông lớn mà anh giao thiệp không giúp đỡ được gì cho anh sao?

- Vô vẻ gì, trò đời mà, khi vui thì vô tay vào đến khi hoạn nạn thì nào thấy ai. Các ông lớn đâu còn thì giờ để tiếp một thằng mới ở tù ra. Tôi cũng không còn tiền để thù tạc những bữa tiệc một ngàn đô-la. Miếng đất ở Thủ Đức có thể bán được bốn ngàn cây đã có mấy đứa có vô đến cất nhà rồi. Nó còn dọa thanh toán. Và lại, thực ra bọn nó đánh tôi vì thấy tôi thành công. Tụi nó muốn cướp giật cơ sở. Tụi nó mạnh quá, tam thập lục kế, chỉ còn kế ôm đầu mà chạy.

- Nhập gia tùy tục, người ta biết hối lộ thì mình cũng biết hối lộ. Và lại anh là con người nhiều bản lãnh.

- Bản lãnh cũng chết mà không bản lãnh cũng chết. Ở cái xứ luật rừng muốn bắt ai là bắt, muốn tịch thu tài sản ai là tịch thu thì chỉ có hên là sống, và cũng chỉ sống tạm cho đến lúc chết. Sớm muộn gì cũng chết. Không phải là mình không dám hối lộ nhưng không biết hối lộ ai cho đúng chỗ. Tình hình bây giờ phức tạp lắm. Chẳng ai có đủ quyền lực để giúp mình cả, nhưng lại có vô số người có đủ quyền lực để chặt mình. Ấy là tôi còn khôn hồn không kiện cáo gì cả, nếu không nó còn buộc tội phản động chống lại nhà nước thì chỉ có tù rục xương. Bỏ của chạy lấy người. Đó là một bài học cay đắng cho tôi.

- Anh rút ra bài học nào sau kinh nghiệm này?

- Nghi lại, tôi lấy quyết định bỏ về làm ăn luôn tại Việt Nam cũng chỉ vì lực đực với bà xã. Bài học mà tôi rút ra là không nên gây với vợ.

Phù Du

## THÔNG LUẬN

### Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages  
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề  
VIET NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

**Thông Luận**

**hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp**

**mọi ủng hộ tài chánh**

**và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó**